



DANH SÁCH THI VÒNG 1
CUỘC THI TOEFL PRIMARY CHALLENGE HỒ CHÍ MINH 2015-2016

Ngày thi: 09/01/2016 (Thứ Bảy)
Số ca thi: 04 Ca
Địa điểm: Trường Tiểu học Kỳ Đồng
24 Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TPHCM

Ca Thi	Giờ tập trung	Giờ đón con
Ca 1	7:15	09:00
Ca 2	10:15	11:45
Ca 3	13:15	14:30
Ca 4	15:30	17:00

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1	Đinh Dương	An	28/Jul/05	60100001	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
2	Dương Đức	Anh	7/Jul/05	60100002	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
3	Lê Nguyễn Văn	Anh	31/Mar/05	60100003	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
4	Nguyễn Phan Quỳnh	Anh	24/Aug/05	60100004	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
5	Nguyễn Phương	Anh	17/Oct/05	60100005	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
6	Hoàng Phúc Gia	Bảo	24/Feb/05	60100006	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
7	Phan Nguyễn Ngọc	Duyên	15/Mar/05	60100007	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
8	Phạm Nguyễn Minh	Đăng	14/Jun/05	60100008	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
9	Nguyễn Trầm Gia	Hưng	25/Jul/05	60100009	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM
10	Nguyễn Hoàng	Minh	30/Jan/05	60100010	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng, P.09, Q.03, HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
11	Nguyễn Trang Phương	Minh	28/Jan/05	60100011	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
12	Lê Hồ Nam	Phương	7/Feb/05	60100012	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
13	Diệp Chí	Quang	1/Jan/05	60100013	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
14	Lê Hoàng Nguyên	Quân	6/Feb/05	60100014	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
15	Vũ Đắc	Toàn	17/Sep/05	60100015	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
16	Phạm Ngọc Thanh	Trúc	6/Nov/05	60100016	5.1	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
17	Lê Thùy Đan	Anh	16/Dec/05	60100017	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
18	Tạ Thùy	Dương	14/May/05	60100018	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
19	Nguyễn Liên	Hào	14/Sep/05	60100019	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
20	Hồ Đức	Huy	31/Aug/05	60100020	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
21	Nguyễn Đình Gia	Khánh	21/Jun/05	60100021	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
22	Phạm Trung	Kiên	16/Sep/05	60100022	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
23	Hoàng Thiên	Kim	23/May/05	60100023	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
24	Phạm Khánh	Ngọc	25/Mar/05	60100024	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
25	Trần Anh Thảo	Ngọc	11/Dec/05	60100025	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
26	Nguyễn Sĩ Minh	Phú	21/May/05	60100026	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
27	Nguyễn Minh	Thái	28/Apr/05	60100027	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
28	Đặng Quế	Thông	29/Nov/05	60100028	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
29	Hồ Đức	Tuấn	31/Aug/05	60100029	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
30	Nguyễn Đoàn Trung	Việt	23/Sep/05	60100030	5.2	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
31	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	17/May/05	60100031	5.3	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
32	Võ Đình Gia	Huy	12/Sep/05	60100032	5.3	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
33	Phạm Mai	Khanh	3/Nov/05	60100033	5.3	5	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
34	Phạm Ánh	Nghi	11/Aug/05	60100034	5.3	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
35	Trần Đỗ	Quyên	5/Oct/05	60100035	5.3	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
36	Nguyễn Minh	Quyền	28/Apr/05	60100036	5.3	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
37	Trần Thái Nhật	Tâm	17/May/05	60100037	5.3	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
38	Huỳnh Thụy Mỹ	Thanh	19/Aug/05	60100038	5.3	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
39	Trương Hoàng	Tuấn	13/Sep/05	60100039	5.3	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
40	Khuru Phạm Hồng	Anh	25/Aug/05	60100040	5.4	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
41	Nguyễn Phạm Hoàng	Cần	10/May/05	60100041	5.4	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
42	Lê Ngọc Minh	Châu	31/Aug/05	60100042	5.4	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
43	Nguyễn Thụy Tâm	Đan	20/Apr/05	60100043	5.4	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
44	Ngô Quốc	Huy	12/Nov/05	60100044	5.4	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
45	Nguyễn Lê	Uyên	27/Feb/05	60100045	5.4	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
46	Nguyễn Phùng Trâm	Anh	29/Oct/05	60100046	5.5	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
47	Đỗ Nguyễn Mai	Hương	1/Dec/05	60100047	5.5	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
48	Phạm Tuyết	Nga	4/Sep/05	60100048	5.5	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
49	Trịnh Hoàng Kiều	Vân	21/Sep/05	60100049	5.5	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
50	Nguyễn Phạm Hoàng Yến	Vy	25/Feb/05	60100050	5.5	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
51	Ngô Hoàng	Quân	14/Feb/05	60100051	5.6	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
52	Lê Phương Quỳnh Anh	Thư	28/Mar/05	60100052	5.6	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
53	Mai Nguyễn Hoàng	Việt	7/Apr/05	60100053	5.6	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
54	Huỳnh Minh	Anh	16/Dec/05	60100054	5.7	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
55	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	26/Nov/05	60100055	5.7	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
56	Trương Vương Hạnh	Nguyên	28/Sep/05	60100056	5.7	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
57	Trần Hiền	Thảo	11/Jun/05	60100057	5.7	5	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
58	Bùi Ngọc Thảo	Anh	2/Jun/06	60100058	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
59	Lê Quỳnh	Anh	26/Jun/06	60100059	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
60	Nguyễn Quỳnh	Chi	7/Jan/06	60100060	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
61	Lê Quỳnh	Hương	26/Jun/06	60100061	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
62	Nguyễn Thùy	Linh	30/Dec/06	60100062	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
63	Nguyễn Quốc	Minh	19/Nov/06	60100063	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
64	Lê Hồng	Minh	10/May/06	60100064	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
65	Nguyễn Hồ Bích	Ngọc	8/Apr/06	60100065	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
66	Nguyễn Hồng	Phúc	10/Feb/06	60100066	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
67	Tạ Thiên	Phúc	12/Jul/06	60100067	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
68	Ngô Thị Ngọc	Trâm	29/Jan/06	60100068	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
69	Nguyễn Lê Trí	Việt	16/Jul/06	60100069	4.1	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
70	Lý Ngọc Quỳnh	An	16/Jun/06	60100070	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
71	Đình Hồng	Châu	29/Sep/06	60100071	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
72	Nguyễn Ngọc	Linh	1/Dec/06	60100072	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
73	Nguyễn Ngọc Đan	Linh	28/Jun/06	60100073	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
74	Nguyễn Thái Hiền	Minh	9/Jul/06	60100074	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
75	Nguyễn Minh Hương	Ngọc	9/Jul/06	60100075	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
76	Nguyễn Xuân	Phát	29/Sep/06	60100076	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
77	Trần Nam	Phương	28/Sep/06	60100077	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
78	Nguyễn Như	Quỳnh	10/Oct/06	60100078	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
79	Nguyễn Quang	Tấn	27/May/06	60100079	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
80	Nguyễn Đức	Thắng	13/Jul/06	60100080	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
81	Lê Thanh	Thanh	5/Aug/06	60100081	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
82	Trần Minh	Thiện	21/Mar/06	60100082	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
83	Ngô Minh	Văn	20/Apr/06	60100083	4.2	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
84	Trần Kim Gia	Bình	5/May/06	60100084	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
85	Trần Quỳnh	Dao	4/Jan/06	60100085	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
86	Đào Quang	Kiên	19/Mar/06	60100086	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
87	Nguyễn Đoàn Bảo	Ngọc	10/Jul/06	60100087	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
88	Phạm Nguyễn Tuấn	Minh	10/Jan/06	60100088	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
89	Nguyễn Thanh	Phúc	11/Nov/06	60100089	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
90	Phan Thế	Tú	3/Nov/06	60100090	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
91	Trần Thanh	Tùng	12/May/06	60100091	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
92	Ngô Hoàng	Việt	9/May/06	60100092	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
93	Bùi Công	Vinh	7/Jul/06	60100093	4.3	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
94	Dương Ngọc Tường	Anh	2/Oct/06	60100094	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
95	Trần Lâm Hải	Dương	10/Feb/06	60100095	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
96	Võ Đình	Hiếu	1/Jan/06	60100096	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
97	Đào Duy	Khôi	28/Feb/06	60100097	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
98	Trần Phước Nguyên	Khôi	21/Jul/06	60100098	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
99	Tạ Phúc Hạnh	Nguyên	15/Jan/06	60100099	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
100	Nguyễn Thiện	Nhân	30/Mar/06	60100100	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
101	Trần Đình	Trí	2/Mar/06	60100101	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
102	Đoàn Đức	Vinh	25/Jan/06	60100102	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
103	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	10/Feb/06	60100103	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
104	Võ Hoàng	Vy	18/Mar/06	60100104	4.4	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
105	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	5/Oct/06	60100105	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
106	Võ Quý Trâm	Anh	20/Jan/06	60100106	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
107	Phạm Ngọc Tuấn	Khải	6/Jan/06	60100107	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
108	Huỳnh Thế	Khang	30/Apr/06	60100108	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
109	Trương Trần Quốc	Khánh	24/Dec/06	60100109	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
110	Phạm Khánh	Linh	23/Jul/06	60100110	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
111	Lê Hoàng Mỹ	Phương	29/Nov/06	60100111	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
112	Nguyễn Nhật	Quang	7/Aug/06	60100112	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
113	Phan	Quang	10/Oct/06	60100113	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
114	Trần Lưu Minh	Thông	3/Mar/06	60100114	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
115	Phan Hà Bảo	Trân	11/Dec/06	60100115	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
116	Lê Trần Thanh	Tú	7/May/06	60100116	4.5	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
117	Huỳnh Phan Phúc	An	5/Dec/06	60100117	4.6	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
118	Phạm Trần Nam	Phương	1/Feb/06	60100118	4.7	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
119	Nguyễn Đoàn Nhật	Quang	20/Oct/06	60100119	4.7	4	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
120	Đỗ Quang	Huy	10/Jan/07	60100120	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
121	Ngô Lâm Thụy	Khuê	24/Nov/07	60100121	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
122	Cao Đức	Khiêm	3/May/07	60100122	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
123	Trần Khánh	Ngân	14/Dec/07	60100123	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
124	Trần Hoàng Nhã	Nghi	14/Nov/07	60100124	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
125	Nguyễn Như	Ngọc	5/Feb/07	60100125	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
126	Võ Hải	Thụy	18/Aug/07	60100126	3.1	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
127	Nguyễn Nam	Anh	12/Nov/07	60100127	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
128	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	21/Nov/07	60100128	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
129	Trịnh Ngọc Hoàng	Anh	24/Jan/07	60100129	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
130	Vũ Phương	Anh	13/Nov/07	60100130	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
131	Lê Ngọc Thanh	Hằng	25/Sep/07	60100131	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
132	Nguyễn Nhật	Khôi	7/Feb/07	60100132	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
133	Nguyễn Thái Khánh	Minh	1/Aug/07	60100133	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
134	Phan Ngô Hạnh	Nguyên	14/Jul/07	60100134	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
135	Nguyễn Dương Hoàng	Nhân	31/Jul/07	60100135	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
136	Trần Nguyễn Bảo	Như	1/Feb/07	60100136	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
137	Nguyễn Trần Thuận	Phát	27/Mar/07	60100137	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
138	Nguyễn Hà	Phương	14/Oct/07	60100138	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
139	Lê Xuân	Quang	14/Jul/07	60100139	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
140	Phạm Nguyễn Gia	Thịnh	24/Jan/07	60100140	3.2	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
141	Đỗ Trịnh Thy	Giang	3/Jan/07	60100141	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
142	Ngô Trương Khả	Hân	5/Jan/07	60100142	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
143	Phan Trần Quỳnh	Hương	11/Aug/07	60100143	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
144	Nguyễn Hoàng	Khang	24/Jan/07	60100144	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
145	Nguyễn Bảo	Khánh	4/Sep/07	60100145	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
146	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	15/Oct/07	60100146	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
147	Nguyễn Lê Cát	Tường	25/Jan/07	60100147	3.3	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
148	Nguyễn Hồng	Anh	1/Apr/07	60100148	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
149	Trần Lê Đức	Anh	12/May/07	60100149	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
150	Đặng Nguyên	Khang	16/Mar/07	60100150	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
151	Lê Mai	Khanh	6/Dec/07	60100151	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
152	Trần Minh	Khoa	14/Mar/07	60100152	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
153	Lê Trung	Kiên	3/Mar/07	60100153	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
154	Trần Dương Mỹ	Kỳ	1/Jun/07	60100154	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
155	Nguyễn Gia	Phát	8/Oct/07	60100155	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
156	Lê Hoàng Anh	Thư	7/Jul/07	60100156	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
157	Trần Nhất	Minh	28/Oct/07	60100157	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
158	Lê Tú	My	12/Sep/07	60100158	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
159	Phạm Nguyễn Thiên	Quân	6/Aug/07	60100159	3.4	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
160	Ma Đức	Anh	8/Sep/07	60100160	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
161	Đoàn Gia	Hưng	20/Mar/07	60100161	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
162	Nguyễn Minh	Khang	21/Jul/07	60100162	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
163	Vũ Nguyễn Minh	Khôi	25/Sep/07	60100163	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
164	Võ Hà Ngọc	Linh	7/Aug/07	60100164	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
165	Nguyễn Thanh Nhật	Minh	7/Oct/07	60100165	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
166	Đỗ Trung	Nhân	24/Mar/07	60100166	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
167	Đoàn Minh	Trang	4/Sep/07	60100167	3.5	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
168	Dương Quỳnh	Anh	28/Oct/07	60100168	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
169	Lê Quỳnh	Anh	3/Jan/07	60100169	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
170	Lê Ngọc	Hân	2/Feb/07	60100170	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
171	Trịnh Xuân	Hiếu	1/Jun/07	60100171	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
172	Nguyễn Thái	Hưng	13/Nov/07	60100172	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
173	Lê Ngọc Mai	Khanh	2/Feb/07	60100173	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
174	Hoàng Mai Phương	Linh	26/Jul/07	60100174	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
175	Phan Vinh Bảo	Nghi	10/Sep/07	60100175	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
176	Nguyễn Phương	Nhi	30/Jun/07	60100176	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
177	Tạ Hoàng	Phúc	22/Oct/07	60100177	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
178	Nguyễn Lê Thanh	Tâm	7/May/07	60100178	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
179	Bùi Vũ	Thy	9/Oct/07	60100179	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
180	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	4/Apr/07	60100180	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
181	Trần Ngọc Quỳnh	Trúc	22/Sep/07	60100181	3.6	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
182	Vô Phương	Anh	19/May/07	60100182	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
183	Vũ Mỹ Ngân	Anh	13/Mar/07	60100183	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
184	Trần Nguyên	Khang	7/Jan/07	60100184	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
185	Nguyễn Lan	Khanh	8/Mar/07	60100185	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
186	Đỗ Lam	Phương	24/Sep/07	60100186	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
187	Trần Phương Nhã	Quân	14/Mar/07	60100187	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
188	Trần Gia	Thanh	7/Jan/07	60100188	3.7	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
189	Nguyễn Gia	An	22/Sep/07	60100189	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
190	Lê Minh Quỳnh	Chi	13/Jun/07	60100190	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
191	Vũ Minh	Đức	16/Mar/07	60100191	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
192	Lê Thanh	Hải	1/Jul/07	60100192	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
193	Trần Đăng	Khoa	10/Aug/07	60100193	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
194	Nguyễn Ái	Kỳ	7/Nov/07	60100194	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
195	Trần Phạm Thanh	Lan	8/Oct/07	60100195	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
196	Đặng Quế Như	Linh	30/Mar/07	60100196	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
197	Trương Phúc	Lộc	10/Jan/07	60100197	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
198	Nguyễn Khánh	Nguyên	30/Aug/07	60100198	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
199	Ngô Phan Minh	Quân	24/Nov/07	60100199	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
200	Nguyễn Lê Minh	Tâm	13/Apr/07	60100200	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
201	Nguyễn Huỳnh Đông	Trà	2/Dec/07	60100201	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
202	Lê Nhật Quang	Trí	8/Dec/07	60100202	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
203	Huỳnh Duy	Tường	24/Dec/07	60100203	3.8	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
204	Lê Nhật	Huy	1/Aug/07	60100204	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
205	Đỗ Minh	Khang	13/Dec/07	60100205	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
206	Đào Ngọc	Khánh	20/Dec/07	60100206	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
207	Lê Đức	Kiên	13/Jun/07	60100207	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
208	Nguyễn Mạnh	Tuấn	14/May/07	60100208	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
209	Đặng Bảo	Uyên	6/May/07	60100209	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
210	Huỳnh Thanh Trúc	Vy	30/Sep/07	60100210	3.9	3	Đình Tiên Hoàng	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
211	Lê Phúc	Anh	23/Jun/07	60100211	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
212	Đào Quốc	Cường	10/Nov/07	60100212	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
213	Đoàn Đỗ Quang	Minh	13/Oct/07	60100213	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
214	Phan Diệu	Ngân	20/Oct/07	60100214	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
215	Nguyễn Đức Khôi	Nguyên	6/Feb/07	60100215	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
216	Lê Phan Khánh	Thư	29/Nov/07	60100216	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
217	Lê Đình	Triết	13/Nov/07	60100217	3.3	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
218	Trịnh An	An	20/Apr/07	60100218	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
219	Nguyễn Nhật	Anh	17/Apr/07	60100219	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
220	Đặng Hoàng Phương	Anh	22/Jun/07	60100220	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
221	Phạm Minh	Đức	30/Apr/07	60100221	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
222	Dương Hoàng	Minh	2/Oct/07	60100222	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
223	Nguyễn Văn Gia	Phúc	16/Apr/07	60100223	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
224	Đnh Phảo Gia	Phước	1/Aug/07	60100224	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
225	Nguyễn Minh	Thuận	4/Nov/07	60100225	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
226	Nguyễn Gia	Vỹ	21/Aug/07	60100226	3.4	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
227	Ngô Đình	Bình	15/Apr/07	60100227	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
228	Nguyễn Tuấn	Huy	24/Mar/07	60100228	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
229	Nguyễn Lê Huy	Khaánh	23/Sep/07	60100229	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
230	Phạm Đăng	Khải	6/Feb/07	60100230	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
231	Lâm Minh	Khang	20/Nov/07	60100231	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
232	Lý Thị Xuân	Mai	21/Jul/07	60100232	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
233	Trịnh Khôi	Nguyên	5/Sep/07	60100233	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
234	Trần Gia	Nhật	5/Jan/07	60100234	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
235	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhi	8/Nov/07	60100235	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
236	Tr5inh Đình Minh	Quân	14/May/07	60100236	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
237	Phạm Thùy	Trang	27/Jan/07	60100237	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
238	Trần Gia	Tú	30/Sep/07	60100238	3.5	3	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
239	Võ Duy	Anh	17/Sep/06	60100239	4.1	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
240	Phạm Thị Minh	Châu	17/May/06	60100240	4.1	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
241	Đinh Thanh	Hồng	1/Sep/06	60100241	4.1	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
242	Tiêu Vũ Bình	Minh	27/Oct/06	60100242	4.1	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
243	Lương Bảo	Ngọc	2/Nov/06	60100243	4.1	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
244	Vưu Hồng Bảo	Anh	6/Jan/06	60100244	4.3	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
245	Nguyễn Thảo	Nguyên	27-Jul-06	60100245	4.3	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
246	Vương Tùng	An	18-May-06	60100246	4.2	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
247	Lê Phùng Đăng	Khoa	12-Sep-06	60100247	4.2	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
248	Phạm Cẩm	Linh	5-Dec-06	60100248	4.2	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
249	Trần Vinh	Nghi	3-May-06	60100249	4.2	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
250	Mai Nguyễn Hồng	Phúc	24-Dec-06	60100250	4.2	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
251	Phạm Quỳnh	Trân	18-Mar-06	60100251	4.2	4	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
252	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	17/Sep/05	60100252	5.1	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
253	Ngô Khải	Du	24/Mar/05	60100253	5.1	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
254	Đỗ Anh	Kiệt	26/Feb/05	60100254	5.1	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
255	Đỗ Ngọc Uyên	Ly	12/Aug/05	60100255	5.1	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
256	Bùi Lê Xuân	Anh	5/May/05	60100256	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
257	Trương Phước Minh	Cường	5/Oct/05	60100257	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
258	Nguyễn Võ Gia	Huy	25/Sep/05	60100258	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
259	Phạm Minh	Khoa	31/Jan/05	60100259	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
260	Nguyễn Thanh	Ngọc	22/Jun/05	60100260	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
261	Trương Ngọc Yến	Nhi	15/Jul/05	60100261	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
262	Lê Huỳnh Bích	Trâm	24/Apr/05	60100262	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
263	Nguyễn Thành	Trí	28/Feb/05	60100263	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
264	Nguyễn Huỳnh Bảo	Tường	1/Feb/05	60100264	5.2	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
265	Đỗ Ngô Gia	Huy	1-Nov-05	60100265	5.3	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
266	Nguyễn Song	Thịnh	11-May-05	60100266	5.3	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
267	Nguyễn Lâm Uyên	Thy	29-Oct-05	60100267	5.3	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
268	Lê Ngọc Khánh	Trâm	15-Feb-05	60100268	5.3	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
269	Đinh Thùy	Dương	24-Aug-05	60100269	5.4	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
270	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	26-Feb-05	60100270	5.4	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
271	Nguyễn Minh	Tâm	17-Sep-05	60100271	5.5	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
272	Võ Minh	Lập	27-Apr-05	60100272	5.5	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
273	Trần Thanh	Nhân	20-Jul-05	60100273	5.5	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
274	Tiêu Nguyễn Quế	Anh	23-Sep-05	60100274	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
275	Nguyễn Quảng	Đại	2-Jun-05	60100275	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
276	Trần Thị Ngọc	Hân	20-Nov-05	60100276	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
277	Trần Đình	Hưng	2-Dec-05	60100277	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
278	Bùi Hoàng Minh	Khánh	4-Mar-05	60100278	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
279	Trần Đức Khánh	Linh	3-May-05	60100279	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
280	Ngô Bảo	Long	6-Sep-05	60100280	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
281	Trà Tịnh	Quang	14-Jun-05	60100281	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
282	Nguyễn Ngọc Thùy	Trân	2-Sep-05	60100282	5.6	5	Đuốc Sống	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
283	Nguyễn Châu	Hà	10/Dec/07	60100283	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
284	Nguyễn Thành	Tài	21/Jun/07	60100284	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
285	Nguyễn Hồ Mai	Trang	17/Jun/07	60100285	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
286	Lê Nguyễn Thiên	Kim	3/Aug/07	60100286	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
287	Nguyễn Quỳnh Mỹ	Anh	26/Apr/07	60100287	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
288	Đặng Đức	Huy	25/Mar/07	60100288	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
289	Nguyễn Phạm Minh	Khuê	30/Nov/07	60100289	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
290	Nhâm Ngọc Thảo	Vân	4/Dec/07	60100290	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
291	Hồ Ngọc Khánh	Linh	15/Aug/07	60100291	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
292	Võ Vũ	Nam	18/Mar/07	60100292	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
293	Nguyễn Chí Gia	Bảo	11/Dec/07	60100293	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
294	Nguyễn Cao Thiên	Phúc	13/Jun/07	60100294	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
295	Trương Khải	Hưng	24/Apr/07	60100295	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
296	Nguyễn Trần Xuân	Nghi	30/Mar/07	60100296	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
297	Phạm Trần Minh	Nguyệt	5/Aug/07	60100297	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
298	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	17/Dec/07	60100298	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
299	Hoàng Khánh	Ngân	17/Jan/07	60100299	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
300	Nguyễn Gia Cát	Tường	13/Jul/07	60100300	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
301	Nguyễn Như	Uyên	4/Apr/07	60100301	3.4	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
302	Bùi Nguyên Tuấn	Anh	3/Jul/07	60100302	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
303	Huỳnh Hoàng Phương	Vy	13/Apr/07	60100303	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
304	Lê Đăng	Khoa	23/Sep/07	60100304	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
305	Đào Quang	Huy	7/Mar/07	60100305	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
306	Võ Trần Kỳ	Duyên	17/Aug/07	60100306	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
307	Nguyễn Ngọc Sao	Mai	6/Oct/07	60100307	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
308	Đoàn Uyên Minh	Anh	21/May/07	60100308	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
309	Tạ Minh	Tuấn	11/Aug/07	60100309	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
310	Nguyễn Cảnh Nhật	Nguyên	2/Sep/07	60100310	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
311	Huỳnh Trâm	Anh	14/Sep/07	60100311	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
312	Natasha	Figiel	8/Jun/06	60100312	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
313	Hoàng	Phương	30/Mar/07	60100313	3.6	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
314	Tăng Minh	Quân	25/May/07	60100314	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
315	Phạm Hà Anh	Minh	25/Mar/07	60100315	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
316	Võ Nguyễn Việt	Hoàng	16/Apr/07	60100316	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
317	Nguyễn Huỳnh Minh	Khôi	5/Sep/07	60100317	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
318	Lâm Hoàng Như	Ngọc	26/Sep/07	60100318	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
319	Trần Châu	Anh	26/Jan/07	60100319	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
320	Nguyễn Chí Minh	Huy	28/Mar/07	60100320	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
321	Lê Nguyễn Gia	Khiêm	27/Aug/07	60100321	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
322	Hồ Khánh	Mai	18/Aug/07	60100322	3.5	3	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
323	Nguyễn Anh	Thư	3/Nov/06	60100323	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
324	Trần Phương	Anh	18/Aug/06	60100324	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
325	Mai Quốc	Thắng	5/May/06	60100325	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
326	Đông Ánh	Nguyệt	22/May/06	60100326	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
327	Trần Duy	Khang	1/Apr/06	60100327	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
328	Chu	Khải	14/Aug/06	60100328	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
329	Phan Hoàng Tố	Như	12/Aug/06	60100329	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
330	Lê Đông	Nguyên	16/Feb/06	60100330	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
331	Nguyễn Ngọc Phương	Minh	3/Aug/06	60100331	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
332	Nguyễn Công	Thành	25/May/06	60100332	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
333	Võ Khánh	Hưng	14/May/06	60100333	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
334	Nguyễn Minh	Huy	28/Jan/06	60100334	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
335	Ngô Hoàng Anh	Thư	18/Nov/06	60100335	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
336	Lê Tuyết	Nhi	3/Oct/06	60100336	4.3	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
337	Nguyễn Ngọc Khánh	Thy	25/Dec/06	60100337	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
338	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	20/Sep/06	60100338	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
339	Phạm Mỹ	Anh	23/Sep/06	60100339	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
340	Lê Nguyễn Gia	Linh	14/Nov/06	60100340	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
341	Phùng Bảo	Nhi	7/Jun/06	60100341	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
342	Lê Vũ Quỳnh	Trâm	2/Dec/06	60100342	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
343	Cao Nguyễn Gia	Khang	4/Sep/06	60100343	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
344	Đặng Nam	Sơn	25/Jan/06	60100344	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
345	Nguyễn Hoàng	Thy	15/Aug/06	60100345	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
346	Đỗ Vinh	Hiển	28/Nov/06	60100346	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
347	Phùng Lê Thanh	Trâm	14/Jun/06	60100347	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
348	Phạm Đức	Huy	12/Sep/06	60100348	4.4	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
349	Hoàng Nguyễn Anh	Khôi	4/Jun/06	60100349	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
350	Lê Nguyễn Minh	Thư	27/May/06	60100350	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
351	Hoàng Minh	Hiếu	13/Feb/06	60100351	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
352	Đỗ Lê	Uyên	9/Nov/06	60100352	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
353	Hà Thái	Bảo	14/Jul/06	60100353	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
354	Thái Vinh	Đạt	26/Nov/06	60100354	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
355	Vương Quốc	Đạt	18/Jun/06	60100355	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
356	Huỳnh Ngọc Quang	Hy	1/Aug/06	60100356	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
357	Nguyễn Thảo	My	31/May/06	60100357	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
358	Nguyễn Hoàng	Nhi	25/Dec/06	60100358	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
359	Dương Ngọc Khánh	Tiên	18/Sep/06	60100359	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
360	Đỗ Như	Ý	26/Aug/06	60100360	4.5	4	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
361	Huỳnh Thụy Mai	Nguyên	30/May/05	60100361	5.1	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
362	Lê Ngọc Vân	Khánh	11/Nov/05	60100362	5.1	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
363	Đỗ Quế	Minh	30/Apr/05	60100363	5.1	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
364	Vũ Hoa	Việt	25/Oct/05	60100364	5.1	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
365	Vũ Khánh	Phương	23/May/05	60100365	5.1	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
366	Kiều Anh	Khoa	21/Dec/05	60100366	5.2	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
367	Hoàng Đăng	Nguyên	3/May/05	60100367	5.2	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
368	Đặng Vinh	Phúc	9/Mar/05	60100368	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
369	Nguyễn Phan Nguyệt	Anh	27/Jan/05	60100369	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
370	Lâm Nguyên	Bảo	10/Nov/05	60100370	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
371	Lê Thảo	Nguyên	29/Dec/05	60100371	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
372	Nguyễn Hồ Trúc	Vy	21/Dec/05	60100372	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
373	Lê Hoàng Quốc	Anh	29/Jun/05	60100373	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
374	Lê Hồ Phương	Nghi	1/Aug/05	60100374	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
375	Nguyễn Bảo	Phương	24/Feb/05	60100375	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
376	Nguyễn Lâm Quang	Dũng	20/Sep/05	60100376	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
377	Ngô Minh Hoàng	Anh	9/Jul/05	60100377	5.3	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
378	Nguyễn Trí	Nhân	4/Jul/05	60100378	5.4	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
379	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	23/Apr/05	60100379	5.4	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
380	Hoàng Ngân	Khánh	25/Jul/05	60100380	5.4	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
381	Tào Vương Gia	Bảo	7/Aug/05	60100381	5.4	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
382	Nguyễn Đình Nhật	Nguyên	8/Dec/05	60100382	5.4	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
383	Nguyễn Việt	Hà	25/Apr/05	60100383	5.4	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
384	Nguyễn Thanh	Trúc	25/Jan/05	60100384	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
385	Bùi Khánh	Hưng	19/Jan/05	60100385	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
386	Lê Minh	Tâm	3/Apr/05	60100386	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
387	Hồ Thị Minh	Ngọc	24/Jan/05	60100387	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
388	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	26/Jul/05	60100388	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
389	Nguyễn Phan Thạch	Thảo	11/Sep/05	60100389	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
390	Nguyễn Lê Minh	Khôi	27/Apr/05	60100390	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
391	Nguyễn Tấn	Phát	14/Mar/05	60100391	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
392	Ngô Anh	Hiếu	24/Jun/05	60100392	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
393	Nguyễn Bá	Định	7/Jun/05	60100393	5.5	5	Hòa Bình	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
394	Nguyễn Tiến	Hưng	21/Nov/07	60100394	3.7	3	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
395	Trần Ngọc Hà	My	7/Jun/07	60100395	3.7	3	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
396	Lê Minh	Hiển	6/Dec/07	60100396	3.4	3	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
397	Nguyễn Hiếu	Hạnh	5/Apr/07	60100397	3.4	3	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
398	Nguyễn Đông Thanh	Duyên	3/Nov/06	60100398	4.3	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
399	Ôn Tịnh	Nhi	8/May/06	60100399	4.3	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
400	Lã Khánh	Như	14/Mar/06	60100400	4.3	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
401	Vũ Ngọc Kim	Thanh	23/Jan/06	60100401	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
402	Lê Đức	Thành	18/Feb/06	60100402	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
403	Nguyễn Bình Phương	Uyên	8/Mar/06	60100403	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
404	Nguyễn Hữu Giang	Sơn	3/Jun/06	60100404	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
405	Quách Nguyễn Quang	Duy	5/Aug/06	60100405	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
406	Nguyễn Trí	Dũng	23/May/06	60100406	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
407	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	21/Oct/06	60100407	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
408	La Trần Minh	Huy	17/Apr/06	60100408	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
409	Phạm Quang Bảo	Ngọc	18/Feb/06	60100409	4.5	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
410	Võ Nguyễn Phúc	Thịnh	10/Nov/06	60100410	4.6	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
411	Ngô Lê Bảo	Ngọc	8/Mar/06	60100411	4.7	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
412	Trần Đặng Thiên	Phúc	15/Dec/06	60100412	4.7	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
413	Trát Triều	Khang	5/Feb/06	60100413	4.7	4	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
414	Nguyễn Thụy Phương	Anh	23/Nov/05	60100414	5.3	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
415	Nguyễn Trần Gia	Huy	28/Aug/05	60100415	5.3	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
416	Trương Bảo	Hân	24/Apr/05	60100416	5.4	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
417	Nguyễn Đình	Khôi	5/Dec/05	60100417	5.4	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
418	Đặng Thế	Tuấn	6/Jul/05	60100418	5.4	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
419	Tô Quỳnh	Anh	9/Jun/05	60100419	5.6	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
420	Bạch Cảnh	Kỳ	1/Jan/05	60100420	5.6	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
421	Lê Lâm Thảo	Nguyên	10/Feb/05	60100421	5.6	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
422	Nguyễn Bảo	Ngọc	5/Nov/05	60100422	5.6	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
423	Nguyễn Đăng	Minh	2/Jun/05	60100423	5.6	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
424	Lê Chí	Vỹ	23/Jul/05	60100424	5.6	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
425	Trần Ngọc	Minh	28/Aug/05	60100425	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
426	Đặng Minh	Trí	15/Sep/05	60100426	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
427	Trần Nhật	Quang	24/Jun/05	60100427	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
428	Đặng Thái	Hòa	7/Jul/05	60100428	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
429	Lê Duy	Anh	8/Nov/15	60100429	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
430	Trương Ngọc	Diệp	11/Feb/05	60100430	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
431	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	14/Jul/05	60100431	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
432	Lý Bảo	Vy	20/May/05	60100432	5.7	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
433	Bùi Khánh	Linh	12/Apr/05	60100433	5.5	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
434	Nguyễn Thiên	Ân	21/Mar/05	60100434	5.5	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
435	Nguyễn Minh	Kiều	2/Aug/05	60100435	5.5	5	Kết Đoàn	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
436	Hồ Tấn	Phúc	17/Mar/07	60100436	3.1	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
437	Trần Nguyễn Nhật	Minh	7/Feb/07	60100437	3.1	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
438	Nguyễn Huyền	Anh	18/Mar/07	60100438	3.1	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
439	Đặng Trâm	Anh	8/Nov/07	60100439	3.1	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
440	Huỳnh Minh	Thành	2/Aug/07	60100440	3.1	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
441	Đinh Tấn	Dũng	8/Feb/07	60100441	3.3	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
442	Nguyễn Vĩnh	Khang	30/Apr/07	60100442	3.3	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
443	Nguyễn Đồng	Phúc	23/Nov/07	60100443	3.3	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
444	Nguyễn Quang	Thịnh	6/Jan/07	60100444	3.3	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
445	Lê Thành	Trung	17/Jun/07	60100445	3.3	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
446	Ngô Gia	Hân	27/Jul/07	60100446	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
447	Đặng Ngọc	Huyền	14/Apr/07	60100447	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
448	Hồ Trường	Nguyên	19/Dec/07	60100448	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
449	Hoàng Vũ Bảo	Ngọc	15/Mar/07	60100449	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
450	Dương Hoàng	Sơn	21/Oct/07	60100450	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
451	Nguyễn Vy	Thanh	19/Nov/07	60100451	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
452	Hà Minh	Thành	14/Mar/07	60100452	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
453	Lê Duy Bảo	Trần	15/May/07	60100453	3.4	3	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
454	Lâm Gia	Hân	15/Oct/06	60100454	4.1	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
455	Phan Hoàng Trúc	Nhi	1/May/06	60100455	4.1	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
456	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	19/Apr/06	60100456	4.1	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
457	Đặng Phạm Thanh	Thảo	12/Jan/06	60100457	4.3	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
458	Nguyễn Hữu Anh	Thơ	25/Nov/06	60100458	4.3	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
459	Huỳnh Lê Mỹ	Tiên	5/Feb/06	60100459	4.3	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
460	Dương Phan	Anh	27/Oct/06	60100460	4.4	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
461	Nguyễn Ngọc Phương	Cát	18/Jul/06	60100461	4.4	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
462	Trần Gia	Bảo	22/Jul/06	60100462	4.5	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
463	Nguyễn Phan Nhật	Minh	22/Nov/06	60100463	4.5	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
464	Lâm Cao	Kiệt	21/Mar/06	60100464	4.5	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
465	Lục Huỳnh Phi	Phụng	30/Oct/06	60100465	4.5	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
466	Thích Mỹ	Hân	25/Jul/06	60100466	4.6	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
467	Nguyễn Ý	Nhi	18/Nov/06	60100467	4.6	4	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
468	Hồ Tấn	Phát	10-02-2005	60100468	5.1	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
469	Nguyễn Thảo	Uyên	21/Sep/05	60100469	5.1	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
470	Huỳnh Bá	Thành	14/Aug/05	60100470	5.1	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
471	Lâm Bảo	Nghi	9/Oct/05	60100471	5.1	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
472	Nguyễn Lê Trung	Hiếu	1/Nov/05	60100472	5.1	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
473	Huỳnh Huy	Hoàng	5/Feb/05	60100473	5.1	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
474	Hà Anh	Thư	16/Sep/05	60100474	5.3	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
475	Vũ Ngọc Bảo	Châu	23/Feb/05	60100475	5.4	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
476	Dương Hoàng Uyên	Phương	29/Aug/05	60100476	5.4	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
477	Nguyễn Trần Phương	Linh	20/Dec/05	60100477	5.4	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
478	Nguyễn Hoàng	Huy	31/May/05	60100478	5.4	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
479	Võ Thiên	Bảo	2/Mar/05	60100479	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
480	Phí Hoàng Minh	Ngọc	3/Jan/05	60100480	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
481	Nguyễn Đức	Hiệp	20/Jul/05	60100481	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
482	Châu Cát	Tường	21/Mar/05	60100482	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
483	Phạm Lê Quốc	Việt	7/Dec/05	60100483	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
484	Nguyễn Mai Uyên	My	11/Feb/05	60100484	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
485	Hoàng Công	Minh	26/Dec/05	60100485	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
486	Phan Nguyễn Thanh	Thảo	14/Jun/05	60100486	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
487	Lê Quang	Dũng	15/Oct/05	60100487	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
488	Nguyễn Hoàng Ngọc	Quỳnh	17/Apr/05	60100488	5.5	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
489	Nguyễn Tuấn	Kiệt	2/Jan/05	60100489	5.6	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
490	Đặng Lê Thùy	Trang	28/Jan/05	60100490	5.6	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
491	Nguyễn Diệu Xuân	Thu	16/Sep/15	60100491	5.6	5	Khai Minh	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
492	Phùng Minh	Anh	21/Mar/05	60100492	5.1	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
493	Nguyễn Minh	Nhật	25/Mar/05	60100493	5.1	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
494	Trần Đức	Huy	15/Sep/05	60100494	5.1	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
495	Ngô Nguyễn Việt	Anh	23/Oct/05	60100495	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
496	Trần Quang Tuấn	Anh	29/Mar/05	60100496	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
497	Phạm Lê Vi	Minh	14/Feb/05	60100497	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
498	Trần Mai	Khôi	3/Sep/05	60100498	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
499	Đỗ Trần Mai	Khuê	29/Dec/05	60100499	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
500	Mai Gia	Hân	30/Jan/05	60100500	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
501	Diệp Giao	Thành	14/Jun/05	60100501	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
502	Nguyễn Minh	Hùng	27/May/05	60100502	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
503	Trần Lê Phi	Long	3/Apr/05	60100503	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
504	Nguyễn Lê Minh	Thư	17/Jan/05	60100504	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
505	Trương Nguyễn Hoàng	An	25/Dec/05	60100505	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
506	Võ Nguyên	Phương	22/Oct/05	60100506	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
507	Bùi Minh	Hòa	14/Jul/05	60100507	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
508	Nguyễn Bảo	Nghi	22/Aug/05	60100508	5.2	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
509	Trần Nguyễn Minh	Quân	1/Jun/05	60100509	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
510	Đặng Phan Trọng	Thức	7/Jul/05	60100510	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
511	Phạm Đông	Nghi	9/Nov/05	60100511	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
512	Trịnh Minh	Hiển	3/Feb/05	60100512	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
513	Lý Đình Ngọc	Minh	30/Oct/05	60100513	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
514	Nguyễn Huy	Anh	21/Jul/05	60100514	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
515	Hà Phạm Anh	Khoa	17/Aug/05	60100515	5.3	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
516	Trần Minh	Như	31/Jul/05	60100516	5.4	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
517	Nguyễn Yến	Như	12/Apr/05	60100517	5.4	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
518	Dương Hoàng Nhật	Minh	18/Feb/05	60100518	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
519	Nguyễn Hoàng Trường	Phúc	28/Feb/05	60100519	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
520	Nguyễn Hữu Thiên	Khánh	6/Nov/05	60100520	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
521	Nguyễn Trọng	Khương	17/Sep/05	60100521	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
522	Trần Phan Phương	Nguyễn	1/Jan/05	60100522	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
523	Hà Ngọc Minh	Phương	30/Jun/05	60100523	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
524	Vũ Thiện	Nhân	22/Sep/05	60100524	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
525	Nguyễn Đình Minh	Khoa	21/May/05	60100525	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
526	Nguyễn Hoàng	Danh	15/Mar/05	60100526	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
527	Nguyễn Lê Phúc	Hoàng	4/Jul/05	60100527	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
528	Nguyễn Hồng	Minh	14/Apr/05	60100528	5.5	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
529	Võ Hồng Mỹ	Anh	23/May/05	60100529	5.6	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
530	Võ Minh	Chiến	20/Jan/05	60100530	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
531	Ngô Hoàng Bảo	Châu	12/Nov/05	60100531	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
532	Giáp Nguyên Hồng	Anh	11/Dec/05	60100532	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
533	Nguyễn Khánh	Trường	6/Jul/05	60100533	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
534	Dương Nữ Bảo	Nghi	8/Oct/05	60100534	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
535	Nguyễn Thới Nguyên	Khang	30/Dec/05	60100535	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
536	Trần Trọng	Khoa	9/Mar/05	60100536	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
537	Trần Đăng	Khoa	1/Nov/05	60100537	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
538	Võ Ngọc Ánh	Linh	2/Feb/05	60100538	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
539	Ngô Hoàng Bảo	Ngọc	12/Nov/05	60100539	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
540	Quan Nguyễn Văn	Nhi	6/Jan/05	60100540	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
541	Trần Gia Bảo	Ngọc	21/Mar/05	60100541	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
542	Bùi Minh	Quang	27/Oct/05	60100542	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
543	Lê Ngọc Bảo	Trần	30/Oct/05	60100543	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
544	Trần Huy	Tùng	15/Mar/05	60100544	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
545	Phan Hồng	Yến	30/Jun/05	60100545	5.7	5	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
546	Huỳnh Sơn Anh	Tuấn	29/Mar/06	60100546	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
547	Lê Phạm Quang	Hưng	23/May/06	60100547	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
548	Nguyễn Đắc	Nhân	29/Nov/06	60100548	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
549	Đỗ Khôi	Nguyên	17/Apr/06	60100549	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
550	Nguyễn Ngọc Bảo	Khanh	13/Nov/06	60100550	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
551	Lê Hồ Hoàng	Phúc	25/Jan/06	60100551	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
552	Lê Đoàn Uyên	Trình	23/Oct/06	60100552	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
553	Phạm Thanh	Phong	7/Jan/06	60100553	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
554	Trần Phúc	Đăng	7/Sep/06	60100554	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
555	Nguyễn Lê Hương	Giang	26/Mar/06	60100555	4.1	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
556	Lê Ngô Phúc	Anh	25/Apr/06	60100556	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
557	Lê Đức	Anh	28/Mar/06	60100557	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
558	Mai Gia	Bảo	25/Jul/06	60100558	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
559	Nguyễn Minh Uyên	Phương	8/Apr/06	60100559	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
560	Nguyễn Trần Minh	Thi	21/Mar/06	60100560	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
561	Nguyễn Cát	Phương	30/Jun/06	60100561	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
562	Phan Thành	An	4/Aug/06	60100562	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
563	Bùi Đức	Anh	30/Jul/06	60100563	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
564	Võ Duy	Anh	23/Jan/06	60100564	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
565	Nguyễn Gia	Bảo	30/Oct/06	60100565	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
566	Phạm Nguyễn Tuấn	Đạt	30/Jun/06	60100566	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
567	Hà Minh	Đức	13/Feb/06	60100567	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
568	Trương Mỹ	Hoa	26/Feb/06	60100568	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
569	Nguyễn Tú Quỳnh	Hương	13/Dec/06	60100569	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
570	Tăng Văn	Hy	26/Feb/06	60100570	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
571	Hồ Đăng	Khoa	25/Jan/06	60100571	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
572	Nguyễn Long	Nguyên	30/Jan/06	60100572	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
573	Nguyễn Tấn	Phát	30/Aug/06	60100573	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
574	Trần Ngọc Phương	Thư	2/May/06	60100574	4.3	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
575	Huỳnh Minh	Anh	7/Sep/06	60100575	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
576	Lê Nguyễn Thùy	Anh	8/Jan/06	60100576	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
577	Phạm Huỳnh Xuân	Anh	11/Feb/06	60100577	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
578	Trần Uyên	Khanh	29/Apr/06	60100578	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
579	Nguyễn Phước Gia	Khánh	28/Aug/06	60100579	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
580	Nguyễn Lê Quốc	Thắng	14/Apr/06	60100580	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
581	Quách Bảo Uyên	Thư	14/Jun/06	60100581	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
582	Nguyễn Đan Phương	Vy	18/Aug/06	60100582	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
583	Nguyễn Thụy	Anh	2/Sep/06	60100583	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
584	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	2/Jun/06	60100584	4.4	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
585	Nguyễn Quốc	Bảo	9/Jun/06	60100585	4.5	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
586	Dương Ngọc Tú	Trân	19/Aug/06	60100586	4.5	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
587	Nguyễn Lâm Minh	Thư	19/Jul/06	60100587	4.5	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
588	Nguyễn Trường	Sơn	9/Jan/06	60100588	4.5	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
589	Nguyễn Minh	Anh	7/Jun/06	60100589	4.5	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
590	Nguyễn Phú	An	22/Sep/06	60100590	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
591	Vũ Song	An	5/Dec/06	60100591	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
592	Nguyễn Hữu Nhật	Anh	28/Dec/06	60100592	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
593	Nguyễn Vũ	Đăng	28/Sep/06	60100593	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
594	Nguyễn Tấn	Hiển	6/May/06	60100594	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
595	Võ Khánh	Hưng	25/Apr/06	60100595	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
596	Hoàng Phương	Linh	9/Feb/06	60100596	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
597	Lê Công	Minh	16/Jan/06	60100597	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
598	Trương Lê Kim	Ngân	9/Nov/06	60100598	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
599	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	16/Oct/06	60100599	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
600	Đỗ	Thụy	15/Apr/06	60100600	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
601	Nguyễn Trần Thiên	Thư	4/Jun/06	60100601	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
602	Hoàng Lê Khánh	Trình	29/Oct/06	60100602	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
603	Nguyễn Thanh	Trúc	18/Feb/06	60100603	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
604	Phạm Lê Đức	Trí	9/Mar/06	60100604	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
605	Trần Thành	Nhơn	1/Dec/06	60100605	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
606	Đào Nguyễn Khánh	Linh	22/Nov/06	60100606	4.7	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
607	Lê Cao Thy	Anh	6/Oct/06	60100607	4.7	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
608	Nguyễn Ngọc Mai	Vy	14/Jun/06	60100608	4.7	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
609	Phạm Lê Quỳnh	Anh	7/Apr/07	60100609	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
610	Nguyễn Gia	Bảo	16/May/07	60100610	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
611	Trần Vũ Minh	Kỳ	14/Aug/07	60100611	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
612	Lê Hồ Nam	Phương	27/Jan/07	60100612	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
613	Võ Lâm Giang	Thiên	8/Sep/07	60100613	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
614	Phạm Nguyễn Mai	Trâm	12/Apr/07	60100614	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
615	Lê Tuấn	Đạt	15/Mar/07	60100615	3.1	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
616	Vũ Thái	An	6/Feb/07	60100616	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
617	Nguyễn Bá Khánh	An	7/May/07	60100617	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
618	Nguyễn Minh	Chi	18/Aug/07	60100618	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
619	Đỗ Trọng	Đạt	23/Dec/07	60100619	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
620	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương	8/Nov/07	60100620	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
621	Lưu Gia	Khánh	10/Jul/07	60100621	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
622	Thân Trọng	Khôi	25/Jan/07	60100622	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
623	Nguyễn Trần Mai	Khanh	19-10-20007	60100623	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
624	Đặng Phan Trọng	Tín	1/Oct/07	60100624	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
625	Lê Trần Thiện	Khiêm	25/Jul/07	60100625	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
626	Vũ Phương	Linh	30/Oct/07	60100626	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
627	Lê Đức Hiến	Long	8-5-20007	60100627	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
628	Phan Khánh	Linh	20/Aug/07	60100628	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
629	Phạm Hạ Hữu	Nhân	14/Dec/07	60100629	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
630	Huỳnh Nguyễn Bảo	Phúc	5/Apr/07	60100630	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
631	Trần Xuân Quốc	Thắng	11/Jan/07	60100631	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
632	Nguyễn Hoàng Kim	Alex	22/Sep/07	60100632	3.2	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
633	Lê Châu	Anh	11/Apr/07	60100633	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
634	Đào Tăng Hải	Anh	9/May/07	60100634	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
635	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	10/Apr/07	60100635	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
636	Dương Ngọc Trâm	Anh	21/Dec/07	60100636	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
637	Nguyễn Thị Bảo	Châu	15/May/07	60100637	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
638	Nguyễn Lê Minh	Hạnh	30/Dec/07	60100638	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
639	Nguyễn	Katherine	7/Jan/07	60100639	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
640	Nguyễn Phúc	Nhân	19/Aug/07	60100640	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
641	Trần Kim	Thanh	30/Oct/07	60100641	3.3	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
642	Đặng Ngô Mỹ	An	13/Mar/07	60100642	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
643	Lý Trí	Đức	18/Apr/07	60100643	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
644	Phí Văn	Hưng	15/Nov/07	60100644	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
645	Phạm Gia	Huy	18/May/07	60100645	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
646	Nguyễn Hoàng Ngọc	Minh	24/Jan/07	60100646	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
647	Thân Hoàng	Nam	10/Mar/07	60100647	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
648	Lâm Phương	Nghi	20/Aug/07	60100648	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
649	Văn Đức	Nguyên	14/Jun/07	60100649	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
650	Huỳnh Trọng	Trí	31/Mar/07	60100650	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
651	Nguyễn Huỳnh Khánh	Linh	27/Oct/07	60100651	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
652	Nguyễn Khánh	Linh	30/Sep/07	60100652	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
653	Nguyễn Phúc Bảo	Di	7/Jul/07	60100653	3.4	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
654	Trần Nguyễn Trâm	Anh	7/Jun/07	60100654	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
655	Nguyễn Minh	Anh	29/Jul/07	60100655	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
656	Lý Đình Trọng	Tín	10/Jan/07	60100656	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
657	Trần Minh	Trí	8/May/07	60100657	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
658	Trần Gia	Hưng	10/Dec/07	60100658	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
659	Chu Xuân	Huy	20/Jul/07	60100659	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
660	Nguyễn Đình Minh	Anh	2/Jan/07	60100660	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
661	Hà Tuấn	Bảo	5/Oct/07	60100661	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
662	Lâm Hữu	Hiếu	8/Feb/07	60100662	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
663	Nguyễn Đăng Thụy	Khuê	27/May/07	60100663	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
664	Võ Thị Minh	Hạnh	23/Feb/07	60100664	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
665	Nguyễn Châu Phụng	Anh	6/Sep/07	60100665	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
666	Châu Gia	Hân	20/Nov/07	60100666	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
667	Đặng Hiếu	Khánh	27/Jun/07	60100667	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
668	Lý Thế	Dinh	5/Feb/07	60100668	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
669	Vũ Trường	An	17/Aug/07	60100669	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
670	Mai Quang	Huy	6/Oct/07	60100670	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
671	Hoàng Gia	Hân	19/Oct/07	60100671	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
672	Lê Nguyễn Minh	Huy	12/Apr/07	60100672	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
673	Trương Gia	Bình	26/Oct/07	60100673	3.5	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
674	Lê Hải	Anh	10/Nov/07	60100674	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
675	Phạm Hoàng	Mai	7/Nov/07	60100675	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
676	Trần Vinh	Nghi	9/Oct/07	60100676	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
677	Nguyễn Ngọc Mai	Trang	7/Dec/07	60100677	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
678	Trần Hoàng	Khang	9/Jan/07	60100678	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
679	Thân Đức Phước	An	30/Aug/07	60100679	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
680	Lê Nguyễn Minh	Nhật	18/Feb/07	60100680	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
681	Triệu Nguyên	Khanh	23/Nov/07	60100681	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
682	Đỗ Phạm Trung	Kiên	26/Mar/07	60100682	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
683	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	14/Mar/07	60100683	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
684	Trần Lê	Khanh	1/Aug/07	60100684	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
685	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	31/Jan/07	60100685	3.6	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
686	Nguyễn Hoàng	Quân	5/Dec/07	60100686	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
687	Hà Nhật	Nam	14/Jan/07	60100687	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
688	Vương Ngọc Minh	Đăng	30/Aug/07	60100688	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
689	Đoàn Nguyễn Khánh	Vy	10/Oct/07	60100689	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
690	Trần Nguyễn Anh	Thư	18/Apr/07	60100690	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
691	Lê Hà Phương	Anh	22/Sep/07	60100691	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
692	Nguyễn Anh	Quân	18/Jun/07	60100692	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
693	Mai Viết Minh	Khôi	21/Mar/07	60100693	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
694	Lê Nguyễn Việt	Anh	25/Apr/07	60100694	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
695	Tăng Khuê	Tú	24/Dec/07	60100695	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
696	Tạ Hoàng Ngọc	Liên	27/Oct/07	60100696	3.7	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
697	Nguyễn Hải	Anh	20/Dec/07	60100697	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
698	Bùi Hoàng	Bách	8/Nov/07	60100698	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
699	Trần Xuân Minh	Châu	27/Mar/07	60100699	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
700	Ngô Hoàng Bảo	Khang	13/Mar/07	60100700	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
701	Nguyễn Huy	Khang	20/May/07	60100701	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
702	Nguyễn Ngọc Bảo	Khanh	13/Aug/07	60100702	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
703	Bùi Đình	Khiêm	18/Nov/07	60100703	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
704	Nguyễn Đăng	Khoa	2/Dec/07	60100704	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
705	Vũ Anh	Khoa	29/Jan/07	60100705	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
706	Búi Minh	Khôi	17/Mar/07	60100706	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
707	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	14/Mar/07	60100707	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
708	Thân Ngọc Minh	Khuê	7/May/07	60100708	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
709	Công Trần Tuấn	Kiệt	29/Mar/07	60100709	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
710	Nguyễn Thiện Như	Lê	1/Aug/07	60100710	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
711	Đinh Thị Ánh	Linh	27/Aug/07	60100711	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
712	Hoàng Phương Gia	Minh	22/Dec/07	60100712	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
713	Lê Võ Anh	Minh	17/Apr/07	60100713	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
714	Bạch Phương	Nghi	1/Aug/07	60100714	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
715	Phùng Như	Ngọc	18/Feb/07	60100715	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
716	Vũ Bá Khôi	Nguyên	6/Dec/07	60100716	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
717	Huỳnh Thiện	Phúc	19/Feb/07	60100717	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
718	Võ Xuân	Quang	25/Dec/07	60100718	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
719	Đinh Anh	Quân	23/May/07	60100719	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
720	Ngô Bảo Nam	San	11/Dec/07	60100720	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
721	Lê Thanh	Thảo	13/Mar/07	60100721	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
722	Võ Lâm Minh	Thư	24/Dec/07	60100722	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
723	Hoàng Thị Cẩm	Vy	10/Jul/07	60100723	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
724	Hoàng Lợi	Lợi	5/May/07	60100724	3.8	3	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
725	Trần Thành	Nhon	1/Dec/06	60100725	4.6	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
726	Nguyễn Hoàng	Ân	6/Jan/06	60100726	4.2	4	Lê Ngọc Hân	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
727	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	22-Jun-07	60100727	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
728	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	30-Mar-07	60100728	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
729	Bùi Yến	Nghi	19-Jun-07	60100729	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
730	Võ Nguyễn Thành	Nhân	22-Sep-07	60100730	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
731	Nguyễn Hồng Yến	Như	23-Apr-07	60100731	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
732	Nguyễn Hoàng	Anh	23-Jun-07	60100732	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
733	Hà Việt	Anh	2-Dec-07	60100733	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
734	Phan Thành	Danh	2-Aug-07	60100734	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
735	Vũ Sơn	Hà	22-Apr-07	60100735	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
736	Hồng Ngọc	Khanh	4-Jun-07	60100736	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
737	Lê An	Nhiên	29-Nov-07	60100737	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
738	Trần Bảo Khánh	Trâm	23-Feb-07	60100738	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
739	Nguyễn Quốc	Tuấn	24-Jun-07	60100739	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
740	Trương Hoàng Bảo	Vy	14-Jul-07	60100740	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
741	Trần Thái Bảo	Anh	28-Dec-07	60100741	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
742	Trương Tịnh	Hân	6-Feb-07	60100742	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
743	Trần Ngọc Bảo	Hân	10-Feb-07	60100743	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
744	Lê Hà Gia	Minh	14-Jun-07	60100744	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
745	Bùi Đỗ Kim	Ngọc	18-Dec-07	60100745	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
746	Phạm Nguyễn Minh	Thông	10-May-07	60100746	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
747	Võ Nguyễn Bảo	Trân	27-May-07	60100747	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
748	Nguyễn Phạm Phương	Vy	24-Jan-07	60100748	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
749	Trương Ngọc Minh	Anh	13-Apr-07	60100749	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
750	Nguyễn Ngọc	Ánh	14-Nov-07	60100750	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
751	Lê Thành Vinh	Châu	20-Aug-07	60100751	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
752	Hoàng Ngọc Gia	Hân	31-Dec-07	60100752	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
753	Lương Bội	Linh	25-Mar-07	60100753	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
754	Trần Khôi	Nguyên	7-Nov-07	60100754	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
755	Trần Uyên	Nhi	9-Feb-07	60100755	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
756	Lê Nhựt	Tân	10-Nov-07	60100756	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
757	Lê Hoàng	Thành	12-Sep-07	60100757	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
758	Hồ Huỳnh Phương	Thảo	2-Sep-07	60100758	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
759	Nguyễn Đoàn Thanh	Thảo	8-Dec-07	60100759	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
760	Mai Anh	Thư	18-May-07	60100760	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
761	Huỳnh Lê Thanh	Toàn	8-Mar-07	60100761	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
762	Phạm Gia	Bảo	17-Dec-07	60100762	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
763	Cao Thành	Danh	22-Mar-07	60100763	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
764	Phạm Minh	Nhật	4-Oct-07	60100764	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
765	Lê Trung Minh	Nhật	20-Mar-07	60100765	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
766	Lê Võ Đan	Thanh	21-Aug-07	60100766	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
767	Nguyễn Phúc	Thịnh	22-May-07	60100767	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
768	Nguyễn Minh	Trí	19-Jul-07	60100768	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
769	Nguyễn Thanh	Trúc	6-Jan-07	60100769	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
770	Huỳnh Lưu Gia	Khiêm	11-Mar-07	60100770	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
771	Võ Anh	Kiệt	23-Nov-07	60100771	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
772	Tạ Quang	Minh	4-Dec-07	60100772	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
773	Lê Trần Thanh	Ngân	12-May-07	60100773	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
774	Lê Hồng	Ngọc	4-Oct-07	60100774	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
775	Sơn Lê Thảo	Nhi	18-Jun-07	60100775	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
776	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	29-Jul-07	60100776	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
777	Bùi Đình Thái	Sơn	12-Aug-07	60100777	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
778	Trịnh Hoàng	Tường	21-Nov-07	60100778	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
779	Trương Đoàn Quốc	Khải	26-Nov-06	60100779	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
780	Nguyễn Hoàng Bảo	Khang	11-Dec-06	60100780	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
781	Giáp Thanh	Mai	14-May-06	60100781	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
782	Trần Hoàng Yến	Phụng	12-Jul-06	60100782	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
783	Nguyễn Trung	Quân	16-Oct-06	60100783	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
784	Lê Thiên	Quốc	13-Oct-06	60100784	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
785	Huỳnh Thanh	Thảo	27-Dec-06	60100785	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
786	Võ Nguyên Anh	Thi	2-Nov-06	60100786	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
787	Võ Thị Huyền	Trâm	17-Mar-06	60100787	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
788	Lê Hoàng	Chương	20-Oct-06	60100788	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
789	Mai Phương	Duy	25-Nov-06	60100789	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
790	Trương Gia	Hào	22-Aug-06	60100790	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
791	Lai Bảo	Hoàng	8-Jan-06	60100791	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
792	Phan Chế Minh	Hoàng	7-Jun-06	60100792	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
793	Lê Anh	Khoa	25-Feb-06	60100793	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
794	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	13-Mar-06	60100794	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
795	Vương Ngọc Khánh	Linh	12-Jul-06	60100795	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
796	Nguyễn Trần Ánh	Ngọc	25-Apr-06	60100796	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
797	Đinh Tấn	Phát	8-Nov-06	60100797	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
798	Đặng Vinh	Phúc	27-Mar-06	60100798	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
799	Diệp Thuận	Thái	3-Apr-06	60100799	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
800	Trần Thái	Thiện	4-Dec-06	60100800	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
801	Lê Phạm Ân	Thuyền	27-Apr-06	60100801	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
802	Bùi Hữu	Thuyền	6-Aug-06	60100802	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
803	Trần Mai	Trân	6-Dec-06	60100803	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
804	Lê Phạm Anh	Tuấn	21-Sep-06	60100804	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
805	Nguyễn Thu	Tuyết	10-Dec-06	60100805	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
806	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	20-Sep-06	60100806	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
807	Lương Kim	Chi	8-Apr-06	60100807	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
808	Trần Nguyễn Uyên	Nhi	11-Nov-06	60100808	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
809	Nguyễn Lê Bình	An	19-Jul-06	60100809	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
810	Bùi Minh	Anh	27-Sep-06	60100810	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
811	Lâm Hồng	Đức	16-Nov-06	60100811	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
812	Bùi Hải Minh	Khanh	24-Nov-06	60100812	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
813	Nguyễn Đoàn	Khôi	18-Oct-06	60100813	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
814	Ngô Thiên	Kim	8-May-06	60100814	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
815	Vũ Quang	Minh	22-Oct-06	60100815	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
816	Trương Hoàng	Nguyên	24-May-06	60100816	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
817	Huỳnh Thị Thanh	Như	25-Feb-06	60100817	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
818	Lý Quyền	Phong	30-Oct-06	60100818	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
819	Trịnh Hoàng Nam	Phương	22-Nov-06	60100819	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
820	Nguyễn Hoàng	Quân	22-Mar-06	60100820	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
821	Kha Tuấn	Thắng	26-Dec-06	60100821	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
822	Phạm Quốc	Thành	27-Oct-06	60100822	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
823	Nguyễn Vũ Minh	Thư	22-Nov-06	60100823	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
824	Lê Hà Bảo	Trân	11-Jun-06	60100824	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
825	Lê Như	Ý	20-Oct-06	60100825	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
826	Trần Tuấn	An	1-Jul-06	60100826	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
827	Nguyễn Thanh Từ	Ân	2-Feb-06	60100827	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
828	Lâm Minh	Khôi	20-Sep-06	60100828	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
829	Nguyễn Nhật	Minh	20-Aug-06	60100829	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
830	Võ Hoàng	Nam	5-Jan-06	60100830	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
831	Phùng Minh	Quân	18-Apr-06	60100831	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
832	Phan Hữu	Tiến	30-Jun-06	60100832	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
833	Trần Minh	Trí	2-Nov-06	60100833	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
834	Huỳnh Lê Như	An	22-Jul-05	60100834	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
835	Nguyễn Minh	Anh	24-Dec-05	60100835	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
836	Lê Phan Gia	Hân	29-May-05	60100836	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
837	Đinh Nguyên	Hương	18-Jan-05	60100837	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
838	Phạm Hoàng	Lâm	25-Jan-05	60100838	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
839	Trần Triều	Long	31-Jul-05	60100839	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
840	Phạm Nguyễn Nhật	Minh	29-Apr-05	60100840	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
841	Trần Hồng	Ngọc	2-Dec-05	60100841	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
842	Lê Ngọc Thảo	Nguyên	14-May-05	60100842	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
843	Châu Bắc	Nhã	21-Apr-05	60100843	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
844	Nguyễn Khánh	Như	24-Apr-05	60100844	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
845	Lê Quang Thanh	Quốc	25-Jul-05	60100845	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
846	Nguyễn Trần Tú	Uyên	16-Jun-05	60100846	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
847	Huỳnh Mỹ	Anh	14-Nov-05	60100847	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
848	Trịnh Quang	Huy	11-Mar-05	60100848	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
849	Vô Duy	Khương	14-Mar-05	60100849	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
850	Phạm Anh	Minh	5-Apr-05	60100850	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
851	Trần Hà	Minh	24-Oct-05	60100851	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
852	Nguyễn Phương	Nam	9-Nov-05	60100852	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
853	Trần Thảo	Nghi	14-Dec-05	60100853	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
854	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	21-Mar-05	60100854	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
855	Ngô Bảo	Nhi	30-Nov-05	60100855	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
856	Huỳnh Tấn	Phát	15-Dec-05	60100856	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
857	Vũ Thiện	Quân	2-Aug-05	60100857	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
858	Hoàng Khánh	Vy	8-Nov-05	60100858	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
859	Lâm Bảo	Châu	23-May-05	60100859	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
860	Lê Mai Bảo	Hân	15-Oct-05	60100860	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
861	Đặng Anh	Hào	26-Sep-05	60100861	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
862	Phạm Quốc	Hưng	24-Oct-05	60100862	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
863	Trương Phạm Minh	Khôi	26-Dec-05	60100863	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
864	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	19-Sep-05	60100864	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
865	Trần Quỳnh	Như	1-Nov-05	60100865	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
866	Nguyễn An	Phương	16-Aug-05	60100866	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
867	Nguyễn Minh Kiến	Quốc	1-Jun-05	60100867	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
868	Hoàng Văn	Tài	16-Feb-05	60100868	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
869	Phù Tân	Thăng	8-Jul-05	60100869	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
870	Trần Đặng Minh	Triết	22-Sep-05	60100870	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
871	Phạm Trần Thảo	Vy	26-Jul-05	60100871	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
872	Trương Yến	Vy	24-Jan-05	60100872	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
873	Bạch Phương	Anh	28/May/07	60100873	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
874	Dương Mai	Anh	2/Jul/07	60100874	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
875	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	9/Jan/07	60100875	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
876	Vũ Thị Thanh	Danh	13/Feb/07	60100876	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
877	Vũ Gia	Hân	19/Mar/07	60100877	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
878	Nguyễn Tấn	Hưng	14/Apr/07	60100878	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
879	Lại Quang	Huy	19/Apr/07	60100879	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
880	Nguyễn Lê Tổ	Khanh	24/Dec/07	60100880	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
881	Nguyễn Trung	Kiên	13/Jul/07	60100881	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
882	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	5/Mar/07	60100882	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
883	Trần Khánh	Linh	16/May/07	60100883	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
884	Phạm Phước	Lộc	20/Jan/07	60100884	3.1	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
885	Nguyễn Nhật	Minh	4/Nov/07	60100885	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
886	Võ Nguyễn Phương	Nghi	28/Sep/07	60100886	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
887	Trần Thảo	Nguyên	4/Oct/07	60100887	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
888	Nguyễn Minh	Phúc	30/Dec/07	60100888	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
889	Nguyễn Hải	Sơn	26/Feb/07	60100889	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
890	Trần Lê Hoa	Thiên	16/Mar/07	60100890	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
891	Thân Trọng Trường	Thịnh	8/Aug/07	60100891	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
892	Lê Quốc	Thông	21/Mar/07	60100892	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
893	Nguyễn Anh	Thuyền	31/Jan/07	60100893	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
894	Võ Minh	Trí	3/Nov/07	60100894	3.1	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
895	Bùi Quỳnh	Anh	21/Nov/07	60100895	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
896	Phạm Phương	Anh	2/Jan/07	60100896	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
897	Trần Ngọc Mỹ	Anh	2/Jan/07	60100897	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
898	Trần Nguyễn Thảo	Lam	5/Mar/07	60100898	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
899	Nguyễn Vũ Diệu	Linh	12/Jul/07	60100899	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
900	Phạm Nguyễn Minh	Ngọc	16/Nov/07	60100900	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
901	Võ Lê Hồng	Phúc	22/Apr/07	60100901	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
902	Lương Chí Minh	Quân	6/Aug/07	60100902	3.2	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
903	Võ Bình	An	1/Oct/07	60100903	3.3	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
904	Nguyễn Đức	Anh	3/Jul/07	60100904	3.3	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
905	Nguyễn Duy	Anh	3/Jul/07	60100905	3.3	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
906	Trương Minh	Anh	13/Oct/07	60100906	3.3	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
907	Nguyễn Nguyên	Hân	16/Apr/07	60100907	3.3	3	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
908	Phạm Bảo	Hân	6/May/07	60100908	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
909	Phạm Gia	Hân	6/May/07	60100909	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
910	Cao Hiếu	Hạnh	29/Dec/07	60100910	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
911	Nguyễn Thế	Hùng	12/Mar/07	60100911	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
912	Nguyễn Huy	Hưng	1/Jan/07	60100912	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
913	Hoàng Gia	Khánh	9/Apr/07	60100913	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
914	Trần Ngọc Thiên	Kim	30/Jun/07	60100914	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
915	Nguyễn Ngọc Hà	Lan	10/Apr/07	60100915	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
916	Đỗ Nghiêm Hồng	Minh	20/Feb/07	60100916	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
917	Trương Nhật	Minh	16/Mar/07	60100917	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
918	Nguyễn Hoàng Thanh	Ngân	27/Apr/07	60100918	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
919	Nguyễn Lương Quỳnh	Như	22/Feb/07	60100919	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
920	Lê Nam	Thắng	21/May/07	60100920	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
921	Lê Đức	Thành	1/Mar/07	60100921	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
922	Nguyễn Phương	Thảo	10/Apr/07	60100922	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
923	Phan Nguyễn Anh	Thư	6/Apr/07	60100923	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
924	Nguyễn Lê Bảo	Thy	1/Feb/07	60100924	3.3	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
925	Bùi Mai	Anh	26/Feb/07	60100925	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
926	Phạm Hải	Anh	14/Dec/07	60100926	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
927	Trương Nhật	Anh	9/Apr/07	60100927	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
928	Nguyễn Gia	Bảo	6/Apr/07	60100928	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
929	Nguyễn Khánh	Đan	12/Jun/07	60100929	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
930	Nguyễn Trí	Dũng	6/Dec/07	60100930	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
931	Đỗ Đức	Huy	5/May/07	60100931	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
932	Nguyễn Tân	Khải	1/Mar/07	60100932	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
933	Trần Gia	Linh	14/Mar/07	60100933	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
934	Bạch Giang	Minh	8/Oct/07	60100934	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
935	Trịnh Thanh Hải	Minh	4/Apr/07	60100935	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
936	Nguyễn Đức	Nhân	26/Jul/07	60100936	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
937	Nguyễn Tân	Thắng	1/Mar/07	60100937	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
938	Nguyễn An Quỳnh	Trang	11/Jan/07	60100938	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
939	Cổ Quốc	Trung	11/Apr/07	60100939	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
940	Phùng Thảo	Vy	28/Feb/07	60100940	3.4	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
941	Đoàn Thị Vân	Anh	03-28-2007	60100941	3.5	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
942	Phạm Vũ Thục	Anh	8/Jan/07	60100942	3.5	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
943	Vũ Trung	Hiếu	07-25-2007	60100943	3.5	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
944	Ngô Anh	Khuê	1/Jan/07	60100944	3.5	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
945	Phan Đình Tuấn	Minh	11/Mar/07	60100945	3.5	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
946	Phạm Hồng	Vân	19/Dec/07	60100946	3.5	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
947	Đỗ Phương	Anh	6/Jul/07	60100947	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
948	Phạm V Iệt	Anh	3/Feb/07	60100948	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
949	Trần Tiểu	Băng	28/Jul/07	60100949	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
950	Phan Thành	Danh	24/Oct/07	60100950	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
951	Nguyễn Nhã Thanh	Hà	11/Oct/07	60100951	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
952	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	9/Dec/07	60100952	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
953	Trần Lê	Khánh	7/Dec/07	60100953	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
954	Dương Hà	Linh	24/Oct/07	60100954	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
955	Trương Quang	Minh	1/Feb/07	60100955	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
956	Vũ Hoàng Cát	Minh	6/Mar/07	60100956	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
957	Đinh Thiện	Nhân	30/Mar/07	60100957	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
958	Nguyễn Hiếu Gia	Nhi	16/Oct/07	60100958	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
959	Nguyễn Lê Minh	Quân	26/Aug/07	60100959	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
960	Nguyễn Khắc Minh	Quang	26/May/07	60100960	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
961	Vũ Hồng	Quang	19/May/07	60100961	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
962	Hoàng Minh	Sang	19/Nov/07	60100962	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
963	Nguyễn Thị Đoan	Trinh	20/Feb/07	60100963	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
964	Văn Gia	Uy	12/Jul/07	60100964	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
965	Nguyễn Lê Minh	Uyên	23/Nov/07	60100965	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
966	Trần Xuân	Vũ	1/Jul/07	60100966	3.6	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
967	Bùi Quốc	Đạt	26/Nov/07	60100967	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
968	Lê Đỗ Anh	Duy	5/Jan/07	60100968	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
969	Phan Vinh	Khang	18/Dec/07	60100969	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
970	Nguyễn Hoàng	Thái	8/Jun/07	60100970	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
971	Nguyễn Hoàng	Anh	19/Mar/07	60100971	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
972	Lê Trần Hoàng	Hà	30/Aug/07	60100972	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
973	Trần Thiện	Khánh	7/Nov/07	60100973	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
974	Nguyễn Anh	Thy	8/May/07	60100974	3.7	3	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
975	Vinh Bảo	Ân	16/Nov/06	60100975	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
976	Nguyễn Trâm	Anh	22/Nov/06	60100976	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
977	Phùng Vân	Anh	17/Feb/06	60100977	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
978	Huỳnh Minh	Cường	12/May/06	60100978	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
979	Nguyễn Thành	Đạt	19/Apr/06	60100979	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
980	Trần Bảo	Duy	12/Dec/06	60100980	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
981	Đỗ Hoàng Lê	Khanh	8/Jan/06	60100981	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
982	Trần Phương	Linh	3/Jan/06	60100982	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
983	Lê Ngọc Như	Ý	10/Nov/06	60100983	4.1	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
984	Lê Gia Tiến	Hưng	1/Dec/06	60100984	4.2	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
985	Nguyễn Phạm Huỳnh	Khoa	22/Mar/06	60100985	4.2	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
986	Võ Phan Minh	Nhật	28/Jul/06	60100986	4.2	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
987	Phạm Thúy	An	5/Feb/06	60100987	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
988	Nguyễn Hồ Tuấn	Duy	31/Mar/06	60100988	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
989	Nguyễn Phương	Nguyên	21/Nov/06	60100989	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
990	Huỳnh Kim	Phụng	10/Feb/06	60100990	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
991	Trương Bảo	Phương	20/Jun/06	60100991	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
992	Lê Đặng Quốc	Thái	8/Jun/06	60100992	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
993	Nguyễn Hữu Minh	Trí	30/May/06	60100993	4.3	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
994	Đinh Nguyễn Bảo	An	30/Oct/06	60100994	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
995	Nguyễn Tư	An	24/Apr/06	60100995	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
996	Huỳnh Thiên	Ân	29/Mar/06	60100996	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
997	Mai Tiến	Anh	1/Apr/06	60100997	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
998	Trần Xuân	Cương	31/Jan/06	60100998	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
999	Nguyễn Phú	Dương	29/Sep/06	60100999	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1000	Vũ Thanh	Hà	16/Sep/06	60101000	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1001	Nguyễn Ngọc	Hân	31/May/06	60101001	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1002	Trần Gia	Hào	7/Sep/06	60101002	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1003	Trịnh Minh	Huy	8/Dec/06	60101003	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1004	Nguyễn Thiên	Kim	8/Feb/06	60101004	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1005	Lê Phương	Linh	17/Jan/06	60101005	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1006	Trần Phạm Ngọc	Linh	15/Apr/06	60101006	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1007	Văn Phú Tiến	Mạnh	23/Oct/06	60101007	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1008	Lê Trần Hạnh	Nguyên	6/Dec/06	60101008	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1009	Mai Phúc	Nguyên	29/Oct/06	60101009	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1010	Vũ Nguyễn Bạch	Sương	17/Oct/06	60101010	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1011	Đoàn Nguyễn Phương	Thảo	26/Apr/06	60101011	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1012	Ngô Minh	Triết	7/Jun/06	60101012	4.4	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1013	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	11/Feb/06	60101013	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1014	Nguyễn Thanh Thùy	Dương	17/Aug/06	60101014	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1015	Đặng	Ivy	12/Apr/06	60101015	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1016	Đặng Hồ Anh	Khoa	26/Apr/06	60101016	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1017	Hoàng Phương	Linh	7/Apr/06	60101017	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1018	Ngô Gia	Linh	19/Sep/06	60101018	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1019	Lưu Ngọc	Mai	2/Aug/06	60101019	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1020	Nguyễn Uyên	My	19/Jul/06	60101020	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1021	Phạm Thị Bảo	Ngọc	7/Aug/06	60101021	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1022	Hoàng Yến	Nhi	17/Oct/06	60101022	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1023	Phạm Đức	Phú	31/Jan/06	60101023	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1024	Lê Huyền	Trinh	13/Jan/06	60101024	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1025	Đào Thanh	Vy	20/Nov/06	60101025	4.5	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1026	Nguyễn Việt	Khôi	20/Jan/06	60101026	4.7	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1027	Trịnh Hoàng Thiên	Ngọc	11/Dec/06	60101027	4.7	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1028	Huỳnh Minh	Thắng	20/Oct/06	60101028	4.7	4	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1029	Phan Văn Bảo	Ân	13/Dec/05	60101029	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1030	Phùng Lê Đăng	Doanh	28/Jun/05	60101030	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1031	Nguyễn Thanh	Duy	27/Jan/05	60101031	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1032	Phan Minh	Hằng	16/Nov/05	60101032	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1033	Lâm Nguyên	Lễ	29/Apr/05	60101033	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1034	Đỗ Gia	Linh	13/Oct/05	60101034	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1035	Trịnh Hoàng Xuân	Nghi	21/Jan/05	60101035	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1036	Trần Kiều	Như	2/Oct/05	60101036	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1037	Đỗ Ngọc Nam	Phương	21/Jan/05	60101037	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1038	Trần Phúc Uyên	Thi	12/Dec/05	60101038	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1039	Nguyễn Anh	Thơ	3/Oct/05	60101039	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1040	Nguyễn Trần Anh	Tú	31/Oct/05	60101040	5.1	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1041	Lê Hoàng Châu	Anh	17/Jan/05	60101041	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1042	Vũ Lương Minh	Châu	29/Dec/05	60101042	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1043	Đào Mạnh	Khải	1/Feb/05	60101043	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1044	Nguyễn Huy	Minh	11/Jan/05	60101044	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1045	Trần Thành	Minh	10/Aug/05	60101045	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1046	Lê Hoàng Nhật	Nam	17/Jan/05	60101046	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1047	Lê Đỗ Khuê	Nghi	1/Jul/05	60101047	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1048	Nguyễn Gia	Phúc	5/Oct/05	60101048	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1049	Phạm Minh	Thông	25/Dec/05	60101049	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1050	Lương Ngọc Anh	Thư	9/Aug/05	60101050	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1051	Hồ Trọng	Tú	15/Apr/05	60101051	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1052	Phạm Kiến	Tường	18/Jan/05	60101052	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1053	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	30/Jun/05	60101053	5.2	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1054	Phạm Gia	Long	29/Oct/05	60101054	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1055	Lê Thùy	Linh	9/Jan/05	60101055	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1056	Đỗ Nguyễn Ánh	Minh	2/Dec/05	60101056	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1057	Cao Thùy	Trang	8/Oct/05	60101057	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1058	Trương Hữu Minh	Trí	2/Jan/05	60101058	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1059	Lưu Minh	Khôi	3/Dec/05	60101059	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1060	Trần Quý Trọng	Đức	2/Mar/05	60101060	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1061	Nguyễn Khắc Hoàng	Hải	12/Apr/05	60101061	5.3	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1062	Triệu Quốc	Vinh	28/Oct/05	60101062	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1063	Nguyễn Trần	Vĩ	28/Aug/05	60101063	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1064	Lê Gia Vinh	Thịnh	23/May/05	60101064	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1065	Đào Thị Hồng	Ngọc	24/Oct/05	60101065	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1066	Vũ Ngọc Lê	Uyên	10/Feb/05	60101066	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1067	Đồng Minh	Quang	7/Aug/05	60101067	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1068	Lương Tất	Thành	21/Aug/05	60101068	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1069	Trần Thiên	Quốc	2/Mar/05	60101069	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1070	Nguyễn Năng Hải	An	28/Aug/05	60101070	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1071	Lê Thị Thái	Anh	18/Mar/05	60101071	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1072	Lê Nguyễn Trâm	Anh	21/Jul/05	60101072	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1073	Võ Trần Bảo	Hoa	1/Dec/05	60101073	5.6	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1074	Trương Mai	Khanh	25/Apr/05	60101074	5.7	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1075	Nguyễn Hoàng	Thạch	10/Oct/05	60101075	5.7	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1076	Phan Trung	Chánh	4/Feb/05	60101076	5.7	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1077	Lê Ngọc Phước	Hưng	7/Nov/05	60101077	5.7	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1078	Đỗ Hồng Nhật	Anh	21/Dec/05	60101078	5.7	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1079	Nguyễn Ngọc Ánh	Dương	16/Aug/05	60101079	5.4	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1080	Hoàng Thục	Anh	27/May/05	60101080	5.4	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1081	Cao Ngọc Mai	Khanh	27/Oct/05	60101081	5.4	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1082	Nguyễn Minh	Thiên	17/Jun/05	60101082	5.4	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1083	Lê Tú	Anh	12/Apr/05	60101083	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1084	Phạm Nguyễn Minh	Anh	16/Jan/05	60101084	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1085	Đoàn Phú Tuấn	Anh	15/Jan/05	60101085	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1086	Nguyễn Gia	Bách	24/Oct/05	60101086	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1087	Dương Ngọc	Khanh	9/Dec/05	60101087	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1088	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	30/Oct/05	60101088	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1089	Nguyễn Ngọc Hồng	Trâm	27/Apr/05	60101089	5.5	5	Nguyễn Bình Khiêm	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1090	Hồ Trần Nguyên	Hân	14/May/07	60101090	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1091	Trần Đăng	Hưng	28/Apr/07	60101091	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1092	Cao Trần Mỹ	Thanh	20/Sep/07	60101092	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1093	Nguyễn Trọng	Bình	14/Aug/07	60101093	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1094	Nguyễn Phan Bảo	Châu	12/Aug/07	60101094	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1095	Thiều Quang	Trung	29/May/07	60101095	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1096	Nguyễn Anh	Khoa	2/Jun/07	60101096	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1097	Đậu Hoàng Linh	Chi	21/Feb/07	60101097	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1098	Bùi Ngọc Khánh	An	30/Mar/07	60101098	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1099	Trần Thảo	My	15/Apr/07	60101099	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1100	Tất Vũ Gia	Bảo	12/Dec/07	60101100	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1101	Ngô Quỳnh	Anh	9/Feb/07	60101101	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1102	Bùi Minh Công	Danh	14/Sep/07	60101102	3.1	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1103	Trần Việt Bảo	Anh	28/Sep/07	60101103	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1104	Nguyễn Hoa Quỳnh	Anh	14/Dec/07	60101104	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1105	Vũ Thị Phương	Anh	15/Oct/07	60101105	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1106	Đặng Bảo	Hân	9/Apr/07	60101106	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1107	Nguyễn Gia	Hưng	17/Oct/07	60101107	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1108	Nguyễn Minh	Khoa	18/May/07	60101108	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1109	Mai Anh	Khôi	25/Nov/07	60101109	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1110	Nguyễn Minh	Khánh	4/Nov/07	60101110	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1111	Phạm Phúc	Khang	13/Aug/07	60101111	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1112	Trần Hoài	Nam	6/Jun/07	60101112	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1113	Huỳnh Nguyễn Minh	Quân	25/Oct/07	60101113	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1114	Trần Lê Linh	San	26/Mar/07	60101114	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1115	Mai Xuân Thanh	Ngọc	28/Oct/07	60101115	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1116	Phạm Ngọc Bảo	Trân	29/Jan/07	60101116	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1117	Nguyễn Hoàng Khả	Tú	11/Apr/07	60101117	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1118	Trần Hữu Thanh	Tùng	17/Nov/07	60101118	3.3	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1119	Hoàng Trâm	Anh	4/Apr/07	60101119	3.5	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1120	Lê Huỳnh Gia	Đạt	10/May/07	60101120	3.5	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1121	Nguyễn Gia	Khánh	17/Oct/07	60101121	3.5	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1122	Vũ Hoàng Hà	My	20/Jan/07	60101122	3.5	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1123	Lê Nguyễn Ngọc	Trân	9/Aug/07	60101123	3.5	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1124	Nguyễn Nhật	Vy	27/May/07	60101124	3.5	3	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1125	Lê Quốc	Anh	6/May/06	60101125	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1126	Nguyễn Đăng	Huy	27/Jul/06	60101126	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1127	Trần Khánh	Linh	13/May/06	60101127	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1128	Hồ Lê Khánh	Linh	29/Jul/06	60101128	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1129	Lê Hải	Long	22/Nov/06	60101129	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1130	Nguyễn Huỳnh Thảo	Ngân	7/Feb/06	60101130	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1131	Nguyễn Bảo	Nghi	1/Mar/06	60101131	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1132	Trịnh Trần Bảo	Ngọc	25/Apr/06	60101132	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1133	Trần Chấn	Nguyên	22/Oct/06	60101133	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1134	Đoàn Bảo	Phúc	15/Mar/06	60101134	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1135	Nguyễn Thanh	Phúc	12/Apr/06	60101135	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1136	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	10/Apr/06	60101136	4.1	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1137	Hà Quốc	An	16/Jan/06	60101137	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1138	Nguyễn Bảo Loan	Anh	23/Aug/06	60101138	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1139	Phạm Minh	Hằng	28/Oct/06	60101139	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1140	Văn Bảo	Hân	4/Dec/06	60101140	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1141	Lê Mỹ Kim	Hân	9/Nov/06	60101141	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1142	Đại Nguyệt	Lâm	27/Jan/06	60101142	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1143	Lê Phương	Linh	13/Mar/06	60101143	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1144	Nguyễn Ngọc Thảo	Minh	9/Dec/06	60101144	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1145	Trương Gia	Minh	25/Nov/06	60101145	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1146	Lê Hoàng	Ngân	28/Jul/06	60101146	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1147	Lê Phúc Xuân	Nghi	28/Dec/06	60101147	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1148	Bùi Trí	Nghĩa	6/Oct/06	60101148	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1149	Nguyễn Hoàng Thùy	Tiên	21/Jan/06	60101149	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1150	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	30/Sep/06	60101150	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1151	Trần Nguyễn Mỹ	Trân	16/Sep/06	60101151	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1152	Trương Anh Thanh	Vy	5/Oct/06	60101152	4.2	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1153	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	12/Oct/06	60101153	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1154	Trương Ngọc	Hân	25/Sep/06	60101154	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1155	Đỗ Thị Mỹ	Hoa	19/May/06	60101155	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1156	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa	18/Jun/06	60101156	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1157	Nguyễn Tuấn	Minh	6/Jul/06	60101157	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1158	Huỳnh Khánh	Nhân	10/Jun/06	60101158	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1159	Nguyễn Quang Trọng	Phú	1/Nov/06	60101159	4.3	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1160	Nguyễn Việt	Hưng	1/Feb/06	60101160	4.4	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1161	Bùi Trần Anh	Khoa	25/Sep/06	60101161	4.4	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1162	Nguyễn Quốc Đăng	Khoa	23/May/06	60101162	4.4	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1163	Nguyễn Khiết	Minh	5/Jan/06	60101163	4.4	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1164	Thái Đặng Yến	Trang	7/Jun/06	60101164	4.4	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1165	Hoàng	Việt	18/Mar/06	60101165	4.4	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1166	Võ Hồng	Anh	19/May/06	60101166	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1167	Shih Minh	Duy	17/Nov/05	60101167	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1168	Ngô Lê Ngọc	Duyên	2/May/06	60101168	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1169	Lê Phạm Kim	Anh	13/Nov/06	60101169	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1170	Ngô Phúc	Hiền	3/Mar/06	60101170	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1171	Vũ Lê Gia	Hân	25/Jun/06	60101171	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1172	Đỗ Đức	Huy	22/Aug/06	60101172	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1173	Ôn Thành Duy	Khang	11/Apr/06	60101173	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1174	Nguyễn Hoàng	Nam	20/Jan/06	60101174	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1175	Lê Ngọc	Khánh	8/Sep/06	60101175	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1176	Nguyễn Quý Hạo	Nhiên	3/Jan/06	60101176	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1177	Ninh Lê Hiếu	Ngân	25/Apr/06	60101177	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1178	Hoàng Hồng	Phát	16/Oct/06	60101178	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1179	Nguyễn Đoàn Minh	Quân	23/May/06	60101179	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1180	Lương Ngọc Bảo	Trân	15/Jul/06	60101180	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1181	Đào Uyên	My	23/Jan/06	60101181	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1182	Ngô Hoàng Trà	My	21/Aug/06	60101182	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1183	Bùi Lê	Vy	17/Mar/06	60101183	4.5	4	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1184	Nguyễn Xuân Tuấn	Anh	7/Jan/05	60101184	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1185	Huỳnh Thiên	Bảo	17/Apr/05	60101185	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1186	Tất Vũ Gia	Bình	24/Nov/05	60101186	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1187	Đỗ Nguyễn Hồng	Diệp	14/Sep/05	60101187	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1188	Trần Hữu	Đức	24/Jan/05	60101188	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1189	Hà Minh	Đức	27/Nov/05	60101189	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1190	Nguyễn Mai	Hân	30/May/05	60101190	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1191	Hoàng Đức	Khánh	21/Oct/05	60101191	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1192	Trần Phú	Lộc	19/Aug/05	60101192	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1193	Trần Thanh	Nghĩa	30/Jun/05	60101193	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1194	Lê Bảo	Ngọc	21/Jul/05	60101194	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1195	Trần Quốc	Thành	3/Feb/05	60101195	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1196	Trần Ngọc Phương	Uyên		60101196	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1197	Cao Ngọc Hoàng	Yến	30/Sep/05	60101197	5.2	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1198	Nguyễn Ngọc Minh	Châu		60101198	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1199	Phạm Ngọc Thiên	Di	28/Sep/05	60101199	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1200	Hoàng Sỹ Minh	Hằng	2/May/05	60101200	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1201	Hồ Đắc Liên	Ngân	17/Jun/05	60101201	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1202	Ngô Thanh	Hà	3/Jul/05	60101202	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1203	Hoàng Trọng	Thịnh	27/Jan/05	60101203	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1204	Trần Bảo	Yến	2/Jun/05	60101204	5.3	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1205	Phùng Thị Phương	Anh	30/Jul/05	60101205	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1206	Hoàng Gia	Bảo	14/Aug/05	60101206	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1207	Trương Hoàng	Long	5/Sep/05	60101207	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1208	Lê Thanh	Nghi	31/Oct/05	60101208	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1209	Hoàng Đình Trọng	Nhân	9/Apr/05	60101209	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1210	Đinh Hoàn Mỹ	Tiên	22/Feb/05	60101210	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1211	Nguyễn Thanh Phương	Uyên	24/Jul/05	60101211	5.4	5	Nguyễn Huệ	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1212	Nguyễn Quỳnh	Anh	9-Nov-07	60101212	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1213	Phạm Gia	Bảo	1-Aug-07	60101213	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1214	Nguyễn Xuân Quốc	Duy	20-Jul-07	60101214	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1215	Lâm Ngọc Minh	Duyên	7-Mar-07	60101215	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1216	Tạ Bảo	Khang	15-Dec-07	60101216	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1217	Nguyễn Hoàng	Kỳ	19-Jul-07	60101217	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1218	Nguyễn Đặng Khánh	Linh	17-Jun-07	60101218	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1219	Nguy Mai Gia	Minh	20-Jul-07	60101219	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1220	Trần Phúc	Nhã	17-Apr-07	60101220	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1221	Nguyễn Minh	Việt	12-Jan-07	60101221	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1222	Nguyễn Trần Như	Ý	15-Jun-07	60101222	3.1	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1223	Nguyễn Bá Phước	Hải	24-Apr-07	60101223	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1224	Đoàn Hồ Gia	Hào	16-Aug-07	60101224	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1225	Trần Quốc	Khải	21-May-07	60101225	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1226	Trương Lê Mỹ	Kỳ	16-Mar-07	60101226	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1227	Nguyễn Thị Hà	Linh	26-Jul-07	60101227	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1228	Nguyễn Hoàng	Long	13-Jul-07	60101228	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1229	Nguyễn Trần Nhật	Minh	10-Mar-07	60101229	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1230	Lê Gia	Nguyên	21-Jul-07	60101230	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1231	Phạm Uyên	Nhi	2-Aug-07	60101231	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1232	Nguyễn Ngọc Khánh	Trúc	15-Jul-07	60101232	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1233	Trịnh Nam	Trung	22-Sep-07	60101233	3.2	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1234	Lê Minh	Anh	15-Dec-07	60101234	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1235	Nguyễn Hoàng Linh	Đan	10-Jul-07	60101235	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1236	Bùi Thanh	Huyền	22-Sep-07	60101236	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1237	Nguyễn Minh	Khang	30-Jun-07	60101237	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1238	Châu Lệ	Liên	8-Apr-07	60101238	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1239	Dương Lâm Yến	Nhi	3-Mar-07	60101239	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1240	Võ Thị Phương	Nhi	11-Oct-07	60101240	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1241	Võ Đình	Phi	7-Nov-07	60101241	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1242	Đỗ Đình	Phong	14-Jul-07	60101242	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1243	Trần Nguyễn Quốc	Thắng	4-May-07	60101243	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1244	Mã Thiên	Ý	26-Mar-07	60101244	3.3	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1245	Nguyễn Đặng Bảo	Anh	5-Dec-07	60101245	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1246	Phạm Minh	Đức	4-Aug-07	60101246	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1247	Huỳnh Phan Anh	Duy	28-Nov-07	60101247	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1248	Huỳnh Nguyễn Xuân	Huệ	3-Mar-07	60101248	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1249	Nguyễn Vũ	Huy	21-Mar-07	60101249	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1250	Nguyễn Đăng	Khải	20-Nov-07	60101250	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1251	Nguyễn Hoàng Yến	Linh	8-Jul-07	60101251	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1252	Nguyễn Ngọc	Long	24-Jan-07	60101252	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1253	Đặng Hoàng	Long	14-Mar-07	60101253	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1254	Lý Kim	Ngân	4-Dec-07	60101254	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1255	Trần Tuyết	Nhi	19-Mar-07	60101255	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1256	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	15-Jun-07	60101256	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1257	Thái Hoàng Gia	Phú	15-Oct-07	60101257	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1258	Quan Nhã	Phương	29-Mar-07	60101258	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1259	Lê Ngọc Như	Ý	18-Apr-07	60101259	3.4	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1260	Đinh Xuân Thái	Huy	20-Nov-07	60101260	3.5	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1261	Trương Trần Ngọc	Như	18-Jun-07	60101261	3.5	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1262	Quách Châu Ngọc	Quỳnh	27-Apr-07	60101262	3.5	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1263	Lý Trương	Thuần	29-Dec-07	60101263	3.5	3	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1264	Trần Khánh	Hà	27-May-06	60101264	4.2	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1265	Nguyễn Cảnh	Huy	21-Jan-06	60101265	4.2	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1266	Võ Như	Lan	29-Jun-06	60101266	4.2	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1267	Lưu Thanh	Phúc	24-Oct-06	60101267	4.2	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1268	Nguyễn Nhật	Tân	30-Sep-06	60101268	4.2	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1269	Trần Hoài	Thanh	6-Sep-06	60101269	4.2	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1270	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	15-Jun-06	60101270	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1271	Võ Văn Đăng	Khoa	14-May-06	60101271	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1272	Đặng Bảo	Khôi	10-Jun-06	60101272	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1273	Lê Quách Thiên	Kim	6-May-06	60101273	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1274	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhân	14-Jan-05	60101274	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1275	Trần Võ Hồng	Như	14-Jan-06	60101275	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1276	Nguyễn Bảo	Phúc	17-Apr-06	60101276	4.3	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1277	Bùi Trương Quỳnh	Anh	15-Oct-06	60101277	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1278	Đặng Hải	Anh	15-Jun-06	60101278	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1279	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	10-Jun-06	60101279	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1280	Khâu Duy	Bảo	21-Jul-06	60101280	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1281	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	22-Feb-06	60101281	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1282	Sali Lê	Hiếu	31-Mar-06	60101282	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1283	Lê	Kha	12-Apr-06	60101283	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1284	Lê Anh	Khôi	10-Jan-06	60101284	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1285	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	25-Sep-06	60101285	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1286	Lê Bảo	Long	18-Jul-06	60101286	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1287	Lê Quỳnh	Nghi	10-Jul-06	60101287	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1288	Mai Thủy	Nguyên	8-May-06	60101288	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1289	Huỳnh Hà	Nhi	13-Mar-06	60101289	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1290	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	17-Aug-06	60101290	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1291	Lê Minh	Sơn	3-Oct-06	60101291	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1292	Lê Lương Hồng	Thắm	20-Jun-06	60101292	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1293	Mai Nguyễn Vân	Thanh	24-Jul-06	60101293	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1294	Lê Nguyễn Thiên	Thư	16-Oct-06	60101294	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1295	Cao Hoàng Minh	Triết	25-Sep-06	60101295	4.4	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1296	Trương Mỹ	Dung	12-Mar-06	60101296	4.5	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1297	Lê Vũ Trí	Dũng	10-Jan-06	60101297	4.5	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1298	Trần Phan Đăng	Khôi	15-Oct-06	60101298	4.5	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1299	Nguyễn Ngọc	Mai	12-Mar-06	60101299	4.5	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1300	Dương Huỳnh Ý	Như	24-Mar-06	60101300	4.5	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1301	Trần Phương	Anh	3-Apr-06	60101301	4.6	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1302	Diệp Hoàng	Bách	10-Aug-06	60101302	4.6	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1303	Đặng Hoàng Minh	Huy	28-Dec-06	60101303	4.6	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1304	Phạm Đặng Kim	Ngọc	7-Aug-06	60101304	4.6	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1305	Đào Thiện	Nhân	1-Dec-06	60101305	4.6	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1306	Nguyễn Trọng	Quý	21-Dec-06	60101306	4.6	4	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1307	Nguyễn Đồng Minh	Anh	31-Mar-05	60101307	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1308	Từ Kim	Bội	10-Jul-05	60101308	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1309	Nguyễn Tuấn	Đức	20-Jan-05	60101309	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1310	Trần Ngọc Việt	Hoàng	6-May-05	60101310	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1311	Nguyễn Thuy	Khuê	2-Apr-05	60101311	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1312	Lương Thu	Minh	8-Jun-05	60101312	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1313	Lê Trần Kim	Ngân	22-Jul-05	60101313	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1314	Lê Thanh	Ngọc	20-Apr-05	60101314	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1315	Nguyễn Phúc	Nguyên	6-Dec-05	60101315	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1316	Nguyễn Đức	Nguyên	12-Jan-05	60101316	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1317	Nguyễn Anh	Thư	28-Oct-05	60101317	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1318	Trần Lê Quỳnh	Thy	21-Jul-05	60101318	5.1	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1319	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	27-Jan-05	60101319	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1320	Nguyễn Minh	Hạnh	2-Jan-05	60101320	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1321	Lê Ngô Minh	Huy	6-Apr-05	60101321	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1322	Võ Đặng Đăng	Khoa	6-Mar-05	60101322	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1323	Bùi Trương Minh	Khôi	3-May-05	60101323	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1324	Trần Nguyễn Trung	Kiên	28-Jun-05	60101324	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1325	Trần Minh	Kiệt	16-Jan-05	60101325	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1326	Lê Nguyễn Đan	Thanh	20-Nov-05	60101326	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1327	Trần Huệ	Thanh	1-Feb-05	60101327	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1328	Nguyễn Thuỵ Anh	Thy	8-Dec-05	60101328	5.2	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1329	Huỳnh Lê Mai	Anh	1-Jun-05	60101329	5.3	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1330	Quách Châu Hạo	Kiệt	10-Aug-05	60101330	5.3	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1331	Huỳnh Nhất	Long	23-Nov-05	60101331	5.3	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1332	Hà Phương	Nga	10-Mar-05	60101332	5.4	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1333	Nguyễn Hải Phương	Thùy	26-Mar-05	60101333	5.4	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1334	Lê Văn	Khôi	30-Jul-05	60101334	5.5	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1335	Võ Cao Minh	Trí	29-Dec-05	60101335	5.5	5	Nguyễn Thái Học	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1336	Thân Nguyễn	Khang	12/Sep/15	60101336	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1337	Phạm Gia	Bảo	5/Mar/17	60101337	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1338	Đoàn Minh	Huy	29/Mar/07	60101338	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1339	Lê Thiên	Đức	10/Aug/07	60101339	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1340	Trần Ngọc Hoàng	Anh	18/Feb/07	60101340	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1341	Cù Hoàng	Hùng	12/Jul/07	60101341	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1342	Đặng Ngọc	Dung	20/Jul/07	60101342	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1343	Nguyễn Dương Hương	Giang	1/Feb/07	60101343	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1344	Lê Minh Uyên	Thy	25/Jun/07	60101344	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1345	Hoàng Xuân	Nguyên	11/Nov/07	60101345	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1346	Lê Nguyễn Khánh	Giao	14/Oct/07	60101346	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1347	Phan Kiều Tuệ	Linh	26/May/07	60101347	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1348	Võ Văn	Phúc	25/Mar/07	60101348	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1349	Vũ Minh	Anh	25/Jun/07	60101349	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1350	Nguyễn Võ Minh	Tân	12/Jun/07	60101350	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1351	Phạm Phương	Thảo	31/Aug/07	60101351	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1352	Lê Đỗ Thiên	Ngân	13/Nov/07	60101352	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1353	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	12/Oct/07	60101353	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1354	Hoàng Thảo	My	20/Nov/07	60101354	3.1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1355	Võ Tường	Lâm	14/Nov/07	60101355	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1356	Nguyễn Đoan	Trang	11/Aug/07	60101356	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1357	Lê Trần Nhã	Thy	4/Apr/07	60101357	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1358	Trần Hoàng	Thịnh	28/Oct/07	60101358	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1359	Nguyễn Hoàng	Lâm	3/May/07	60101359	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1360	Phan Thảo	Vân	5/Mar/07	60101360	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1361	Trần Lê Trúc	Quân	9/Jan/07	60101361	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1362	Đặng Ngọc Yến	Ngân	31/May/07	60101362	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1363	Huỳnh Anh	Khôi	22/Aug/07	60101363	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1364	Lê Đức	Phát	2/Dec/07	60101364	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1365	Võ Nguyễn Nhật	Minh	22/Jun/07	60101365	3.2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1366	Trần Hồng Đông	Anh	20/Jul/07	60101366	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1367	Trương Tâm	Anh	29/Sep/07	60101367	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1368	Nguyễn Phạm Khánh	Chi	25/Dec/07	60101368	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1369	Đỗ Anh	Duy	25/Apr/07	60101369	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1370	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	31/Oct/07	60101370	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1371	Giang Hồng	Hân	4/Dec/07	60101371	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1372	Vương Gia	Hòa	6/May/07	60101372	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1373	Phùng Wăng Gia	Huy	8/Mar/07	60101373	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1374	Nguyễn Lâm Minh	Phú	7/Jan/07	60101374	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1375	Nguyễn Ngọc Nam	Phương	23/Jun/07	60101375	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1376	Nguyễn Anh	Quân	29/Nov/07	60101376	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1377	Lê Nguyễn Khánh	Thành	16/Apr/07	60101377	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1378	Lương Quốc	Thắng	19/May/07	60101378	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1379	Nguyễn Lâm Phúc	Thịnh	13/Dec/07	60101379	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1380	Ngô Hà Anh	Thư	19/Oct/07	60101380	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1381	Nguyễn Hồng	Phúc	21/Oct/07	60101381	3.3	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1382	Bùi Quang	Trung	2/Feb/07	60101382	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1383	Nguyễn Bảo Anh	Thơ	6/Aug/07	60101383	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1384	Lâm Vĩnh Thiên	Kim	27/Jan/07	60101384	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1385	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	30/Sep/07	60101385	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1386	Đàm Minh	Tiến	29/Jul/07	60101386	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1387	Bùi Bảo	Phúc	23/Dec/07	60101387	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1388	Nguyễn Ngọc	Anh	18/Sep/07	60101388	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1389	Tăng Uyên	Văn	6/Jul/07	60101389	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1390	Vũ Gia	Trúc	12/Jun/07	60101390	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1391	Phạm Trí	Dũng	12/Jul/07	60101391	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1392	Nguyễn Minh	Hiển	27/Mar/07	60101392	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1393	Bùi Ngọc Long	Kim	14/Aug/07	60101393	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1394	Trần Văn	Tiến	14/Jan/07	60101394	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1395	Võ Ngọc Quỳnh	Nhi	5/Dec/07	60101395	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1396	Nguyễn Tuấn	An	3/May/07	60101396	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1397	Lê Thị Thiên	Kim	23/Apr/07	60101397	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1398	Hoàng Nguyễn Như	Ý	2/Jan/07	60101398	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1399	Đặng Nhật Quỳnh	Anh	1/May/07	60101399	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1400	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	23/Jun/07	60101400	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1401	Nguyễn Phạm Angelina	Mĩ Mĩ	30/Nov/07	60101401	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1402	Trần Minh	Khang	11/Sep/07	60101402	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1403	Cù Vũ Minh	Khoa	30/Jun/07	60101403	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1404	Hứa Yến	Phương	29/Mar/07	60101404	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1405	Dư Nguyễn Thúy	Vy	14/Dec/07	60101405	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1406	Đặng Trần Nhật	Huy	29/Dec/07	60101406	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1407	Nguyễn Bạch Xuân	Mai	2/Oct/07	60101407	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1408	Phạm Vũ Đăng	Khoa	1/Aug/07	60101408	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1409	Chiêu Kim	Bảo	26/Aug/07	60101409	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1410	Nguyễn Thái Anh	Thư	9/Jun/07	60101410	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1411	Nguyễn Vũ Anh	Quân	24/Aug/07	60101411	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1412	Bùi Trúc Hải	Anh	29/Dec/07	60101412	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1413	Nguyễn Hoàng	Khang	19/Sep/07	60101413	3.4	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1414	Trần Quốc Anh	Long	19/Mar/07	60101414	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1415	Nguyễn Trọng	Nhân	6/Jul/07	60101415	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1416	Phạm Tiến	Vũ	31/May/07	60101416	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1417	Nguyễn Thụy Diệu	Huyền	20/Nov/07	60101417	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1418	Nguyễn Lê Đông	Nghi	22/Oct/07	60101418	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1419	Phạm Bảo	Nhi	3/Feb/07	60101419	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1420	Huỳnh Hồng Ngọc Như	Ý	26/Dec/07	60101420	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1421	Trần Hoàng Khánh	Linh	17/May/07	60101421	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1422	Trần Huỳnh Minh	Khoa	12/Aug/07	60101422	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1423	Lý Vĩnh	Khang	14/Sep/07	60101423	3C1	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1424	Trần Khánh	Châu	16/May/07	60101424	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1425	Nguyễn Lã Quốc	Cường	7/Dec/07	60101425	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1426	Võ Tuệ	Đăng	12/Jan/07	60101426	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1427	Lâm Chấn	Kiên	28/May/07	60101427	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1428	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	7/May/07	60101428	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1429	Đỗ Văn	Nghi	27/Oct/07	60101429	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1430	Trần Hoàng	Sang	6/Sep/07	60101430	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1431	Nguyễn Hà	Trang	3/Jul/07	60101431	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1432	Võ Ngọc Phương	Nghi	21/Dec/07	60101432	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1433	Lê Minh Nhật	Phương	14/May/07	60101433	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1434	Nguyễn Phương	Linh	21/Jun/07	60101434	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1435	Trần Ngọc	Minh	7/May/07	60101435	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1436	Nguyễn Minh	Quân	3/Sep/07	60101436	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1437	Dương Gia	Hân	4/Jun/07	60101437	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1438	Trần Anh	Khôi	13/Mar/07	60101438	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1439	Nguyễn Tường Anh	Khoa	23/May/07	60101439	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1440	Nguyễn Minh	Quốc	19/Apr/07	60101440	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1441	Phạm Thục	Nghi	17/Jul/07	60101441	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1442	Ninh Ngọc Yến	Vy	17/Jul/07	60101442	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1443	Nguyễn Phan Minh	Thông	20/Nov/07	60101443	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1444	Nguyễn Hữu Khôi	Nguyên	29/Nov/07	60101444	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1445	Nguyễn Thanh	Mai	13/Feb/07	60101445	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1446	Hồ Trọng	Bình	19/Aug/07	60101446	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1447	Trần Đức Minh	Khánh	19/Aug/07	60101447	3C2	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1448	Đỗ Huỳnh Minh	Huy	30/Nov/07	60101448	3.6	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1449	Huỳnh Minh	Tâm	31/Mar/07	60101449	3.6	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1450	Đỗ Ngọc Bích	Quyên	22/Nov/07	60101450	3.6	3	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1451	Ngô Nhã	Thư	12/Aug/05	60101451	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1452	Diệp Thế	Kiệt	12/Feb/05	60101452	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1453	Nguyễn Trung	Hậu	11/Jan/05	60101453	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1454	Trần Ngọc Khánh	Vy	31/May/05	60101454	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1455	Nguyễn Ngọc Lương	Giang	15/Dec/05	60101455	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1456	Mai Huỳnh Thanh	Tâm	26/Jun/05	60101456	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1457	Lê Phú	Hưng	30/Nov/05	60101457	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1458	Phạm Bảo	Ngân	7/Dec/05	60101458	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1459	Biện Bảo	Anh	14/Sep/05	60101459	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1460	Bùi Trần Châu	Giang	14/Aug/05	60101460	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1461	Nguyễn Đào Gia	Kiệt	1/Oct/05	60101461	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1462	Nguyễn Thảo	Nguyên	17/Sep/05	60101462	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1463	Nguyễn Gia	Nhi	23/Sep/05	60101463	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1464	Bùi Nguyễn Linh	Anh	27/Feb/07	60101464	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1465	Nguyễn Bảo	Trang	2/May/05	60101465	5.1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1466	Hứa Bảo	Châu	30/Jul/07	60101466	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1467	Hoàng Lê Minh	Nhật	2/Aug/05	60101467	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1468	Trần Thanh Thảo	Ly	28/Jun/05	60101468	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1469	Nguyễn Phi	Hùng	26/Apr/05	60101469	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1470	Trần Nam	Anh	14/Mar/05	60101470	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1471	Phạm Quốc	An	23/Jan/05	60101471	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1472	Mai Tấn	Phong	10/Aug/05	60101472	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1473	Nguyễn Khánh	Minh	31/Oct/05	60101473	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1474	Đỗ Hoài Thiên	Đăng	30/Sep/05	60101474	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1475	Trần Châu Thùy	Trang	20/Nov/05	60101475	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1476	Lê Nam	Khánh	19/Apr/05	60101476	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1477	Lê Quỳnh	Như	10/Jul/05	60101477	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1478	Trần Quốc Minh	Thiện	16/Aug/05	60101478	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1479	Phạm Lâm Như	Nguyên	14/Aug/05	60101479	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1480	Nguyễn Phaạm Thùy	Phương	22/Oct/05	60101480	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1481	Văn Khải	Hoàng	29/Aug/05	60101481	5.2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1482	Phan Hoàng	Bách	24/Jan/05	60101482	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1483	Nguyễn Tuấn	Anh	15/Sep/05	60101483	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1484	Lê Trung	Khải	4/Nov/05	60101484	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1485	Nguyễn Lê Hồng	Anh	26/Jul/05	60101485	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1486	Nguyễn Vũ Kiều	Khanh	2/Jul/05	60101486	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1487	Lưu Hoàng Bảo	Ngọc	25/Oct/05	60101487	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1488	Trương Đặng Thảo	My	12/Jan/04	60101488	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1489	Ngô Hoàng Gia	Khang	6/Dec/05	60101489	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1490	Nguyễn Ngọc	Phú	2/May/05	60101490	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1491	Phạm Nguyễn Ngọc	Quang	20/Apr/05	60101491	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1492	Huỳnh Nhuận	Thiên	24/Feb/05	60101492	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1493	Dương Thanh	Tung	28/Feb/05	60101493	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1494	Trần Đặng Minh	Anh	31/Mar/05	60101494	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1495	Khổng Đức	Tài	27/Sep/05	60101495	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1496	Lê Việt Minh	Khuê	9/Oct/05	60101496	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1497	Nguyễn Minh Tuấn	Đạt	19/Sep/05	60101497	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1498	Đỗ Phương	Nghi	1/Apr/05	60101498	5.3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1499	Trần Thị Thanh	Bình	4/Oct/05	60101499			Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1500	Nguyễn Chí	Thiên	3/Feb/05	60101500	5.5	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1501	Ngô Quang	Huy	9/Nov/05	60101501	5.5	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1502	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	9/Feb/05	60101502	5.5	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1503	Nguyễn Huỳnh	Khôi	12/Dec/05	60101503	5.5	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1504	Lê Hồ Phương	Ngân	24/Mar/05	60101504	5.5	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1505	Lê Huỳnh Đông	Nghi	10/Mar/05	60101505	5.5	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1506	Nguyễn Cao	Nhân	23/Oct/05	60101506	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1507	Trương Đình Quang	Anh	4/Feb/05	60101507	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1508	Châu Nguyễn Nhật	Anh	8/Mar/05	60101508	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1509	Phạm Đức Nhật	Anh	23/Mar/05	60101509	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1510	Hồ Trọng	Minh	26/Aug/05	60101510	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1511	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	16/Feb/05	60101511	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1512	Lê Quốc	Duy	25/Apr/05	60101512	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1513	Nguyễn Anh	Thư	1/Jan/05	60101513	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1514	Nguyễn Vũ Trường	Ca	27/Apr/05	60101514	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1515	Nguyễn Minh	Quân	11/Dec/05	60101515	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1516	Nguyễn Ngọc	Mạnh	30/Apr/05	60101516	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1517	Lê Nam	Khánh	1/Aug/05	60101517	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1518	Lê Nhất	Chung	27/Nov/05	60101518	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1519	Trần Nguyễn Tiến	Phát	14/Jan/05	60101519	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1520	Đàominh	Khôi	4/Jun/05	60101520	5C1	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1521	Huỳnh Nguyễn Minh	Như	20/Sep/05	60101521	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1522	Trịnh Đan	Lê	9/May/05	60101522	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1523	Hoàng Trịnh Thục	Trân	6/Sep/05	60101523	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1524	Nguyễn Thanh	Mai	27/Nov/05	60101524	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1525	Nguyễn Hà Lam	Thư	25/Oct/05	60101525	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1526	Nguyễn Ngọc	Tuệ	9/Jul/05	60101526	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1527	Lâm Nguyễn Phương	Nghi	28/Jun/05	60101527	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1528	Nguyễn Ngọc Thuận	Hiếu	17/Oct/05	60101528	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1529	Đoàn Thái	Hà	12/Dec/05	60101529	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1530	Đào Nguyễn Quỳnh	Anh	26/Sep/05	60101530	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1531	Hồ Vũ Minh	Khang	19/May/05	60101531	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1532	Mai Hoàng	Khánh	20/Nov/05	60101532	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1533	Nguyễn Anh	Khôi	15/Aug/05	60101533	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1534	Hoàng Thái	Bình	6/Jun/05	60101534	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1535	Nguyễn Nhật Phương	Uyên	7/Apr/05	60101535	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1536	Lê Trọng	Lân	22/Jan/05	60101536	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1537	Trần Gia	Linh	19/Oct/05	60101537	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1538	Lưu Trình Học	Mẫn	21/Nov/05	60101538	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1539	Nguyễn Nhật	Anh	12/Aug/05	60101539	5C2	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1540	Trần Đắc Quang	Trí	1/Sep/05	60101540	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1541	Trần Minh	Triết	11/Jan/05	60101541	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1542	Vũ Bảo	Châu	25/Apr/05	60101542	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1543	Nguyễn Lam	Ngọc	11/Oct/05	60101543	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1544	Nguyễn Đức	Huy	26/Jan/05	60101544	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1545	Lâm Ngọc	Thy	9/Nov/05	60101545	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1546	Nguyễn Trần Quang	Minh	28/Oct/05	60101546	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1547	Đặng Nguyên	Khoa	3/Nov/05	60101547	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1548	Trần Minh	Khang	23/May/05	60101548	5C3	5	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1549	Bùi Đình	Khoa	16/Jul/06	60101549	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1550	Trần Khánh	Ngọc	31/Oct/06	60101550	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1551	Hồng Đoàn Khánh	Sơn	20/May/06	60101551	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1552	Nguyễn Tiến	Đạt	1/Apr/06	60101552	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1553	Phạm Lê	Khanh	22/Dec/06	60101553	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1554	Trương Phạm Nhật	Minh	18/Jul/06	60101554	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1555	Lương Tịnh	Kỳ	8/Apr/06	60101555	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1556	Trương Tú	Liên	16/Dec/06	60101556	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1557	Phan Cao Huy	Anh	4/Feb/06	60101557	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1558	Nguyễn Quách Trường	Khang	14/Aug/06	60101558	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1559	Nguyễn Phước Hải	Trân	9/Jun/06	60101559	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1560	Trần Thái	Hòa	4/Sep/06	60101560	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1561	Nguyễn Ngô Đài	Trang	5/Aug/06	60101561	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1562	Võ Hương	Trà	11/Apr/06	60101562	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1563	Võ Hương	Giang	11/Apr/06	60101563	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1564	Lê Thục Minh	Tâm	24/May/06	60101564	4c1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1565	Huỳnh Gia	Hào	9/May/06	60101565	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1566	Nguyễn Bảo	Ngọc	15/Jan/06	60101566	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1567	Nghiêm Minh	Châu	4/Nov/06	60101567	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1568	Đặng Minh	Đức	12/Jan/06	60101568	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1569	Phạm Quang	Toàn	24/Jan/06	60101569	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1570	Đặng Trần Phương	Nghi	20/Feb/06	60101570	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1571	Vũ Ngọc Phương	Linh	16/Jul/06	60101571	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1572	Cao Tuệ	Anh	31/Jul/06	60101572	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1573	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	17/Jun/06	60101573	4c2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1574	Lê Nguyễn Minh	Khánh	1/Jan/06	60101574	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1575	Bùi Dương Phương	Linh	18/Jan/06	60101575	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1576	Phạm Chí	Khang	4/Oct/06	60101576	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1577	Nguyễn Minh	Đức	3/May/06	60101577	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1578	Đỗ Thu	Hà	30/Oct/06	60101578	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1579	Trần Ngọc Kim	Thư	18/Jan/06	60101579	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1580	Huỳnh Lê Thanh	Trúc	30/Mar/06	60101580	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1581	Võ Ngọc Lan	Vy	12/Feb/06	60101581	4c3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1582	Võ Minh	Nhi	7/Jul/06	60101582	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1583	Nguyễn Hà Bảo	Châu	13/Mar/06	60101583	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1584	Đinh Nguyễn Minh	Nhật	3/Apr/06	60101584	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1585	Nguyễn Việt	Thành	16/Jan/06	60101585	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1586	Lâm Chí	Nghĩa	25/Jul/06	60101586	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1587	Nguyễn Quốc	Minh	16/Jul/06	60101587	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1588	Nguyễn Khánh Quỳnh	Chi	25/Aug/06	60101588	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1589	Dương Khải	Thành	21/Nov/06	60101589	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1590	Võ Trương Nhật	Yến	28/Mar/06	60101590	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1591	Nguyễn Khánh	Toàn	9/Jun/06	60101591	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1592	Lương Huệ	Siêu	16/Nov/06	60101592	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1593	Lương Thị Huệ	Mẫn	11-16-2006	60101593	4c4	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1594	Cao Minh	Trí	3/Feb/06	60101594	4.1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1595	Hồ Phương	Trúc	23/Oct/06	60101595	4.1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1596	Trần Gia	Kiệt	6/Sep/06	60101596	4.1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1597	Phan Thanh Hồng	Minh	2/Apr/06	60101597	4.1	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1598	Trần Trí	Vũ	23/Jan/06	60101598	4.2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1599	Nguyễn Anh Huy	Tú	15/Jan/06	60101599	4.2	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1600	Đặng Ngọc Phương	Dung	18/Jan/06	60101600	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1601	Nguyễn	Lân	17/Sep/06	60101601	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1602	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	27/Nov/06	60101602	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1603	Đỗ Nguyễn Hải	Vân	12/Jul/06	60101603	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1604	Ngô Đoàn Phương	Uyên	10/Oct/06	60101604	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1605	Lê Võ Hoàng	Anh	7/Oct/06	60101605	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1606	Nguyễn Thanh	Huy	18/Jul/06	60101606	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1607	Phan Ngọc Thảo	Thanh	16/Jul/06	60101607	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1608	Đoàn Nhật	Minh	3/Feb/06	60101608	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1609	Phan Thục	Quyên	21/Jul/06	60101609	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1610	Vũ Ngọc Tâm	Như	31/Oct/06	60101610	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1611	Hồ Hồng	Phúc	19/May/06	60101611	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1612	Phạm Nguyên	Anh	10/Jun/06	60101612	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1613	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	5/Mar/06	60101613	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1614	Lê Châu Thảo	Nguyên	8/Mar/06	60101614	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1615	Đào Thụy Yến	Nhi	4/Aug/06	60101615	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1616	Phạm Nhã	Khuê	3/Jun/06	60101616	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1617	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	9/Oct/06	60101617	4.3	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1618	Nguyễn Trần Khánh	Đăng	8/Jan/06	60101618	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1619	Nguyễn Khôi	Nguyên	5/Nov/06	60101619	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1620	Huỳnh Phan Diễm	Quỳnh	26/May/06	60101620	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1621	Nguyễn Hoàng	Huy	23/Aug/06	60101621	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1622	Trương Vĩnh	Nghi	15/Jul/06	60101622	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1623	Lê Lan	Bình	22/Jun/06	60101623	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1624	Mai Võ Hoàng	Anh	21/Aug/06	60101624	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1625	Đặng Bảo	Huy	19/Aug/06	60101625	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1626	Trần Nguyễn Minh	Quân	9/Mar/06	60101626	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1627	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	19/Aug/06	60101627	4.5	4	Trần Hưng Đạo	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1628	Phạm Nguyễn Hồng	Ân	7/Mar/07	60101628	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1629	Nguyễn Đức Hà	Anh	14/Jan/07	60101629	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1630	Nguyễn Thế Bảo	Duy	25/Dec/07	60101630	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1631	Lương Richard	Giakỳ	23/Apr/07	60101631	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1632	Huỳnh Minh	Khuê	6/Dec/07	60101632	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1633	Hồ Lư Trí	Kiệt	3/Mar/07	60101633	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1634	Nguyễn Bảo Nhật	Minh	11/Nov/07	60101634	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1635	Phan Bradley Tuấn	Minh	7/Oct/07	60101635	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1636	Lê Quốc	Mỹ	26/Jan/07	60101636	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1637	Lê Phạm Hoàng	Nghi	17/May/07	60101637	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1638	Lương Minh	Nhật	13/Jan/07	60101638	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1639	Phạm Huỳnh Kim	Phúc	21/Nov/07	60101639	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1640	Trần Minh	Quân	5/Mar/07	60101640	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1641	Trần Anh Minh	Quang	17/Apr/07	60101641	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1642	Đặng Minh	Thông	4/Nov/07	60101642	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1643	Phạm Lê Phương	Xuân	14/Sep/07	60101643	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1644	Huỳnh Phạm Bảo	Yên	4/Aug/07	60101644	3.1	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1645	Nguyễn Hồ Việt	Bách	2/Apr/07	60101645	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1646	Ngô Anthony Đức	Long	20/Aug/07	60101646	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1647	Sophianhu	LuuTRAN	1/Dec/07	60101647	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1648	Nguyễn Thanh	Mai	19/Feb/07	60101648	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1649	Phạm Quang	Minh	24/Nov/07	60101649	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1650	Vũ Khánh	Minh	2/Jun/07	60101650	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1651	Đào Đăng	Nguyên	9/May/07	60101651	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1652	Nguyễn Khánh Bảo	Nguyên	26/Oct/07	60101652	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1653	Lê Ngọc Uyên	Nhi	16/Jun/07	60101653	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1654	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	16/May/07	60101654	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1655	Trần Nam	Phương	7/Dec/07	60101655	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1656	Quách Vi	Quân	18/Feb/07	60101656	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1657	Trần Anh	Quân	21/Dec/07	60101657	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1658	Từ Đông	Quân	10/Feb/07	60101658	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1659	Trần Đình Việt	Tâm	5/Aug/07	60101659	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1660	Đinh Lê Kim	Thảo	13/Aug/07	60101660	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1661	Hoàng Minh	Trường	28/Sep/07	60101661	3.2	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1662	Nguyễn Võ Khánh	An	17/Nov/07	60101662	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1663	Châu Vũ Mỹ	Anh	27/Feb/07	60101663	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1664	Nguyễn Trần Bảo	Hân	1/Nov/07	60101664	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1665	Nguyễn Hồ Phương	Hiền	20/Aug/07	60101665	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1666	Đỗ Trọng	Hiếu	29/Oct/07	60101666	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1667	Đỗ Lê	Hoàng	28/Jul/07	60101667	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1668	Nguyễn Trần Khánh	Huy	11/Dec/07	60101668	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1669	Đặng Lâm	Khoa	23/Jan/06	60101669	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1670	Huỳnh Mai	Khôi	20/Aug/07	60101670	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1671	Lê Huy	Khôi	23/Aug/07	60101671	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1672	Huỳnh Ngọc Thiên	Kim	8/Jul/07	60101672	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1673	Hồ Việt	Long	11/Oct/07	60101673	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1674	Trần Quang	Minh	12/Nov/07	60101674	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1675	Nguyễn Thiệu	Ninh	25/Jan/07	60101675	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1676	Trần Đại	Thành	31/Oct/07	60101676	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1677	Lê Quang Minh	Triết	14/Apr/07	60101677	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1678	Nguyễn Hoàng Nhã	Văn	23/Jul/07	60101678	3.3	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1679	Đỗ Hy	An	9/Nov/07	60101679	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1680	Đỗ Hoàng	Hưng	20/Sep/07	60101680	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1681	Trần Ly	Ly	24/Jul/07	60101681	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1682	Đinh Ngọc Khả	Mi	4/Feb/08	60101682	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1683	Hồ Nam Nhật	Minh	28/Nov/07	60101683	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1684	Lê Tuấn	Minh	31/May/07	60101684	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1685	Nguyễn Lâm	Minh	14/Aug/07	60101685	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1686	Trần Ngọc Hà	Minh	8/Mar/07	60101686	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1687	Lê Khánh	Nguyên	7/Oct/07	60101687	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1688	Nguyễn Đại	Phong	4/Nov/07	60101688	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1689	Nguyễn Minh	Thư	6/Aug/07	60101689	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1690	Nguyễn Ngọc	Trâm	5/Nov/07	60101690	3.4	3	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1691	Đặng Vũ Đức	Anh	13/Jun/06	60101691	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1692	Trần Thanh	Duy	15/Jun/06	60101692	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1693	Bùi Lê Minh	Hiếu	20/Nov/05	60101693	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1694	Mai Thiên	Minh	24/Aug/06	60101694	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1695	Trương Bảo	Nghi	27/Jan/06	60101695	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1696	Huỳnh Lâm	Nguyên	20/Jul/06	60101696	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1697	Nguyễn Bảo	Như	22/May/06	60101697	4.1	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1698	Nguyễn Quỳnh	Anh	12/Apr/06	60101698	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1699	Đặng Hoàng	Châu	21/Apr/06	60101699	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1700	Catherine Nguyen	Dang	5/Dec/06	60101700	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1701	Nguyễn Đoàn An	Di	2/Aug/06	60101701	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1702	Tôn Thất Trí	Dũng	31/May/06	60101702	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1703	Bùi Hoàng	Hiệp	1/Oct/06	60101703	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1704	Nguyễn Đức Anh	Huy	14/Jul/06	60101704	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1705	Đào Nguyên	Khang	17/May/06	60101705	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1706	Hàng Gia	Nguyễn	13/Oct/06	60101706	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1707	Hồ Tuệ	Nhã	31/Oct/06	60101707	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1708	Phạm Đức Minh	Nhật	5/Jul/06	60101708	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1709	Lê Ngọc Hải	Yến	20/Feb/06	60101709	4.2	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1710	Trần Thái	Hưng	27/Jun/06	60101710	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1711	Trương Ngọc	Khánh	28/Mar/06	60101711	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1712	Võ Huy	Khánh	8/Jun/06	60101712	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1713	Võ Nam	Khánh	8/Jun/06	60101713	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1714	Phạm Ngọc Mai	Lam	3/Sep/06	60101714	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1715	Võ Hoàng Châu	Như	29/Jul/06	60101715	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1716	Nguyễn Quý	Phong	3/Mar/06	60101716	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1717	Lê Minh	Quang	23/Sep/06	60101717	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1718	Trần Phú	Sĩ	15/Jan/06	60101718	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1719	Nguyễn Vương Bảo	Thương	22/Feb/06	60101719	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1720	Lưu Cát	Tiên	23/Apr/06	60101720	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1721	Trần Thảo	Vi	9/Aug/06	60101721	4.3	4	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1722	Nguyễn Gia	Bảo	20/Sep/05	60101722	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1723	Nguyễn Mai Tấn	Dũng	16/Sep/05	60101723	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1724	Phạm Linh	Lam	10/Nov/05	60101724	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1725	Hồ Thảo	Ngọc	11/Jan/05	60101725	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1726	Lê Hà	Nguyên	23/Feb/05	60101726	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1727	Đào Nguyễn Hồng	Phúc	19/Apr/05	60101727	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1728	Lê Ngọc Bảo	Trân	25/Jun/05	60101728	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1729	Nguyễn Minh Tố	Vân	16/Jul/05	60101729	5.1	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1730	Trương Quốc	Anh	25/Sep/05	60101730	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1731	Trần Hoài Đức	Dương	23/Sep/05	60101731	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1732	Bùi Gia	Huy	16/Aug/05	60101732	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1733	Nguyễn Đăng	Nguyên	5/Feb/05	60101733	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1734	Đỗ Thiện	Phú	6/May/05	60101734	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1735	Trương Quang	Phước	19/Jul/05	60101735	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1736	Đỗ Lâm	Quân	3/Oct/05	60101736	5.2	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1737	Nguyễn Trần Phương	Anh	30/Jul/05	60101737	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1738	Ngô Hoàng	Đăng	13/May/05	60101738	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1739	Nguyễn Tiến	Đức	6/Nov/05	60101739	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1740	Kim Seol	Hee	17/May/04	60101740	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1741	Đỗ Gia	Hy	31/Jan/05	60101741	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1742	Phạm Huỳnh Khánh	Nhi	5/Jun/05	60101742	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1743	Phạm Nguyễn Đức	Phú	1/Jan/05	60101743	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1744	Nguyễn	Quân	5/May/05	60101744	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1745	Nguyễn Đình Anh	Quân	9/Mar/05	60101745	5.3	5	Vas	Quận 01	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1746	Nguyễn Vương Gia	Khôi	15/Jun/07	60101746	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1747	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	7/Sep/07	60101747	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1748	Trần Thiên	Trí	12/Mar/07	60101748	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1749	Nguyễn Ngọc Yên	Hà	3/Jan/07	60101749	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1750	Trịnh Hoàng	Long	14/Feb/07	60101750	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1751	Nguyễn Kim Thu	Nguyệt	30/Aug/07	60101751	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1752	Vũ Thanh	Vy	1/Sep/07	60101752	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1753	Thái Hồng	Minh	10/Aug/07	60101753	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1754	Vũ Trọng	Nghĩa	1/Sep/07	60101754	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1755	Nguyễn Tùng	Sơn	5/Mar/07	60101755	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1756	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	18/Sep/07	60101756	3.4	3	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1757	Nguyễn Bùi Thảo	Nguyên	5/Sep/06	60101757	4.3	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1758	Trần Châu Hải	My	13/Apr/06	60101758	4.3	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1759	Đào Gia	Vy	17/Mar/06	60101759	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1760	Phạm Nguyễn Phước	Tuệ	16/Dec/06	60101760	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1761	Hồ Hồng	Phúc	4/Sep/06	60101761	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1762	Lê Thanh	Nhã	20/Sep/06	60101762	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1763	Nguyễn Đào Thảo	Linh	14/Apr/06	60101763	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1764	Lê Minh	Anh	13/Apr/06	60101764	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1765	Nguyễn Vy	Vân	17/Nov/06	60101765	4.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1766	Nguyễn Quỳnh	Nhiên	19/Jan/05	60101766	4.5	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1767	Hoàng Xuân	Mai	5/Feb/05	60101767	4.5	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1768	Nguyễn Thị Xuân	Mai	3/Jan/05	60101768	4.5	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1769	Trình Hoàng	Gia	6/Aug/05	60101769	5.4	4	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1770	Lã Tuấn	Việt	5/Oct/05	60101770	5'.5	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1771	Huỳnh Đăng	Khoa	8/May/05	60101771	5.5	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1772	Phạm Gia	Khiêm	1/Dec/05	60101772	5'.5	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1773	Bùi Lê	Sơn	30/Mar/05	60101773	5.5	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1774	Trần Duy	An	1/Aug/05	60101774	5'.6	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1775	Lê Việt	Đức	5/Sep/05	60101775	5'.6	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1776	Lê Vũ Hoàng	Quyên	20/Oct/05	60101776	5.6	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1777	Phan Nguyễn Thanh	Trúc	25/Mar/05	60101777	5'.6	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1778	Thôi Phương	Quyên	29/Jan/05	60101778	5.6	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1779	Võ Hoàng Hoài	Thương	30/Sep/05	60101779	5.6	5	An Khánh	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1780	Trần Minh	Quý	26/Oct/05	60101780	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1781	Nguyễn Allan Minh	Tâm	23/Jul/05	60101781	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1782	Trần Lâm Vũ	Thông	21/Nov/05	60101782	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1783	Phạm Hoài Bảo	Duy	8/Nov/05	60101783	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1784	Nguyễn Quang	Minh	6/Jun/05	60101784	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1785	Nguyễn Trâm	Anh	11/Feb/05	60101785	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1786	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/Jan/05	60101786	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1787	Trần Quốc	Vinh	12/Jun/05	60101787	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1788	Lương Duy	Bảo	2/Mar/05	60101788	5.1	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1789	Nguyễn Hoàng Nhật	Khánh	27/Aug/05	60101789	5.2	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1790	Lê Huy	Tuấn	15/Jun/05	60101790	5.2	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1791	Tăng Nhất	Minh	3/Oct/05	60101791	5.2	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1792	Nguyễn Thùy	Linh	12/Nov/05	60101792	5.2	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1793	Nguyễn Hữu Vĩnh	Lộc	12/Sep/05	60101793	5.2	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1794	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	5/Feb/05	60101794	5.3	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1795	Phạm Hồ Minh	Khoa	26/Nov/05	60101795	5.3	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1796	Nguyễn Lê Hữu	Trí	28/Jul/05	60101796	5.3	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1797	Nguyễn Minh	Trân	2/Jul/06	60101797	4.1	4	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1798	Nguyễn Duy	Bách	24/Dec/06	60101798	4.1	4	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1799	Nguyễn Bội	Cát	28/Nov/06	60101799	4.2	4	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1800	Phạm Trần Khánh	Linh	28/May/06	60101800	4.1	4	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1801	Tô Quỳnh	Trâm	21/Sep/06	60101801	4.1	4	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1802	Liên Minh	Anh	26/Oct/05	60101802	5.4	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1803	Nguyễn Long Thành	Dạt	10/Nov/05	60101803	5.4	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1804	Trần Việt	Tiên	25/Aug/05	60101804	5.4	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1805	Lê Văn	Thái	28/Oct/05	60101805	5.4	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1806	Dặng Nguyễn Anh	Tuấn	3/Mar/05	60101806	5.4	5	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1807	Phan Ngọc	Khoi	6/Oct/05	60101807	3.1	3	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1808	Nguyễn Dylan Minh	Vỹ	4/Jun/07	60101808	3.1	3	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1809	Nguyễn Cát Phúc	Thành	25/Sep/07	60101809	3.1	3	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1810	Nguyễn Ngọc Lê	Vy	5/Feb/07	60101810	3.1	3	An phú	Quận 02	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1811	Nguyễn Minh	Tu	14/Dec/07	60101811	3.1	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1812	Pham Minh	Phương	21/Jul/07	60101812	3.1	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1813	Nguyễn Mai	Phương	16/Sep/07	60101813	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1814	Trần Hồ Yến	Nhi	9/Jun/07	60101814	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1815	Vô Thị Thanh	Thư	23/Jul/07	60101815	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1816	Trịnh Phong	Vân	21/Mar/07	60101816	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1817	Bùi Trần Ngọc	Trâm	16/Aug/07	60101817	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1818	Vũ Đức	Hiếu	2/Apr/07	60101818	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1819	Nguyễn Đỗ Trung	Kiên	23/Oct/07	60101819	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1820	Nguyễn Khổng Tấn	Lộc	9/Oct/07	60101820	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1821	Trần Gia	Phúc	10/Sep/07	60101821	3.2	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1822	Phạm Ngọc Nguyên	Bảo	24/Nov/07	60101822	3.3	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1823	Nguyễn Ngọc	Đức	3/Jun/07	60101823	3.3	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1824	Nguyễn Trung	Kiên	27/Mar/07	60101824	3.3	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1825	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	16/Sep/07	60101825	3.3	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1826	Đỗ Minh	Trí	18/Jan/07	60101826	3.3	3	An phú	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1827	Phan Nguyễn Bảo	Tiên	19/Oct/07	60101827	3.1	3	Giồng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1828	Phạm Bảo	Ngoc	23/Mar/07	60101828	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1829	Đỗ Trâm	Anh	9/Jan/07	60101829	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1830	Bùi Gia	Bảo	19/Mar/07	60101830	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1831	Trần Kelvin	Quang	22/Jan/07	60101831	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1832	Đoàn	Danh	20/Dec/07	60101832	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1833	Vũ Nguyễn Diệu	An	21/Oct/07	60101833	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1834	Nguyễn Sinh	Toàn	5/Feb/07	60101834	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1835	Võ Thành	Đạt	29/Jan/07	60101835	3.1	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1836	Thái Bảo	Hân	14/Apr/07	60101836	3.2	3	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1837	Nguyễn Lâm Trúc	Vy	20/Jan/06	60101837	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1838	Nhâm Ngọc Khánh	Phương	8/Feb/06	60101838	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1839	Trần Hoàng	Hải	18/Mar/06	60101839	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1840	Trần Thanh	Trúc	4/Oct/06	60101840	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1841	Khương	Minh	24/May/06	60101841	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1842	Nguyễn Cao Bảo	Khang	23/Apr/06	60101842	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1843	Nguyễn Nhật Minh	Anh	9/Aug/06	60101843	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1844	Võ Đức Trường	Sơn	29/Jan/06	60101844	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1845	Lê Thị Cẩm	Tú	17/Oct/06	60101845	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1846	Phan Ngọc Nhật	Đan	4/Mar/06	60101846	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1847	Lê Ngọc Minh	Nhật	1/Feb/06	60101847	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1848	Châu Kỳ	Nam	3/Feb/06	60101848	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1849	Phan Nguyễn Nhật	Huy	15/Apr/06	60101849	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1850	Phan Ngọc Bảo	Hân	31/May/06	60101850	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1851	Hà Hồng Anh	Thư	22/Sep/06	60101851	4.1	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1852	Trịnh Ngọc Minh	Thư	4/Mar/06	60101852	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1853	Trương Vũ Quỳnh	Trâm	30/Sep/06	60101853	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1854	Trần Thu	Trà	25/Feb/06	60101854	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1855	Nguyễn Hoàng Diệu	Ngọc	16-7-206	60101855	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1856	Nguyễn Ngọc Bảo	Quyên	29/Jan/06	60101856	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1857	Trần Lê Thủy	Tiên	24/Sep/06	60101857	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1858	Đặng Hương	Giang	30/May/06	60101858	4.2	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1859	Vũ Ngọc Thủy	Tiên	9/Sep/06	60101859	4.3	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1860	Lê Ngọc Minh	Thư	12/Dec/06	60101860	4.3	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1861	Nguyễn Minh	Thắng	2/Jun/06	60101861	4.3	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1862	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	10/Jun/06	60101862	4.3	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1863	Lê Hiền	Anh	5/Oct/06	60101863	4.3	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1864	Mai Trần Cát	Tường	21/Sep/06	60101864	4.8	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1865	Lý Nhã	Kỳ	18/Sep/06	60101865	4.8	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1866	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	15/May/06	60101866	4.11	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1867	Phạm Vũ Khánh	Nguyên	7/Apr/06	60101867	4.8	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1868	Hồ Huỳnh Hồng	Hân	24/Nov/06	60101868	4.11	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1869	Cao Ngọc Phương	Linh	19/Oct/06	60101869	4.9	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1870	Nguyễn Hồ Bảo	Trân	25/Dec/06	60101870	4.11	4	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1871	Phạm Ánh	Dương	10/Jun/05	60101871	5.4	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1872	Phùng Xuân	Trà	7/Apr/05	60101872	5.4	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1873	Trần Thanh	Quân	1/Jul/05	60101873	5.4	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1874	Trần Hùng	Anh	10/Jun/05	60101874	5.4	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1875	Trần Mai	Phương	20/Apr/05	60101875	5.2	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1876	Nguyễn Hồng	Nhung	13/Jan/05	60101876	5.2	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1877	Nguyễn Ngọc Minh	Thùy	11/Apr/05	60101877	5.2	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1878	Nguyễn Xuân	Trang	3/Apr/05	60101878	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1879	Phan Gia	Hân	13/Nov/05	60101879	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1880	Trương Kim	Phụng	12/Aug/05	60101880	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1881	Nguyễn Tiến	Đạt	30/May/05	60101881	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1882	Đào Phương	Nguyên	1/Feb/05	60101882	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1883	Phạm Phúc Phương	Anh	14/Mar/05	60101883	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1884	Vũ Đại	Phát	14/Aug/05	60101884	5.1	5	Giờng Ông Tố	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1885	Trần Ngọc Hải	Nam	11/Oct/05	60101885	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1886	Nguyễn Trần Minh	Quân	6/Dec/05	60101886	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1887	Trần Đức	Trọng	18/Jan/05	60101887	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1888	Nguyễn Đức	Minh	11/Mar/05	60101888	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1889	Trịnh Ngọc Anh	Thư	7/Nov/05	60101889	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1890	Huỳnh Thị Thảo	Tiên	24/Nov/05	60101890	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1891	Phạm Khánh	Vi	6/Mar/05	60101891	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1892	Phan Thảo	Nguyên	27/Jun/05	60101892	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1893	Lê Châu Như	Quỳnh	2/Nov/05	60101893	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1894	Bùi Nguyễn Tuyết	Anh	15/Apr/05	60101894	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1895	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	8/Oct/05	60101895	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1896	Trần Đức	Anh	19/Aug/05	60101896	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1897	Nguyễn Diệu	Anh	21/Aug/05	60101897	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1898	Nguyễn Đức	Huy	22/Apr/05	60101898	5.1	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1899	Trần Nguyễn Linh	Đan	13/Jan/05	60101899	5.2	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1900	Nguyễn Lương Đan	Quỳnh	25/Mar/05	60101900	5.2	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1901	Trần Hà	My	4/Jul/05	60101901	5.2	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1902	Nguyễn Hoàng Việt	Quốc	12/Jan/05	60101902	5.2	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1903	Đỗ Trần Như	Ngọc	27/Aug/05	60101903	5.2	5	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1904	Nguyễn Minh	Tâm		60101904	4.1	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1905	Trần Việt	Anh		60101905	4.1	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1906	Nguyễn Phương	Nam		60101906	4.1	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1907	Nguyễn Nhật	Huy		60101907	4.1	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1908	Nguyễn Mai	Anh		60101908	4.1	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1909	Nguyễn Đức Anh	Khôi		60101909	4.1	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1910	Đàm Thảo	Anh		60101910	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1911	Nguyễn Phương	Anh		60101911	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1912	Nguyễn Phương	Thảo		60101912	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1913	Vũ Việt	Đức		60101913	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1914	Nguyễn Duy	Bình		60101914	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1915	Nguyễn Thế Trung	Kiên		60101915	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1916	Bùi Khánh	Hưng		60101916	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1917	Phạm Đức Thảo	Nhi		60101917	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1918	Đào Lê	Như		60101918	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1919	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc		60101919	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1920	Vũ Hoàng Hải	Bình		60101920	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1921	Trần Thị Bảo	Ngọc		60101921	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1922	Bùi Phương	Uyên		60101922	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1923	Nguyễn Giản Thái	An		60101923	4.2	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1924	Phạm Nguyễn Hoàng	Minh		60101924	4.3	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1925	Tiền Đức	Phong		60101925	4.3	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1926	Võ Đức	Duy		60101926	4.4	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1927	Nguyễn Trà	Giang		60101927	4.4	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1928	Trương Nguyễn Yến	Linh		60101928	4.4	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1929	Phan Nguyễn Duyên	Nhi		60101929	4.4	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1930	Nguyễn Ngọc Phương	Trang		60101930	4.4	4	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1931	Phạm Phú	Hùng		60101931	3.2	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1932	Phạm Hoàng Bảo	Ngọc		60101932	3.2	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1933	Bùi Quang	Trí		60101933	3.2	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1934	Nguyễn Huyền	Vy		60101934	3.2	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1935	Trần Lý Phiên	Y		60101935	3.2	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1936	Lê Thị Như	Ý		60101936	3.2	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1937	Trương Như Ái	Diễm		60101937	3.3	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1938	Nguyễn Ngọc	Khang		60101938	3.3	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1939	Nguyễn Ngọc Phương	Linh		60101939	3.3	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1940	Trần Hà	Vy		60101940	3.3	3	Huỳnh Văn Ngõi	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1941	Nguyễn Cúc	Phương	10/Sep/07	60101941	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1942	Phan Nhật	Sang	25/Jun/07	60101942	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1943	Đỗ	Quyên	4/Nov/07	60101943	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1944	Lê Phạm Phương	Quuỳnh	16/Feb/07	60101944	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1945	Nguyễn Kim	Ngân	25/Mar/07	60101945	3.1	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1946	Lê Tường	Vy	19/May/07	60101946	3.2	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1947	Tô Hoàng Mai	Trinh	23/Sep/07	60101947	3.2	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1948	Trương Lê Thiên	Thanh	8/Mar/07	60101948	3.2	3	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1949	Nguyễn Thithu	Ngân	19/Apr/06	60101949	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1950	Phan Thanh	Trúc	15/Feb/06	60101950	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1951	Ngô Hoàn	Thông	19/May/06	60101951	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1952	Nguyễn Trần Văn	Hiếu	12/Aug/05	60101952	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1953	Trần Bảo	Anh	17/Jun/07	60101953	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1954	Nguyễn Ái Nhật	Anh	29/Jun/07	60101954	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1955	Trần Huy	Bảo	19/Feb/07	60101955	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1956	Nguyễn Viết Hải	Bình	21/Feb/07	60101956	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1957	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	16/May/15	60101957	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1958	Chu Ngọc	Diệp	17/Sep/15	60101958	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1959	Phùng Thị Ngọc	Diệp	2/Jun/07	60101959	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1960	Trần Gia	Hân	2/Nov/07	60101960	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1961	Nguyễn Phúc	Hiển	3/Sep/07	60101961	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1962	Vũ Ngọc	Khánh	11/Dec/07	60101962	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1963	Chu Thị Phương	Linh	12/Oct/07	60101963	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1964	Dương Phương	Linh	28/Apr/07	60101964	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1965	Thái Hòa Phương	Linh	23/Sep/07	60101965	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1966	Bùi Bình	Minh	26/Jun/07	60101966	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1967	Trần Phương	Minh	17/Nov/07	60101967	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1968	Lê Phương	Nghi	8/Oct/07	60101968	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1969	Phạm Lê Hồng	Ngọc	8/Nov/07	60101969	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1970	Nguyễn Đỗ Song	Trà	15/Apr/07	60101970	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1971	Nguyễn Hữu	Trọng	27/Jan/07	60101971	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1972	Nguyễn Bảo	Vy	8/Nov/07	60101972	3.2	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1973	Nguyễn Huỳnh Thủy	Tiên	14/Dec/07	60101973	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1974	Võ Thị Hồng	Bích	15/May/07	60101974	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1975	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	24/Aug/07	60101975	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1976	Phạm Nguyễn Nam	Phương	16/Mar/07	60101976	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1977	Chung Bảo	Cường	8/May/07	60101977	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1978	Đào Nhật	Anh	2/Feb/07	60101978	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1979	Đào Nguyễn Ngọc	Chi	29/Apr/07	60101979	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1980	Bùi Thị Hồng	Nhung	6/Feb/07	60101980	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1981	Trần Như	Quỳnh	20/Oct/07	60101981	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1982	Bùi Quốc Trường	Sơn	11/Jun/07	60101982	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1983	Nguyễn Phước Quý	Thuận	12/Oct/07	60101983	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1984	Nguyễn Tấn	Lộc	27/Jun/07	60101984	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1985	Lê Đức	Thịnh	6/Nov/07	60101985	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1986	Nguyễn Thùy	Như	23/Oct/07	60101986	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1987	Lâm Ngọc Thùy	Dương	7/Mar/07	60101987	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1988	Trần Đỗ Khánh	Vân	30/Jan/07	60101988	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1989	Nguyễn Hoàng	Khuê	17/Jun/07	60101989	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1990	Nguyễn Phương Ánh	Minh	2/Oct/07	60101990	3.3	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1991	Lương Quỳnh	Anh	14/Nov/07	60101991	3.4	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1992	Lê Văn Quốc	Linh	4/Jan/07	60101992	3.4	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1993	Lê Hồng	Ngọc	11/Feb/07	60101993	3.4	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1994	Nguyễn Kim Đăng	Tuấn	3/Jun/07	60101994	3.4	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1995	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	18/Nov/07	60101995	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1996	Lê Công Quang	Sáng	18/Feb/07	60101996	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1997	Tô Nhật	Phát	25/Aug/07	60101997	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1998	Trần Việt	Đăng	8/Jul/07	60101998	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
1999	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	17/Jul/07	60101999	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2000	Võ Thanh	Ngân	24/Nov/07	60102000	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2001	Diệp Phước Gia	Phát	4/Feb/07	60102001	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2002	Lê Phương	Anh	5/Nov/07	60102002	3.5	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2003	Lê Quỳnh	Anh	13/Jan/07	60102003	3.6	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2004	Võ Thị Thanh	Thúy	8/May/07	60102004	3.6	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2005	Trần Gia	Huy	2/Oct/07	60102005	3.7	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2006	Trần Thị Diệu	Thúy	2/Jul/07	60102006	3.7	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2007	Đỗ Đức	Việt	7/May/07	60102007	3.7	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2008	Nguyễn Thanh	Lâm	18/Dec/07	60102008	3.8	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2009	Trương Huỳnh An	An	24/Apr/07	60102009	3.9	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2010	Trần Hiền	Anh	30/May/07	60102010	3.9	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2011	Phan Phương	Linh	19/May/07	60102011	3.9	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2012	Nguyễn Giang Ngọc	Ngân	21/Apr/06	60102012	4.1	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2013	Mai Trần Minh	Châu	27/Jul/06	60102013	4.1	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2014	Mai Xuân	Trường	21/May/06	60102014	4.1	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2015	Hoàng Vi	Anh	9/Mar/06	60102015	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2016	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/Jan/06	60102016	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2017	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/Apr/06	60102017	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2018	Đoàn Hà	Phương	3/Apr/06	60102018	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2019	Hoàng Nữ Anh	Khê	5/Apr/06	60102019	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2020	Trần Hải	Phong	4/Jan/06	60102020	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2021	Phạm Đặng Thiên	Minh	15/Mar/06	60102021	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2022	Nguyễn Việt	Huy	12/Dec/06	60102022	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2023	Trần Dương Quốc	Anh	14/May/06	60102023	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2024	Nguyễn Hoàng	Ân	20/Jul/06	60102024	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2025	Nguyễn Ngọc Lâm	Hoàng	31/Aug/06	60102025	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2026	Bùi Ngọc	Oanh	13/Nov/06	60102026	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2027	Trần Ngọc Khánh	Linh	12/Dec/06	60102027	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2028	Lê Thị Thanh	Vân	11/Dec/06	60102028	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2029	Hoàng Châu	Anh	17/Nov/06	60102029	4.2	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2030	Phan Kim	Ngân	24/May/06	60102030	4.3	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2031	Trần Đình	Đình	10/Jun/06	60102031	4.3	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2032	Lâm Tuệ	Ngọc	29/Dec/06	60102032	4.3	4	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2033	Thân Vũ Minh	Tâm	15/Aug/05	60102033	5.2	5	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2034	Võ Thu	Hiền	24/Aug/05	60102034	5.2	5	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2035	Nguyễn Minh	Anh	26/Jul/05	60102035	5.2	5	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2036	Nguyễn Phan Hoàng	Vy	1-Mar-07	60102036	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2037	Trần Thiên	Trí	29-Jun-07	60102037	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2038	Nguyễn Tường	Vân	10-Apr-07	60102038	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2039	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	20-Nov-07	60102039	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2040	Trần Từ Nhật	Đan	18-Dec-07	60102040	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2041	Đặng Lý Kim	Ngân	21-Jan-07	60102041	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2042	Đào Mai	Phương	31-Dec-07	60102042	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2043	Nguyễn Lưu	Khuê	20-May-07	60102043	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2044	Lê Trung	Nghĩa	7-Oct-07	60102044	3.1	3	Nguyễn Hiền	Quận 02	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2045	Lê Mỹ	Trân	28/Apr/07	60102045	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2046	Phạm Hoàng Minh	Anh	29/Mar/07	60102046	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2047	Đào Thu	Hà	28/Mar/07	60102047	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2048	Huỳnh Nguyễn Phương	Giao	29/Apr/07	60102048	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2049	Lê Thị Hương	Mai	18/Jan/07	60102049	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2050	Trần Thụy Thu	Minh	26/Mar/07	60102050	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2051	Đinh Lê	Quân	17/Sep/07	60102051	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2052	Phạm Phương	Hạnh	18/Apr/07	60102052	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2053	Hoàng Hải	Anh	27/Dec/07	60102053	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2054	Nguyễn Khải	Toàn	2/Jun/07	60102054	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2055	Trần Nguyễn Minh	Hải	13/Dec/07	60102055	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2056	Lê Nguyễn Thành	Trung	28/Jan/07	60102056	3.1	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2057	Đỗ Hải	Đăng	18/Oct/07	60102057	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2058	Lê Ngọc Kim	Thịnh	6/Jun/07	60102058	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2059	Kiều Gia	Hân	26/May/07	60102059	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2060	Nguyễn Lê Khánh	Linh	10/Apr/07	60102060	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2061	Nguyễn Hoàng Khang	Vy	15/Jun/07	60102061	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2062	Đình Quốc	An	15/May/07	60102062	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2063	Hoàng Hồng	Phúc	28/Mar/07	60102063	3.2	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2064	Đặng Anh	Dũng	27/Dec/07	60102064	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2065	Nguyễn Diệp	Anh	22/Jun/07	60102065	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2066	Lê Vũ	Huy	27/Jan/07	60102066	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2067	Phạm Khánh	Hưng	24/Aug/07	60102067	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2068	Nguyễn Anh	Minh	26/Jul/07	60102068	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2069	Nguyễn Phước Nhật	Minh	4/Jan/07	60102069	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2070	Trần Anh Bảo	Ngọc	21/May/07	60102070	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2071	Ngô Bảo	Nguyên	4/Mar/07	60102071	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2072	Nguyễn Anh	Thư	16/Aug/07	60102072	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2073	Nguyễn Hồng Bảo	Trần	9/Nov/07	60102073	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2074	Trần Đặng Minh	Trí	16/Dec/07	60102074	3.3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2075	Phùng Thị Hải	Anh	5/Apr/07	60102075	3.4	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2076	Lê Duy	Bảo	29/Aug/07	60102076	3.4	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2077	Trần Minh	Ngân	31/Jan/07	60102077	3.4	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2078	Phan Lê Quỳnh	Như	25/Jun/07	60102078	3.4	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2079	Trần Lê	Xuân	17/Jun/07	60102079	3.4	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2080	Lê Huỳnh	Nhi	9/Feb/06	60102080	4.1	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2081	Lữ Đồng Đức	Huy	11/Oct/06	60102081	4.1	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2082	Nguyễn Nhật	Tùng	21/Dec/06	60102082	4.1	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2083	Nguyễn Gia	Huy	16/Mar/06	60102083	4.2	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2084	Nguyễn Hoàng	Duy	13/Jan/06	60102084	4.2	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2085	Lê Viết	Khoa	31/Jan/06	60102085	4.2	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2086	Phạm Thị Mai	Trúc	19/Sep/06	60102086	4.2	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2087	Đoàn Thu	Uyên	6/Nov/06	60102087	4.2	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2088	Nguyễn Chu Kiều	Hạnh	14/Jun/06	60102088	4.3	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2089	Nguyễn Phúc Gia	Nghi	11/May/06	60102089	4.3	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2090	Nguyễn Thành	Chiến	2/Oct/05	60102090	5.1	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2091	Kiều Thanh	Trúc	26/May/05	60102091	5.1	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2092	Nguyễn Minh	Phúc	3/Jan/04	60102092	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2093	Trần	Phát	28/Mar/04	60102093	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2094	Nguyễn Hoàng	Quân	29/Mar/04	60102094	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2095	Nguyễn Thảo Gia	Hân	6/Dec/04	60102095	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2096	Nguyễn Thúc Ý	Nhi	26/Sep/07	60102096	3.2	3	Thanh Mỹ Lợi	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2097	Huỳnh Trần Quốc	Hưng	27/Jan/07	60102097	3.2	3	Thanh Mỹ Lợi	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2098	Nguyễn Bùi Quang	Thái	09-01-2006	60102098	4.1	4	Thanh Mỹ Lợi	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2099	Nguyễn Bùi Minh	Thông	09-01-2006	60102099	4.1	4	Thanh Mỹ Lợi	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2100	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	26/Jun/06	60102100	4.3	4	Thanh Mỹ Lợi	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2101	Từ	An	21/Jul/07	60102101	3P	3	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2102	Đoàn Phương	Anh	12/Apr/06	60102102	4P	4	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2103	Nguyễn Trần Khánh	Linh	11/May/06	60102103	4P	4	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2104	Nguyễn Xuân Trà	My	1/Feb/06	60102104	4P	4	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2105	Vũ Hà Bảo	Ngân	11/Oct/07	60102105	3P	3	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2106	Trần Nguyễn Ngọc	Nhi	29/Jul/05	60102106	5P	5	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2107	Hoàng Ngọc Tâm	Như	28/Nov/06	60102107	4P	4	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2108	Lê Trung Vỹ	Khánh	29/Jun/07	60102108	3P	3	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2109	Trần Hiệp	Thành	21/Nov/06	60102109	4P	4	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2110	Nguyễn Mai	Trí	7/Jan/06	60102110	4P	4	Pathway International School	Quận 02	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2111	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	5/Oct/07	60102111	3.1	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2112	Phan Tuấn	Chí	22/Feb/07	60102112	3.1	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2113	Đào Thanh	Mai	27/Jun/07	60102113	3.1	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2114	Phạm Sỹ	Nguyên	9/Apr/07	60102114	3.1	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2115	Huỳnh Minh	Trí	18/Mar/07	60102115	3.1	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2116	Trần Thiên	Trường	15-Apr-07	60102116	3.1	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2117	Phạm Lê Thanh	An	28-May-07	60102117	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2118	Ngô Thụy An	An	5-Feb-07	60102118	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2119	Nguyễn Lê Phương	Anh	28-Mar-07	60102119	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2120	Huỳnh Gia	Bảo	11-Sep-07	60102120	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2121	Đỗ Hoàng Duy	Khang	4-Oct-07	60102121	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2122	Nguyễn Lâm Thục	Nghi		60102122	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2123	Đặng Đông Phước	Quý	17-Jun-07	60102123	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2124	Phan Nhật Bảo	Trần	12-Jan-07	60102124	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2125	Trần Lê Thúy	Vy	28-Jul-07	60102125	3.2	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2126	Hứa Bảo	Châu	2-Jul-07	60102126	3.3	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2127	Hoàng Nguyễn Gia	Hân	20-Aug-07	60102127	3.3	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2128	Võ Đào Đức	Phát	24-May-07	60102128	3.3	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2129	Nguyễn Tấn	Phát	25-Oct-07	60102129	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2130	Nguyễn Hữu	Tài	4-Nov-07	60102130	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2131	Nguyễn Ngọc Vân	Nhi	28-Nov-07	60102131	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2132	Nguyễn Trần Thanh	Ngọc	8-Mar-07	60102132	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2133	Vũ Phương	Thảo	5-Dec-07	60102133	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2134	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	14-Jul-07	60102134	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2135	Nguyễn Võ Minh	Phúc	16-Apr-07	60102135	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2136	Phan Ngọc Diễm	Phương	13-Nov-07	60102136	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2137	Nguyễn Minh	Hiếu	15-Jun-07	60102137	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2138	Dương Gia	Huy	3-Apr-07	60102138	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2139	Nguyễn Anh	Khôi	31-Jan-07	60102139	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2140	Hoàng Đoàn Bảo	Trâm	3-Apr-07	60102140	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2141	Trần Bá Minh	Huy	24-May-07	60102141	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2142	Nguyễn Khánh	Duy	23-Jan-07	60102142	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2143	Huỳnh Lê Gia	Hân	13-Mar-07	60102143	3.4	3	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2144	Lê Minh	Hiếu	28-Apr-06	60102144	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2145	Tôn Anh	Kha	8-Dec-06	60102145	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2146	Nguyễn Thành	Long	2-Dec-06	60102146	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2147	Trương Thanh	Quang	20-Apr-06	60102147	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2148	Nguyễn Bùi Phương	Quỳnh	13-Nov-06	60102148	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2149	Đỗ Khánh	Vi	21-Nov-06	60102149	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2150	Đỗ Nhất	Vinh	23-Jul-06	60102150	4.1	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2151	Nguyễn Huỳnh Minh	Khôi	14-Mar-06	60102151	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2152	Đặng Bảo Lam	Linh	30-Sep-06	60102152	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2153	Nguyễn Lê Bảo	Nguyên	26-Oct-06	60102153	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2154	Nguyễn Hoàng Khôi	Nguyên	20-Jan-06	60102154	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2155	Võ Tâm	Phúc	20-Oct-06	60102155	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2156	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	13-Mar-06	60102156	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2157	Nguyễn Đức	Trí	27-Feb-06	60102157	4.2	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2158	Phạm Nguyễn Thảo	Anh	7-Oct-06	60102158	4.3	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2159	Nguyễn Trọng Tùng	Duy	14-May-06	60102159	4.3	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2160	Lương Anh	Huy	17-Sep-06	60102160	4.3	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2161	Trương Nguyễn Khánh	Quỳnh	24-Aug-06	60102161	4.3	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2162	Mai Nguyễn Minh	Triết	4-Dec-06	60102162	4.3	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2163	Nguyễn Thiện	Nhân	14-Jan-06	60102163	4.4	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2164	Nguyễn Lê	An	12-Dec-06	60102164	4.5	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2165	Trần Ngọc Quỳnh	Phương	24-Aug-06	60102165	4.5	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2166	Võ Cao	Trí	28-Apr-06	60102166	4.6	4	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2167	Trần Mai Gia	Huy	18-Feb-05	60102167	5.1	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2168	Nguyễn Hồng	Đức	22-Aug-05	60102168	5.1	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2169	Trần Đông	Dương	26-Dec-05	60102169	5.1	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2170	Nguyễn Hoàng Thanh	Phong	16-Jun-05	60102170	5.1	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2171	Nguyễn Duy	Khánh	2-Sep-05	60102171	5.1	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2172	Đinh Trần Minh	Khang	30-Jul-05	60102172	5.1	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2173	Tạ	Tina	20-Nov-05	60102173	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2174	Trần Thiên	Phúc	6-Sep-05	60102174	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2175	Nguyễn Nhật	Minh	23-Nov-05	60102175	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2176	Nguyễn Quang	Minh	18-May-05	60102176	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2177	Lê Trần Thành	Tài	26-Dec-05	60102177	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2178	Nguyễn Khánh	Quân	12-Jul-05	60102178	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2179	Nguyễn Trần Thanh	Phong	12-Apr-05	60102179	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2180	Nguyễn Bạch Trà	My	12-Jul-05	60102180	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2181	Huỳnh Như	Ngọc	22-Jun-05	60102181	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2182	Võ Hoàng Thanh	Ngọc	28-Dec-05	60102182	5.2	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2183	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	7-Feb-05	60102183	5.4	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2184	Vũ Đăng Minh	Đạt	17-Nov-05	60102184	5.5	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2185	Hồ Quang	Triết	27-Feb-05	60102185	5.5	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2186	Trần Nguyễn Bảo	Hân	11-Jul-05	60102186	5.6	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2187	Võ Quốc	Khánh	9-Jan-05	60102187	5.6	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2188	Nguyễn Hồ Nhã	Hân	13-Feb-05	60102188	5.6	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2189	Lê Nguyễn Trường	Giang	30-Jul-05	60102189	5.6	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2190	Nguyễn Lập	Phước	6-Jul-05	60102190	5.6	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2191	Vũ Chu Thanh	Hiền	11-May-05	60102191	5.6	5	Cao Bá Quát	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2192	Nguyễn Việt	Thắng	8/Oct/07	60102192	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2193	Trần Thục	Như	7/May/07	60102193	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2194	Trần Phạm Quốc	Nam	24/Mar/07	60102194	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2195	Lưu Thanh	Khang	9/Dec/07	60102195	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2196	Trần Mai	Khôi	10/Jul/07	60102196	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2197	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	5/Apr/07	60102197	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2198	La Xuân	Thịnh	5/Oct/07	60102198	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2199	Đỗ Trung	Dũng	3/Apr/07	60102199	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2200	Phạm Châu Uyên	Nhi	22/Jul/07	60102200	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2201	Vinh Huyền Uyên	Thư	22/Jul/07	60102201	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2202	Nguyễn Ngọc Ánh	Xuân	3/Feb/07	60102202	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2203	Nguyễn Quang	Minh	22/Sep/07	60102203	3.1	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2204	Phạm Hữu	Khánh	4/Nov/07	60102204	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2205	Phạm Huỳnh Tuấn	Vỹ	3/Mar/07	60102205	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2206	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	11/Apr/07	60102206	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2207	Võ Nguyễn Gia	Phúc	12/Oct/07	60102207	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2208	Nguyễn Vũ Minh	Tâm	12/Sep/07	60102208	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2209	Phạm Gia	Hy	29/Sep/07	60102209	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2210	Đinh Huỳnh Hải	Đăng	31/Aug/07	60102210	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2211	Hà Ngọc	Phương	2/Apr/07	60102211	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2212	Hồ Thị Mỹ	Xuân	23/Jan/07	60102212	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2213	Lê Huỳnh Bảo	Uyên	1/Oct/07	60102213	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2214	Lê Đức	Trung	9/Feb/07	60102214	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2215	Hoàng Nguyên	Khang	14/Jan/07	60102215	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2216	Lê Anh	Khôi	30/Nov/07	60102216	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2217	Hoàng Nguyễn Bảo	Phúc	11/Jul/07	60102217	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2218	Huỳnh Vũ Đoan	Trang	15/Dec/07	60102218	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2219	Nguyễn Thị Thu	Vân	18/Apr/07	60102219	3.2	3	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2220	Cái Ngọc Hoàng	Duy	23/Sep/06	60102220	4.1	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2221	Nguyễn Ngọc	Duyên	30/Jan/06	60102221	4.1	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2222	Nguyễn Anh Nguyên	Hoàng	29/Apr/06	60102222	4.1	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2223	Phạm Gia	Khang	18/Mar/06	60102223	4.1	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2224	Trình Nguyễn Thiên	Hân\	17/Feb/06	60102224	4.1	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2225	Bùi Vũ Như	Xuân	1/Mar/06	60102225	4.1	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2226	Tống Khải	Minh	29/Sep/06	60102226	4.2	4	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2227	Nguyễn Đình	Chiến	17/Oct/05	60102227	5.2	5	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2228	Phạm Trịnh Gia	Bảo	19/Mar/05	60102228	5.2	5	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2229	Nguyễn Ngọc Thùy	Trân	22/Oct/05	60102229	5.2	5	Cổ Loa	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2230	Đoàn Vũ Mạnh	Hưng	25/Oct/07	60102230	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2231	Trần Đại Việt	Hưng	26/Jul/07	60102231	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2232	Đỗ Khánh	Vân	8/Jan/07	60102232	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2233	Phạm Hùng	Phong	27/Aug/07	60102233	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2234	Phạm Nguyên	Kha	18/Apr/07	60102234	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2235	Quân Minh Di	Nhiên	16/Nov/07	60102235	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2236	Đỗ Vũ Nhã	Uyên	26/Mar/07	60102236	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2237	Trần Ngọc Quỳnh	Chi	16/Nov/07	60102237	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2238	Vũ Khánh	Hà	17/May/07	60102238	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2239	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	25/Nov/07	60102239	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2240	Phan Ngọc Tường	Vân	11/Feb/07	60102240	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2241	Nguyễn Minh	Huy	9/Jan/07	60102241	3.1	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2242	Đào Gia	Khang	27/Apr/07	60102242	3.2	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2243	Phạm Lê Khánh	Linh	19/Jan/07	60102243	3.2	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2244	Nguyễn Ngọc Bảo	Long	15/Feb/07	60102244	3.2	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2245	Phạm Gia	Anh	11/May/07	60102245	3.2	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2246	Nguyễn Minh	Tuân	2/Jul/07	60102246	3.3	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2247	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	4/Nov/07	60102247	3.3	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2248	Nguyễn Lê Bảo	My	3/May/07	60102248	3.3	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2249	Cao Khôi	Nguyên	16/May/07	60102249	3.3	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2250	Ngô Khánh	Đoan	3/May/07	60102250	3.3	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2251	Thái Văn Quốc	Bảo	7/Aug/07	60102251	3.4	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2252	Nguyễn Hiếu Anh	Khoa	1/Nov/07	60102252	3.4	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2253	Trương Đình Nhật	Quang	29/Nov/07	60102253	3.4	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2254	Lê Đình	Bảo		60102254	3.7	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2255	Lê Phương	Bình		60102255	3.7	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2256	Đặng Nguyễn Hoàng	Kim		60102256	3.7	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2257	Mạc Tố	Lâm		60102257	3.7	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2258	Nguyễn Nhật	Minh		60102258	3.7	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2259	Tạ Kim	Ngân		60102259	3.7	3	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2260	Nguyễn Lê Khánh	Châu	14/Dec/06	60102260	4.1	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2261	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	29/Apr/06	60102261	4.1	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2262	Ngô Tiến	Huy	12/Aug/06	60102262	4.1	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2263	Trần Ngọc Gia	Nghi	16/Sep/06	60102263	4.1	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2264	Nguyễn Hữu Gia	Hân	29/Mar/06	60102264	4.2	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2265	Châu Phương Ngọc	Thảo	12/Nov/06	60102265	4.2	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2266	Hồ Nguyễn Quốc	Đạt	23/Mar/06	60102266	4.2	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2267	Ngô Hoàng Nam	Phương	20/Jun/06	60102267	4.2	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2268	Dương Hoàng	Khang	1/Feb/06	60102268	4.2	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2269	Lâm Hoàng	Châu	10/Oct/06	60102269	4.3	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2270	Châu Thành	Nhân	15/May/06	60102270	4.3	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2271	Võ Nguyễn Yến	My	19/Oct/06	60102271	4.3	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2272	Phạm Lê Xuân	Quang	6/Jan/06	60102272	4.3	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2273	Lê Thùy	Vân	1/Dec/06	60102273	4.3	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2274	Lê Duy	Hưng	1/Jan/05	60102274	4.4	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2275	Tôn Nữ Hoàng	Châu	30/May/06	60102275	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2276	Trần Quốc	Duy	18/Jan/06	60102276	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2277	Trịnh Nhật	Đức	6/May/06	60102277	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2278	Nguyễn Ngọc Đông	Huy	5/Feb/06	60102278	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2279	Trần Thị Thảo	My	30/Mar/06	60102279	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2280	Lê Trần Hải	Ninh	22/Mar/06	60102280	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2281	Nguyễn Phúc Nhi	Quỳnh	8/Nov/06	60102281	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2282	Lê Hoàng Công	Thịnh	3/May/06	60102282	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2283	Huỳnh Võ Thanh	Trúc	31/Jul/06	60102283	4.5	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2284	Vũ Thụy Linh	An	24/Jul/06	60102284	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2285	Phùng Bùi Ngọc	Anh	5/Dec/06	60102285	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2286	Trần Nguyễn Vân	Anh	21/Jul/06	60102286	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2287	Ngô Trí	Đức	15/Dec/06	60102287	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2288	Trần Minh	Hiếu	6/Nov/06	60102288	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2289	Huỳnh Anh	Huy	11/Sep/06	60102289	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2290	Lương Phạm Hồng	Ngọc	19/Mar/06	60102290	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2291	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	1/Jan/06	60102291	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2292	Nguyễn Bá Bảo	Quyên	15/Apr/06	60102292	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2293	Ngô Yên	Thy	2/Oct/06	60102293	4.6	4	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2294	Nguyễn Tiến	Phúc	19/Oct/05	60102294	5.5	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2295	Trần Nguyễn Bảo	Trân	30/Jun/05	60102295	5.1	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2296	Nguyễn Quang	Tiến	25/Sep/05	60102296	5.1	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2297	Trần Yên	Lam	19/Aug/05	60102297	5.1	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2298	Võ Lê Khánh	Linh	9/May/05	60102298	5.1	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2299	Phạm Ngọc Phương	Trinh	7/Aug/05	60102299	5.1	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2300	Phạm Nguyễn Nghi	Dung	3/Nov/05	60102300	5.2	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2301	Ngô Nguyễn Tường	Vy	27/May/05	60102301	5.2	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2302	Đoàn Khánh	Quỳnh	19/Oct/05	60102302	5.2	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2303	Kim Ngọc Nam	Phương	12/Jun/05	60102303	5.3	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2304	Lưu Bảo	Ngọc	3/Mar/05	60102304	5.4	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2305	Hoàng Dương Quỳnh	Anh	6/Apr/05	60102305	5.4	5	Đặng Văn Ngữ	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2306	Nguyễn Đan	Thanh	6-Dec-07	60102306	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2307	Nguyễn Phương	Linh	25-Apr-07	60102307	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2308	Nguyễn Dương Bảo	Thy	17-May-07	60102308	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2309	Trần Linh	Phong	21-Apr-07	60102309	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2310	Nguyễn Trần Trúc	Linh	1-Nov-07	60102310	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2311	Hoàng Bảo	Nhi	24-Jul-07	60102311	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2312	Trần Nguyên	Phương	24-May-07	60102312	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2313	Nguyễn Việt Thanh	Quang	20-Jun-07	60102313	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2314	Nguyễn Huỳnh Nhật	Thư	22-Apr-07	60102314	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2315	Nguyễn Tường	Anh	14-Dec-07	60102315	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2316	La Hoàng Gia	Khiêm	22-Aug-07	60102316	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2317	Lê Ngọc	Hạnh	4-Dec-07	60102317	3.1	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2318	Nguyễn Khánh	Linh	22-Apr-07	60102318	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2319	Đông Bảo	Trần	11-Oct-07	60102319	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2320	Đỗ Lê Nhật	Tâm	5-Jul-07	60102320	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2321	Vũ Hoàng	Đăng	6-Mar-07	60102321	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2322	Nguyễn Phúc Cát	Tường	22-Mar-07	60102322	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2323	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	26-Jan-07	60102323	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2324	Tôn Nữ Hoàng Gia	Linh	26-Apr-07	60102324	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2325	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	7-Mar-07	60102325	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2326	Trần Thiên	Đức	31-May-07	60102326	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2327	Lưu Minh	Thùy	31-Dec-07	60102327	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2328	Nguyễn Lê Minh	Quang	15-Jan-07	60102328	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2329	Trần Quang	Vinh	4-Apr-07	60102329	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2330	Lữ Nguyên Minh	Phú	28-Jul-07	60102330	3.2	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2331	Trịnh Thúy	Hằng	30-Mar-07	60102331	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2332	Lương Minh	Dũng	14-Sep-07	60102332	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2333	Nguyễn Hoàng	Hải	8-Jan-07	60102333	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2334	Trương Đoàn Khánh	Ngân	30-Oct-07	60102334	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2335	Nguyễn Trọng	Khoa	12-Oct-07	60102335	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2336	Đặng Hoàng	Bách	9-Feb-07	60102336	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2337	Tưởng Minh	Trí	15-Nov-07	60102337	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2338	Nguyễn Cao Hoàng	Yến	31-Aug-07	60102338	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2339	Phạm Quang Khánh	Duy	7-Dec-07	60102339	3.3	3	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2340	Lê Bảo Ngọc	Trần	2-May-06	60102340	4.1	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2341	Bùi Thụy Quỳnh	Hương	15-Sep-06	60102341	4.2	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2342	Võ Thị Lan	Anh	28-Nov-06	60102342	4.2	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2343	Lê Đình	Kiệt	9-Feb-06	60102343	4.2	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2344	Nguyễn Gia	Khánh	6-Apr-06	60102344	4.3	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2345	Đặng	Khương	7-Oct-06	60102345	4.3	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2346	Nguyễn Anh	Khoa	18-May-06	60102346	4.3	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2347	Nguyễn Trần Như	Phúc	30-Apr-06	60102347	4.3	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2348	Nguyễn Quỳnh	Trâm	5-Mar-06	60102348	4.3	4	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2349	Mai Đức	Huy	8-Aug-05	60102349	5.1	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2350	Trần Huỳnh Gia	Khiêm	27-Jan-05	60102350	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2351	Phạm Thành	Nhân	8-Oct-05	60102351	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2352	Trương Huỳnh Thục	Nhiên	25-May-05	60102352	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2353	Lê Nguyễn Phúc	Huy	9-Jan-05	60102353	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2354	Trần Công	Vinh	4-Jan-05	60102354	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2355	Quách Cao Minh	Anh	27-Sep-05	60102355	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2356	Trần Gia	Huy	27/Mar/05	60102356	5.2	5	Đông Ba	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2357	Lê Hoàng Thy	Kha	1/Jan/07	60102357	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2358	Lê Trần Thùy	An	21/Jun/07	60102358	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2359	Ngô Huy	Khánh	9/Oct/07	60102359	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2360	Nguyễn Nhật	Huy	6/Jan/07	60102360	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2361	Lê Trương Hồng Bảo	Khanh	17/Sep/07	60102361	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2362	Lê Minh	Hiếu	8/Sep/07	60102362	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2363	Phan Nguyễn Anh	Tuấn	15/May/07	60102363	3.1	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2364	Dương Hà	Linh	18/Feb/07	60102364	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2365	Nguyễn Nam	Nhân	6/Dec/07	60102365	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2366	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	6/Feb/07	60102366	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2367	Nguyễn Phương	Bình	15/May/07	60102367	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2368	Nguyễn Trọng Thái	Sơn	3/Jan/07	60102368	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2369	Đào Hoàng	Long	27/Mar/07	60102369	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2370	Nguyễn Hồng Thiên	Lam	17/Aug/07	60102370	3.2	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2371	Lê Hoàng	Dũng	18/Jul/07	60102371	3.3	3	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2372	Trần Lâm Minh	Thư	4-May-06	60102372	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2373	Phạm Thùy	Dương	23-Mar-06	60102373	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2374	Chung Chấn	Phong	24-Jan-06	60102374	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2375	Nguyễn Dương Đức	Thịnh	16-Jan-06	60102375	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2376	Cao Chánh Cường	Đạt	22-Feb-06	60102376	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2377	Nguyễn Song Thảo	Hương	8-Jan-06	60102377	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2378	Đặng Quang	Hiển	28-Sep-06	60102378	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2379	Bùi Phương	Nam	30-May-06	60102379	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2380	Ngô Thụy Ngọc	Anh	17-Apr-06	60102380	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2381	Huỳnh Trần Xuân	Nguyên	13-Aug-06	60102381	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2382	Nguyễn Khánh	Linh	20-Nov-06	60102382	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2383	Thân Ngọc Anh	Thư	19-Aug-06	60102383	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2384	Lê Anh	Tuấn	10-Sep-06	60102384	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2385	Lê Thanh Quý	Tài	14-Apr-06	60102385	4.1	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2386	Nguyễn Lê Phương	Anh	14/Jan/06	60102386	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2387	Nguyễn Quang	Duy	16/May/06	60102387	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2388	Ngô Khải	Kiệt	16/Feb/06	60102388	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2389	Võ Hoàng	Khôi	17/May/06	60102389	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2390	Trần Thư	Kỳ	28/Sep/06	60102390	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2391	Nguyễn Tống Mỹ	Linh	25/Dec/06	60102391	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2392	Đặng Như Bình	Minh	10/May/06	60102392	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2393	Trần Mỹ	Nhi	4/Jul/06	60102393	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2394	Mai Trần Hồng	Phúc	9/Jun/06	60102394	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2395	Huỳnh Phú	Thành	15/Oct/06	60102395	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2396	Lê Hồ Minh	Trí	3/Jun/06	60102396	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2397	Trần Phương	Uyên	20/Oct/06	60102397	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2398	Lê Hoàng	Vy	20/Oct/06	60102398	4.2	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2399	Lục Gia Nghi	Anh	15/Apr/06	60102399	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2400	Vũ Nguyễn Tùng	Chi	22/Dec/06	60102400	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2401	Ngô Tấn	Danh	22/May/06	60102401	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2402	Nguyễn Trần Phương	Giao	10/Sep/06	60102402	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2403	Phạm Thanh	Hoàng	7/Apr/06	60102403	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2404	Vũ Nguyễn Thanh	Mai	22/Dec/06	60102404	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2405	Phạm Trần Nhật	Minh	23/Dec/06	60102405	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2406	Huỳnh Thành	Tài	6/Jun/06	60102406	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2407	Trịnh Mỹ	Thanh	8/Nov/06	60102407	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2408	Nguyễn Trần Bá	Trọng	4/Mar/06	60102408	4.3	4	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2409	Nguyễn Phúc Thiên	Di	23/Oct/05	60102409	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2410	Lê Nguyễn Linh	Anh	24/Sep/05	60102410	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2411	Nguyễn Đức	Khang	22/Dec/05	60102411	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2412	Lê Hoàng Minh	Nhi	28/Feb/05	60102412	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2413	Nguyễn Gia	Hy	14/Jun/05	60102413	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2414	Hoàng Đỗ Cát	Tường	27/Oct/05	60102414	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2415	Bùi Hoàng Yến	Nhi	10/Feb/05	60102415	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2416	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	7/Dec/05	60102416	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2417	Thái Minh	Phương	21/Jul/05	60102417	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2418	Nguyễn Đình	An	15/Mar/05	60102418	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2419	Phạm Thiên	Thái	6/Sep/05	60102419	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2420	Nguyễn Cao	Nguyên	5/Nov/05	60102420	5.1	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2421	Nguyễn Khoa Như	Nguyện	4/Aug/05	60102421	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2422	Phạm Minh	Khoa	5/Dec/05	60102422	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2423	Đặng Trần Hà	Thu	12/Dec/05	60102423	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2424	Lâm Minh	Khang	12/Oct/05	60102424	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2425	Lê An	An	3/Jan/05	60102425	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2426	Phạm Nhật	Quang	17/Nov/05	60102426	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2427	Nguyễn Đăng Hoài	Nhiên	13/Oct/05	60102427	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2428	Nguyễn Yến Trâm	Anh	7/Jul/05	60102428	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2429	Võ Quang	Trí	23/Dec/05	60102429	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2430	Trần Tường	Vy	19/Mar/05	60102430	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2431	Trịnh Lý	Khanh	3/May/05	60102431	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2432	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	14/Oct/05	60102432	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2433	Trịnh Lâm Quốc	Vinh	15/Nov/05	60102433	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2434	Nguyễn Minh	Tuấn	18/May/05	60102434	5.2	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2435	Huỳnh Ngọc Trâm	Anh	18/Nov/05	60102435	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2436	Nguyễn Quỳnh	Anh	26/Mar/05	60102436	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2437	Lê Thảo	Nguyên	1/Feb/05	60102437	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2438	Võ	Nam	28/Nov/05	60102438	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2439	Nguyễn Phan Gia	Huy	1/Jun/05	60102439	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2440	Nguyễn Lý Phương	Nghi	23/Mar/05	60102440	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2441	Phạm Quỳnh	Đan	10/Jun/05	60102441	5.3	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2442	Đinh Thị Quỳnh	Anh	16/Aug/05	60102442	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2443	Mai Hà Diệu	Anh	12/Oct/05	60102443	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2444	Nguyễn Thùy	Minh	13/Aug/05	60102444	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2445	Tạ Minh	Hiền	10/Aug/05	60102445	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2446	Chu Quốc	Anh	5/May/05	60102446	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2447	Nguyễn Cao	Lâm	19/Apr/05	60102447	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2448	Cao Thúy	Băng	3/Nov/05	60102448	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2449	Bùi Đình Quỳnh	Thơ	19/Oct/05	60102449	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2450	Huỳnh Phúc	Thái	16/Aug/05	60102450	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2451	Trần Đức	Trung	24/Jan/05	60102451	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2452	Vũ Hoàng	Long	25/Oct/05	60102452	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2453	Nguyễn Xuân	Thành	6/Jan/05	60102453	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2454	Bùi Huy	Vũ	27/Apr/05	60102454	5.4	5	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2455	Trần Khánh	An	1-Jun-07	60102455	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2456	Nguyễn Quốc Khánh	Bình	20-Jun-07	60102456	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2457	Nguyễn Kim Hà	Khanh	2-May-07	60102457	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2458	Ngô Anh	Khôi	22-Apr-07	60102458	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2459	Nguyễn Phương Bảo	Ngân	7-Jan-07	60102459	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2460	Nguyễn Hữu	Nhân	24-Mar-07	60102460	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2461	Nguyễn Yên	Nhiên	8-Nov-07	60102461	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2462	Nguyễn Tấn	Tài	1-Jan-07	60102462	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2463	Lê Phạm Trúc	Tiên	16/Dec/07	60102463	3.1	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2464	Mật Nguyễn Bảo	Khánh	7/Jun/07	60102464	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2465	Nguyễn Quốc	Khánh	4/Sep/07	60102465	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2466	Đỗ Lê Mai	Khôi	29-03-2007	60102466	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2467	Nguyễn Bảo	Khôi	30/Dec/07	60102467	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2468	Nguyễn Minh	Khôi	11/Apr/07	60102468	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2469	Huỳnh Xuân	Lâm	21/Oct/07	60102469	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2470	Trần Đức	Trí	11/Sep/07	60102470	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2471	Lê Đăng	Trình	30/Apr/07	60102471	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2472	Lâm Khánh	Tuấn	6/Mar/07	60102472	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2473	Nguyễn Đắc Anh	Tuấn	17/Nov/07	60102473	3.2	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2474	Duy Ngọc Lan	Anh	23-03-2007	60102474	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2475	Phạm Nguyễn Đông	Trang	19/Dec/07	60102475	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2476	Trần Lâm Phúc	Khang	27/Oct/07	60102476	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2477	Lương Hoàng	Khang	21/Nov/07	60102477	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2478	Huỳnh Bảo	Châu	21/Apr/07	60102478	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2479	Lê Minh	Quân	10/Mar/07	60102479	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2480	Đặng Ngọc Quỳnh	Lam	20/Apr/07	60102480	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2481	Nguyễn Chu	Hải	23/Apr/07	60102481	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2482	Trần Thanh	Hà	10/Oct/07	60102482	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2483	Bùi Quốc	Bảo	21/Nov/07	60102483	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2484	Hoàng Lê	Minh	26/Nov/07	60102484	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2485	Hoàng Duy	Khang	21/Dec/07	60102485	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2486	Phạm Đức Thuận	Thiên	10/Nov/07	60102486	3.3	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2487	Huỳnh Anh	Khoa	20/Jan/07	60102487	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2488	Lê Nguyễn Xuân	An	26/May/07	60102488	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2489	Đinh Thị Hải	Anh	6/Dec/07	60102489	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2490	Nguyễn Nhựt	Thông	4/Mar/07	60102490	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2491	Bùi Vũ Anh	Phú	18/Nov/07	60102491	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2492	Huỳnh Tuấn	An	12/Nov/07	60102492	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2493	Phạm An	Vinh	26/Apr/07	60102493	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2494	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	1/Sep/07	60102494	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2495	Võ Gia	Linh	14/Sep/07	60102495	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2496	Hàng Bảo	Quý	27/Aug/07	60102496	3.4	3	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2497	Võ Nhật	Anh	9/Mar/06	60102497	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2498	Tô Hồng	Châu	19/Mar/06	60102498	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2499	Nguyễn Châu Bảo	Nghi	24/Nov/06	60102499	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2500	Phạm Nguyễn Tiến	Đạt	14/Nov/06	60102500	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2501	Tăng Ngọc Trâm	Hương	21/Jul/06	60102501	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2502	Uông Tuấn	Kiệt	12/Nov/06	60102502	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2503	Trần Trung	Khang	1/Jun/06	60102503	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2504	Lương Anh	Khoa	29/Nov/06	60102504	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2505	Trần Lê Gia	Linh	21-Sep-06	60102505	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2506	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	31-May-06	60102506	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2507	Lê Hà Bảo	Nghi	27-Jun-06	60102507	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2508	Nguyễn Thảo	Nhi	16-Feb-06	60102508	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2509	Nguyễn Trần Tâm	Như	14-Jan-06	60102509	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2510	Huỳnh Lê Nghi	Quân	29-Jul-06	60102510	4.1	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2511	Lê Nguyễn Minh	Anh	28-Mar-06	60102511	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2512	Lê Đỗ Hải	Đăng	28-Jan-06	60102512	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2513	Trương Sỹ	Khang	16-Aug-06	60102513	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2514	Phạm Ngọc Khánh	Hân	9-May-06	60102514	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2515	Bùi Nguyên Gia	Khánh	1-Apr-06	60102515	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2516	Tạ Phương	Quỳnh	25-Jan-06	60102516	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2517	Hàng Thu	An	26-Dec-06	60102517	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2518	Nguyễn Thị Minh	Tâm	11-Jul-06	60102518	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2519	Trương Ngọc	Ngân	20-Nov-06	60102519	4.2	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2520	Trần Gia	Huy	10-Jan-06	60102520	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2521	Nguyễn Nhựt Minh	Ngân	3-Jan-06	60102521	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2522	Trần Gia	Ngọc	14-Jun-09	60102522	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2523	Nguyễn Trần	Nguyên	3-Sep-06	60102523	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2524	Đặng Võ Minh	Nhựt	2-Jan-06	60102524	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2525	Trần Hoàng Anh	Quân	18-May-06	60102525	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2526	Huỳnh Minh	Thy	27-Feb-06	60102526	4.3	4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2527	Trịnh Võ Đăng	Khoa	26-Jun-05	60102527	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2528	Đỗ Anh	Khôi	25-Mar-05	60102528	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2529	Trần Phương	Bình	30-Mar-05	60102529	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2530	Nguyễn Ngọc Hà	My	7-Sep-05	60102530	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2531	Lê Anh	Minh	29-Nov-05	60102531	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2532	Phan Thanh	Bình	1-Aug-05	60102532	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2533	Nguyễn Uyên	Khánh	27-Jan-05	60102533	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2534	Lê Hoàng Ngọc	Mai	21-Nov-05	60102534	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2535	Võ Lê Khương	Di	12-Oct-05	60102535	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2536	Trần Quang	Thịnh	23-Mar-05	60102536	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2537	Trần Hoàng Ngọc	Khánh	25-Oct-05	60102537	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2538	Phạm Phước	Văn	10-Sep-05	60102538	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2539	Lê Hiền Ngọc	Diễm	21-Apr-05	60102539	5.1	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2540	Nguyễn Hữu	Duy	14-Dec-05	60102540	5.4	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2541	Nguyễn Đặng Quốc	Khang	17-Sep-05	60102541	5.4	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2542	Lê Trương Yến	Nhi	24-Jun-05	60102542	5.4	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2543	Đỗ Huỳnh Lan	Thi	6-Oct-05	60102543	5.4	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2544	Nguyễn Hải Phước	Toàn	24-Mar-05	60102544	5.4	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2545	Nguyễn Công	Vinh	31-Oct-05	60102545	5.4	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2546	Mohammad	Danish	9-May-05	60102546	5.5	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2547	Đỗ Nguyễn Thụy	Khuê	27-Aug-05	60102547	5.5	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2548	Lê Nguyễn Gia	Hân	27-May-05	60102548	5.5	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2549	Phạm Lê Khuê	Anh	1-Aug-05	60102549	5.5	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2550	Lê Khánh	Ngân	15-Apr-05	60102550	5.5	5	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2551	Trần Hà	Khanh	14-Dec-07	60102551	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2552	Trần Hà Hải	My	22-Apr-07	60102552	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2553	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	23-Jun-07	60102553	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2554	Võ Thành	Quân	27-May-07	60102554	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2555	Nguyễn Hải	Sang	19-Jun-07	60102555	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2556	Nguyễn Ngọc Anh	Trang	29-Jun-07	60102556	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2557	Trần Ngọc Huyền	Trân	3-Nov-07	60102557	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2558	Phạm Doãn Phú	Trường	8-Sep-07	60102558	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2559	Trần Anh	Tuấn	8-Aug-07	60102559	3.1	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2560	Trần Thái	An	26-May-07	60102560	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2561	Nguyễn Thụy Việt	Đan	1-Jun-07	60102561	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2562	Trần Mỹ Vân	Hà	3-Feb-07	60102562	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2563	Châu Minh	Hiếu	10-Feb-07	60102563	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2564	Nguyễn Đức	Hưng	18-Jun-07	60102564	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2565	Đặng Nguyễn Anh	Khoa	13-Apr-07	60102565	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2566	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	29-Oct-07	60102566	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2567	Hồ Lê Tấn	Phát	11-Oct-07	60102567	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2568	Lê Ngọc Anh	Thư	28-Jul-07	60102568	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2569	Dương Hoàng Bảo	Trâm	13-Jul-07	60102569	3.3	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2570	Chu Minh	Cường	19-Jul-07	60102570	3.4	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2571	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3-Feb-07	60102571	3.4	3	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2572	Uông Ngọc Phương	Thy	20-Sep-06	60102572	4.1	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2573	Trần Đình Bào	An	21-Jan-06	60102573	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2574	Nguyễn Hồng Gia	Ân	5-Mar-06	60102574	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2575	Ngô Minh	Anh	18-Jul-06	60102575	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2576	Nguyễn Gia	Bảo	4-Aug-06	60102576	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2577	Trần Huỳnh Minh	Hảo	18-Aug-06	60102577	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2578	Hà Chấn	Huy	4-Jan-06	60102578	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2579	Lâm Hữu	Khang	18-Aug-06	60102579	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2580	Hoàng Ngọc Bảo	Khánh	13-Sep-06	60102580	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2581	Phạm Minh	Khôi	30-Mar-06	60102581	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2582	Đoàn Xuân	Mai	4-Jan-06	60102582	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2583	Lý Xuân	Mai	14-Sep-06	60102583	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2584	Phạm Diệp Quang	Minh	14-Oct-06	60102584	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2585	Phạm	Nguyên	22-Aug-06	60102585	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2586	Bùi Ngọc Khả	Nhi	17-Jan-06	60102586	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2587	Trần Vương Tuyết	Nhi	14-Feb-06	60102587	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2588	Nguyễn Mai	Phương	5-Jun-06	60102588	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2589	Trần Anh	Thư	10-Aug-06	60102589	4.3	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2590	Vũ Thế	An	18-Dec-06	60102590	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2591	Bùi Quốc Thiên	Ân	18-Dec-06	60102591	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2592	Huỳnh Tuấn	Đạt	7-Oct-06	60102592	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2593	Phan Võ Thị Thanh	Hân	29-May-06	60102593	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2594	Nguyễn Minh	Hoàng	17-Dec-06	60102594	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2595	Nguyễn Duy	Khang	18-Jul-06	60102595	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2596	Trần Nguyễn Duy	Khang	27-Sep-06	60102596	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2597	Trần Phúc	Khang	6-Apr-06	60102597	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2598	Trần Đăng	Khôi	25-Oct-06	60102598	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2599	Võ Trần Đăng	Khôi	10-Apr-06	60102599	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2600	Nguyễn Vũ	Lộc	25-Aug-06	60102600	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2601	Trương Võ Thành	Nghĩa	8-Mar-06	60102601	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2602	Cầm Quỳnh	Nhi	12-May-06	60102602	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2603	Vũ Nguyễn Thu	Tâm	11-Jan-06	60102603	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2604	Lê Nguyễn Anh	Thư	10-Jul-06	60102604	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2605	Nguyễn Vũ Hoàng Ngọc	Trình	27-Jul-06	60102605	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2606	Phạm Nguyễn Phương	Trình	18-Jul-06	60102606	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2607	Ngô Ngọc Thảo	Trình	30-Jun-06	60102607	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2608	Vũ Cát	Tường	19-Jan-06	60102608	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2609	Võ Nguyễn Thanh	Vân	29-Nov-06	60102609	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2610	Nguyễn Ngọc Dạ	Uyên	14-Jun-06	60102610	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2611	Nguyễn Vũ Phương	Uyên	17-Jan-06	60102611	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2612	Trương Hải	Yến	23-Jan-06	60102612	4.4	4	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2613	Lã Hoàng Nhật	Vy	26-Sep-05	60102613	5.1	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2614	Vũ Phương	Bắc	7-Feb-05	60102614	5.2	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2615	Trần Gia	Khánh	10-Sep-05	60102615	5.2	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2616	Hồ Dương Chí	Tâm	23-Apr-05	60102616	5.2	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2617	Vũ Gia	Thuy	26-Jun-05	60102617	5.2	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2618	Nguyễn Trúc Hoài	Thương	25-Apr-05	60102618	5.2	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2619	Lưu Hoàng Bảo	Ngọc	17-Aug-05	60102619	5.2	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2620	Nguyễn Đức	Anh	3-Aug-05	60102620	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2621	Nguyễn Vũ Phương	Anh	28-Jun-05	60102621	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2622	Hoàng Thiên Hồng	Ân	11-May-05	60102622	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2623	Lê Đặng Anh	Đào	8-Oct-05	60102623	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2624	Nguyễn Võ Gia	Huy	2-Oct-05	60102624	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2625	Phạm Mai	Khanh	31-Mar-05	60102625	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2626	Phan Anh	Khoa	13-Sep-05	60102626	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2627	Đnh Tú	Linh	9-Jun-05	60102627	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2628	Tôn Thất Nhật	Minh	2-Apr-05	60102628	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2629	Nguyễn Đàm Tâm	Như	30-Oct-05	60102629	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2630	Phan Minh	Phú	9-Jan-05	60102630	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2631	Long Nguyễn Hạnh	Thông	30-May-05	60102631	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2632	Vũ Lý Hương	Thơ	17-Mar-05	60102632	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2633	Đỗ Hoàng Anh	Thư	16-Dec-05	60102633	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2634	Nguyễn Cao Tấn	Phúc	26-Jul-05	60102634	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2635	Phạm Nguyễn Mỹ	Trâm	7-May-05	60102635	5.3	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2636	Trương Bảo	Di	16-Mar-05	60102636	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2637	Ngô Nguyễn Như	Hà	15-Feb-05	60102637	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2638	Trần Thái	Hòa	12-Jul-05	60102638	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2639	Nguyễn Tuấn	Kiệt	24-May-05	60102639	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2640	Phạm Nguyễn Hồng	Loan	5-May-05	60102640	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2641	Nguyễn Đình Thiên	Nam	7-Nov-05	60102641	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2642	Lê Hoàng	Phúc	5-Nov-05	60102642	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2643	Vũ Hoàng	Quân	11-Jul-05	60102643	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2644	Trần Minh	Quân	9-Aug-05	60102644	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2645	Võ Tấn	Tài	1-Dec-05	60102645	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2646	Tôn Nữ Thanh	Thảo	19-Oct-05	60102646	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2647	Bùi Diễm	Thiên	12-Jun-05	60102647	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2648	Nguyễn Hồng	Trang	7-Apr-05	60102648	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2649	Nguyễn Đức	Vinh	7-Oct-05	60102649	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2650	Nguyễn Duy	Thịnh	22-Aug-05	60102650	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2651	Trịnh Huỳnh Giao	Phương	22-Aug-05	60102651	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2652	Nguyễn Ngọc Kim	Anh	18-Jun-05	60102652	5.4	5	Phạm Ngọc Thạch	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2653	Bùi Minh	Trúc	14/Feb/07	60102653	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2654	Lê Huy	Minh	14/Nov/07	60102654	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2655	Nguyễn Tấn	Phước	9/Sep/07	60102655	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2656	Trần Minh	Khải	12/Aug/07	60102656	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2657	Phan Thiên	Nam	3/Sep/07	60102657	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2658	Nguyễn Hồng	Rose-marie	17/Jun/07	60102658	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2659	Trịnh Anh	Tuấn	13/Dec/07	60102659	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2660	Hà Nguyễn Thảo	Nhiên	7/Feb/07	60102660	3.1	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2661	Dương Tấn Anh	Tuấn	24/Oct/07	60102661	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2662	Nguyễn Phúc	Huỳnh	28/Mar/07	60102662	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2663	Nguyễn Ngọc Thảo	My	27/Aug/07	60102663	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2664	Trần Phan Bảo	Ngân	29/Mar/07	60102664	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2665	Nguyễn Thành	Nhân	10/Apr/07	60102665	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2666	Bùi Ngọc Bảo	Hân	28/Nov/07	60102666	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2667	Nguyễn Trần Kim	Khánh	19/Mar/07	60102667	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2668	Phạm Tú Kỳ	Anh	16/Oct/07	60102668	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2669	Trần Nhật	Nam	10/Feb/07	60102669	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2670	Đường Nguyễn Ngọc	Khánh	15/Jun/07	60102670	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2671	Hoàng Đăng	Khánh	3/Oct/07	60102671	3.2	3	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2672	Hô Quỳnh	Anh	14/Jan/06	60102672	4.2	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2673	Hà Phan Hạo	Quân	11/Apr/06	60102673	4.2	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2674	Trần Võ Nháth	Quang	31/Jul/06	60102674	4.2	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2675	Lê Ngọc Tuyết	Mai	1/Apr/06	60102675	4.2	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2676	Đinh Tiến	Huy	6/Aug/06	60102676	4.2	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2677	Huỳnh Bá	Khang	23/May/06	60102677	4.2	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2678	Phạm Việt	An	7/Sep/06	60102678	4.1	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2679	Phạm Lê	Minh	10/Jul/06	60102679	4.1	4	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2680	Nguyễn Đăng	Bảo	1/Jun/05	60102680	5.2	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2681	Bùi Việt Thanh	Sơn	25/Apr/05	60102681	5.2	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2682	Bùi Quốc	Khang	29/Jan/05	60102682	5.2	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2683	Nguyễn Phan Trúc	Vy	5/Jun/05	60102683	5.2	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2684	Huỳnh Đông	Hy	18/Jun/05	60102684	5.3	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2685	Phan Ngọc Khánh	Trần	3/Jun/05	60102685	5.3	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2686	Tạ Chiến	Thắng	19/Jan/05	60102686	5.3	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2687	Vũ Thụy Minh	Thư	16/Jul/05	60102687	5.3	5	Vạn Tường	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2688	Nguyễn Ngọc	Trâm	6/Feb/07	60102688	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2689	Huỳnh Thục	Mẫn	20/Jul/07	60102689	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2690	Bùi Linh	Chi	26/Apr/07	60102690	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2691	Nguyễn Hà Minh	Đan	5/Apr/07	60102691	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2692	Nguyễn Kim	Nguyên	30/Apr/07	60102692	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2693	Hoàng Xuân Thanh	Nhã	14/Jun/07	60102693	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2694	Phạm Ngọc	Quang	24/Apr/07	60102694	3.1	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2695	Vũ Thanh	Hằng	18/Feb/07	60102695	3.2	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2696	Lê Tường	Loan	20/Apr/07	60102696	3.2	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2697	Phạm Bá	Nhân	18/Apr/07	60102697	3.2	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2698	Lê Kim Minh	Nhật	26/Jul/07	60102698	3.2	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2699	Dương Chí	Tiến	8/Feb/07	60102699	3.2	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2700	Huỳnh Ngọc Đăng	Khoa	26/Nov/07	60102700	3.3	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2701	Nguyễn Đăng	Khoa	10/Mar/07	60102701	3.3	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT No.	Họ và Tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2702	Đặng	Trí	21/Nov/07	60102702	3.3	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2703	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	4/Jun/07	60102703	3.3	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2704	Tạ Ngọc Minh	Khuê	1/Sep/07	60102704	3.3	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2705	Đặng Quang	Hào	6/Aug/07	60102705	3.4	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2706	Trần Anh	Tú	13/Aug/07	60102706	3.4	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2707	Lê Thị Ngọc	Trâm	16/May/07	60102707	3.4	3	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2708	Lê Thùy Bảo	Nghi	4/Jul/06	60102708	4.1	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2709	Nguyễn Trí	Nhân	11/Mar/06	60102709	4.2	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2710	Võ Ngọc Minh	Anh	15/Aug/06	60102710	4.2	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2711	Nguyễn Ngọc	Hiếu	5/Sep/06	60102711	4.2	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2712	Bùi Nguyễn Vinh	Khang	23/Dec/06	60102712	4.3	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2713	Vũ Hải	Phương	15/Jul/06	60102713	4.3	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2714	Trần Ngọc Thái	Vy	9/Jan/06	60102714	4.3	4	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2715	Vũ Nguyên	Vinh	9/Jul/05	60102715	5.2	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2716	Nguyễn Huỳnh Mạnh	An	8/Sep/05	60102716	5.3	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2717	Nguyễn Phúc Gia	Nghi	23/Jan/05	60102717	5.4	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2718	Tạ Minh	Thư	20/Dec/05	60102718	5.4	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2719	Tạ Minh	Trang	20/Dec/05	60102719	5.4	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2720	Lê Thảo	Vân	1/Jun/05	60102720	5.4	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2721	Hoàng Thảo	Nhi	4/Jul/05	60102721	5.4	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM
2722	Nguyễn Lê Anh	Thơ	2/Jan/05	60102722	5.4	5	Quốc tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Kỳ Đồng Số 24 Kỳ Đồng , P.09, Q.03 , HCM

STT <i>No.</i>	Họ và Tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
-------------------	--	--------------------------	-------------------------	-----------------------------	---------------------	----------------------	-----------------------------	-------------------------	-------------------------------	--------	--------------------------------------